BÁO CÁO VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Biến cơ hội thành giá trị

Tháng 04 năm 2024

Biến cơ hội thành giá trị

Mục Lục

Tóm tắt.....tr.3

Kinh tế Vĩ mô tháng 03.....tr.4

Tổng quan TTCK tháng 03.....tr.17

Triển vọng TTCK tháng 04.....tr.34

Lịch sự kiện tháng 04.....tr.38

Danh sách mã khuyến nghị năm 2024.....tr.39

Tuyên bố miễn trừ..... tr.58

TÓM TẮT

- **VN-Index tăng tháng thứ 5 liên tiếp và chốt Quý 1 tăng 13,64% so với cuối năm 2023, đóng cửa cuối tháng tại 1.284,09 điểm.** Động lực tăng điểm trong tháng 3 là nhóm Midcap và Smallcap trong khi nhóm cổ phiếu bluechips có dấu hiệu chững lại và phân hóa mạnh.

- **Thanh khoản thị trường tăng mạnh 183,03% YoY trong tháng 3, đạt gần 30.000 tỷ đồng/phiên**. Giá trị giao dịch toàn thị trường quý 1/2024 tăng 19% so với quý 1V năm 2023 và tăng 2,1 lần so với cùng kỳ. Dòng tiền từ nhà đầu tư cá nhân tiếp tục gia tăng mua ròng trong tháng 3. Lũy kế 3 tháng đầu năm 2024, số lượng tài khoản tăng thêm đạt 402.476 tài khoản, gấp 2,8 lần so với cùng kỳ năm 2023.

- **Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng mạnh tháng 3 trong đó các quỹ ETF bị rút ròng 201 triệu USD.** Trong quý 1 năm 2024, khối ngoại bán ròng 11.550 tỷ, duy trì xu hướng bán ròng mạnh liên tục trên HOSE từ đầu năm 2023 với giá trị lũy kế lên đến 38.533,39 tỷ đồng.

- **Kinh tế phục hồi trong Quý 1.** GDP quý 1/2024 tăng 5,66% YoY, cao nhất trong giai đoạn 2020-2023 từ nền so sánh thấp của cùng kỳ các năm trước nhờ sự tăng trưởng trở lại của lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo và xây dựng. Vốn FDI thu hút quý 1 tăng 13,4% YoY trong đó vốn cấp mới tăng 38,4% YoY, vốn giải ngân tăng 7,18% YoY. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tăng 17% YoY, cán cân thương mại xuất siêu 8,08 tỷ USD. Tuy nhiên hoạt động của các doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn, PMI vẫn chưa cho tín hiệu ổn định, áp lực tỷ tăng khiến cho NHNN phải mở lại kênh phát hành tín phiếu, tăng trưởng tín dụng cải thiện trong tháng 3 nhưng tính đến thời điểm 25/03/2024 chỉ tăng 0,26%.

- **Xu hướng VN-Index trong tháng 4 được dự báo sẽ rung lắc và tích lũy trước ngưỡng cản 1.300 điểm.** Trong kịch bản tích cực, VN-Index sẽ diễn biễn sideway trong vùng 1.250 điểm - 1.300 điểm để chờ đợi thêm các tín hiệu tích cực hơn. Trong trường hợp tiêu cực nếu đánh mất ngưỡng hỗ trợ quan trọng 1.250 điểm, Vn-Index được dự báo sẽ lùi về tích lũy trong vùng rộng 1.150 điểm - 1.250 điểm.

- Danh mục cổ phiếu khuyến nghị tháng 4 bổ sung thêm CNG và VSC. Trong tháng 3 các cổ phiếu tích cực nhất danh mục là GVR (+15,9%), PHR (+14,7%), TCB (+12,7%), KBC (+12,7%)… cổ phiếu kém tích cực nhất danh mục là IDC (+0,2%), DCM (+4,15%). Tính từ đầu năm 2024 có 6/13 mã tăng giá thấp hơn VN-Index, 7 mã có mức tăng cao hơn.

KINH TẾ VĨ MÔ
THÁNG 03

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 03

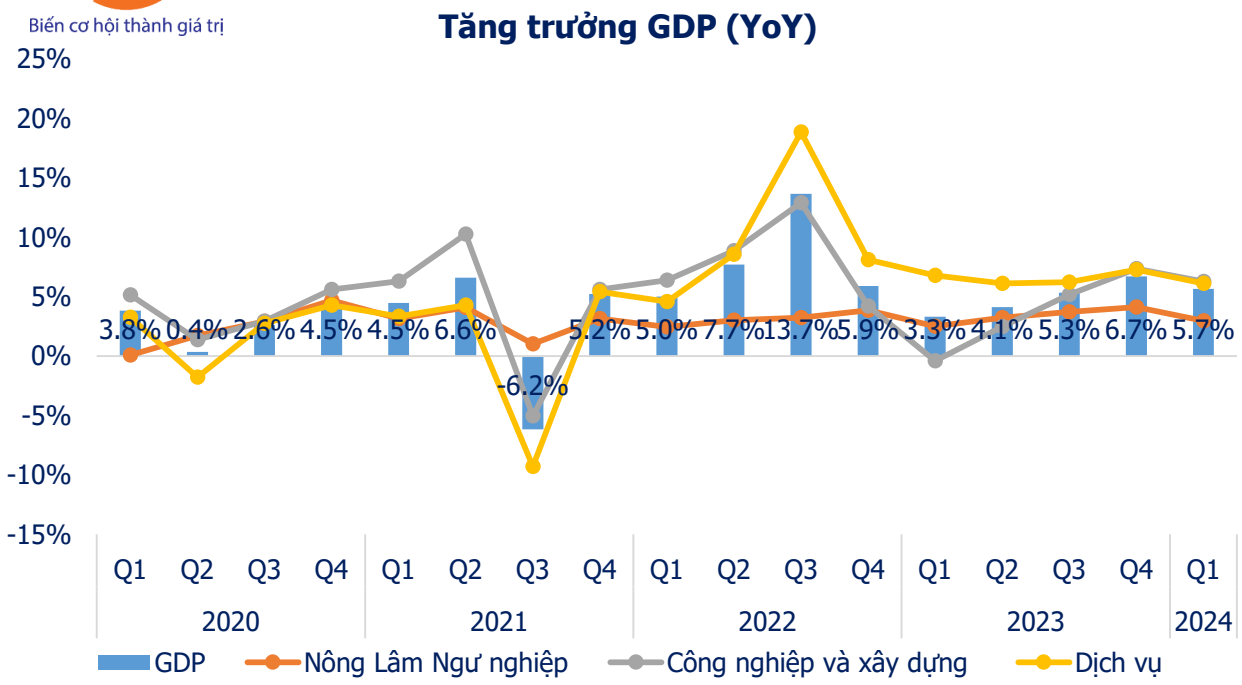

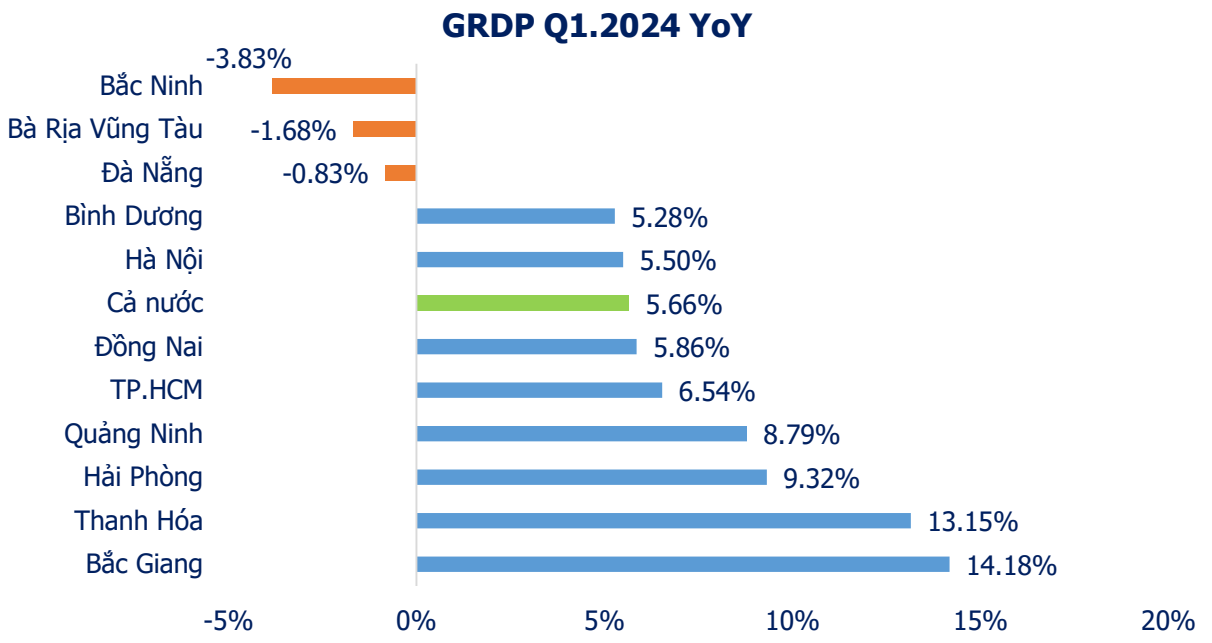

Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

GDP Quý 1/2024 ước tăng 5,66% YoY, cao nhất trong giai đoạn 2020-2023 từ nền so sánh thấp của cùng kỳ năm trước. Điểm sáng trong cơ cấu tăng trưởng GDP đến từ lĩnh vực công nghiệp và xây dựng với mức tăng trưởng 6,28%, từ mức giảm 0,4% của Q1/2023. Cụ thể, ngành xây dựng, lĩnh vực được hưởng lợi từ giải ngân vốn đầu tư công, tăng 6,83%, ngành công nghiệp tăng 6,18%, trong đó ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 6,98%. Ngành công nghiệp chế biến chế tạo trong Quý 1 được hưởng lợi nhờ xu hướng đi lên của chu kỳ điện tử, khi Việt Nam là trung tâm sản xuất quan trọng cho điện thoại thông minh của Samsung.

Xét theo từng địa phương, Bắc Ninh và Bà Rịa Vũng Tàu vẫn ghi nhận GRDP giảm so với cùng kỳ, từ mức nền thấp thời điểm Q1/2023. Tăng trưởng giảm của tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu phần lớn do khai thác dầu khí giảm, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp chỉ tăng 1,14% YoY, trong khi mức tăng ngành công nghiệp trừ dầu khí là 13,11%. Tăng trưởng GRDP tại Bắc Ninh tiếp tục giảm, chỉ số sản xuất công nghiệp tại Bắc Ninh giảm 8,67% trong Q1/2024, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 8,81%, ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 9,57%. Điểm tích cực là chỉ số sản xuất công nghiệp tại Bắc Ninh đã phục hồi đáng kể trong tháng 3, lên 7,34%, từ mức giảm -15,09% và -17,63% trong tháng 1 và tháng 2. KQKD khả quan của Samsung Electronics trong Q1/2024, đến từ sự hồi phục mạnh của thị trường chip và doanh số bán hàng mạnh mẽ của điện thoại thông minh hỗ trợ AI, được kỳ vọng giúp tăng trưởng của Bắc Ninh tích cực trở lại trong Quý 2.

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 03

Quý 1, sản xuất công nghiệp đóng góp 2,02 điểm phần trăm vào tổng mức tăng GDP của nền kinh tế. Theo đó, chỉ số IIP tháng 3 ghi nhận tăng gần 20% so với tháng trước và tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung Q1/2024, IIP ước tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 giảm 2,6%). Trong đó:

- Các ngành trọng điểm cấp 2 quen thuộc vẫn duy trì tăng trưởng bao gồm Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất (+28,4%); Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+25,8%); Sản xuất thiết bị điện tăng 24,8%; Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế (+21,7%); Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (+18,1%); Sản xuất kim loại (+16,6%); Dệt (+4,6%). Ngược lại, chỉ số IIP của một số ngành giảm mạnh là Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị (-21,2%); khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên (-8,6%).
- Hoạt động sản xuất và phân phối điện tăng 12,1%; khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 5,8%. Lĩnh vực Khai khoáng suy giảm 4,1%.

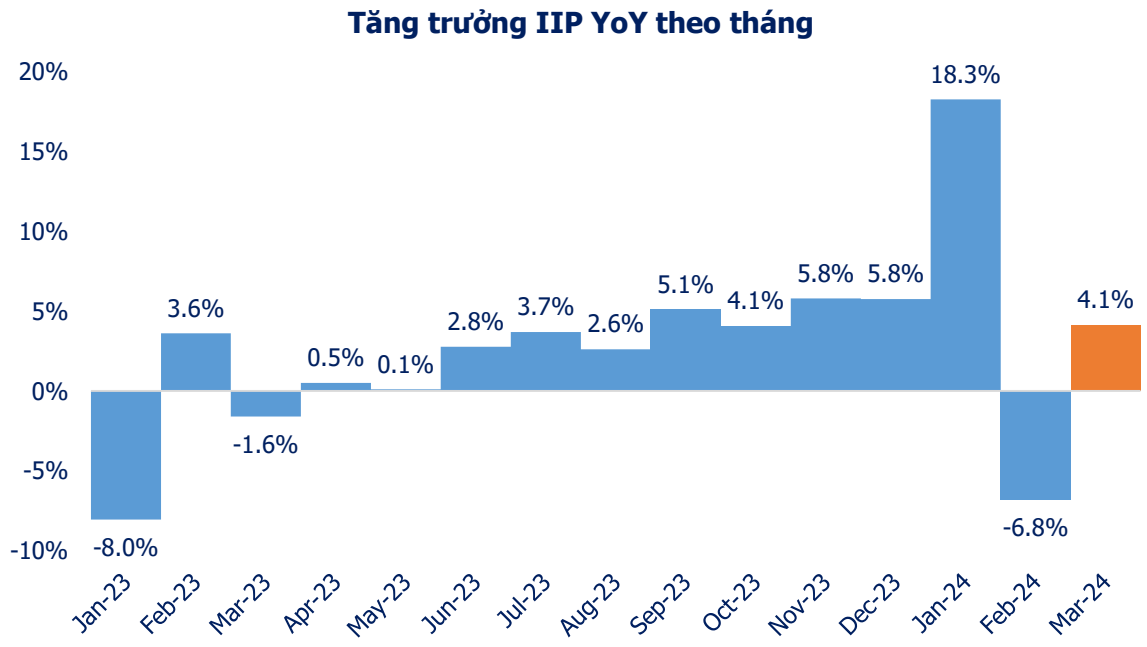

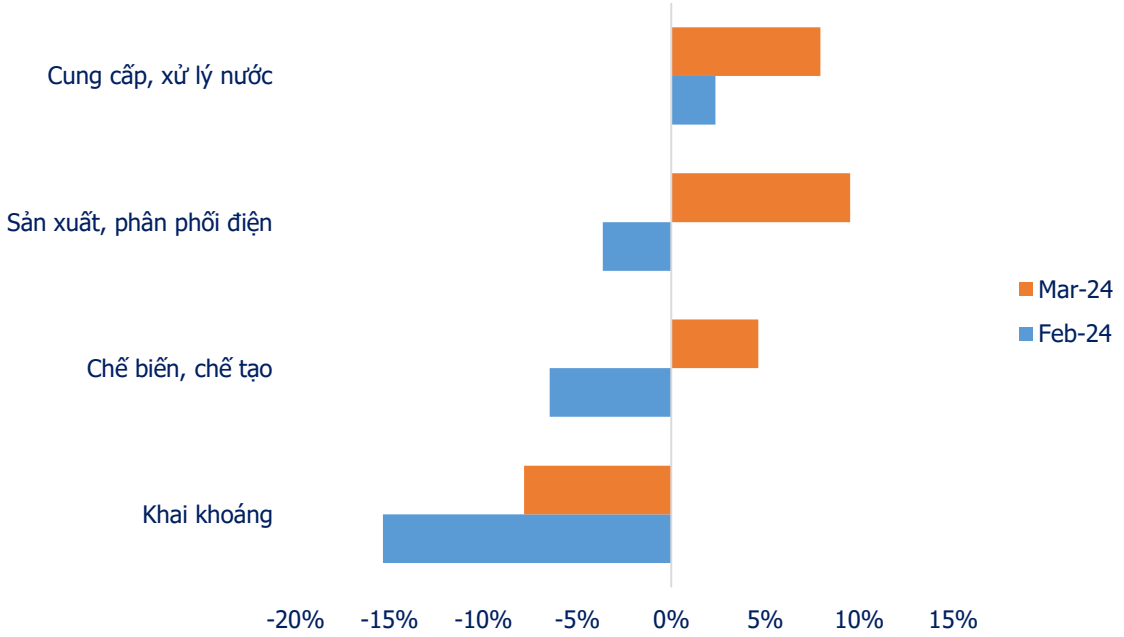

Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 03

PMI quay lại dưới ngưỡng 50 điểm. Theo S&P Global, ngành sản xuất Việt Nam không có sự thay đổi trong tháng 3, PMI giảm về mức 49,9 điểm so với mức 50,4 điểm trong tháng 2 khi cả sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều giảm.

- Số lượng đơn đặt hàng mới giảm mặc dù giá hàng hóa đã được chiết khấu để giúp tăng doanh số. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới cũng giảm, và mức độ giảm là lớn nhất kể từ tháng 7/2023 trong bối cảnh có áp lực cạnh tranh và những vấn đề về địa chính trị.
- Hoạt động mua hàng tương ứng giảm trong tháng 3, đây là lần giảm hoạt động mua hàng thứ năm liên tiếp. Tồn kho hàng hóa đầu vào theo đó đã giảm mạnh.
- Nhu cầu hàng hóa đầu vào giảm đã góp phần làm chậm tốc độ tăng chi phí đầu vào, mức tăng chi phí lần này là nhẹ nhất kể từ tháng 8 năm ngoái và yếu hơn mức trung bình lịch sử. Các nhà sản xuất đã giảm giá bán hàng lần thứ hai trong ba tháng qua do áp lực cạnh tranh, tình hình nhu cầu yếu và mức tăng chi phí chậm hơn.
- Điểm tích cực là niềm tin về triển vọng sản lượng trong một năm tới đạt mức cao của 18 tháng, và các nhà sản xuất tuyển thêm nhân viên với tốc độ nhanh hơn.

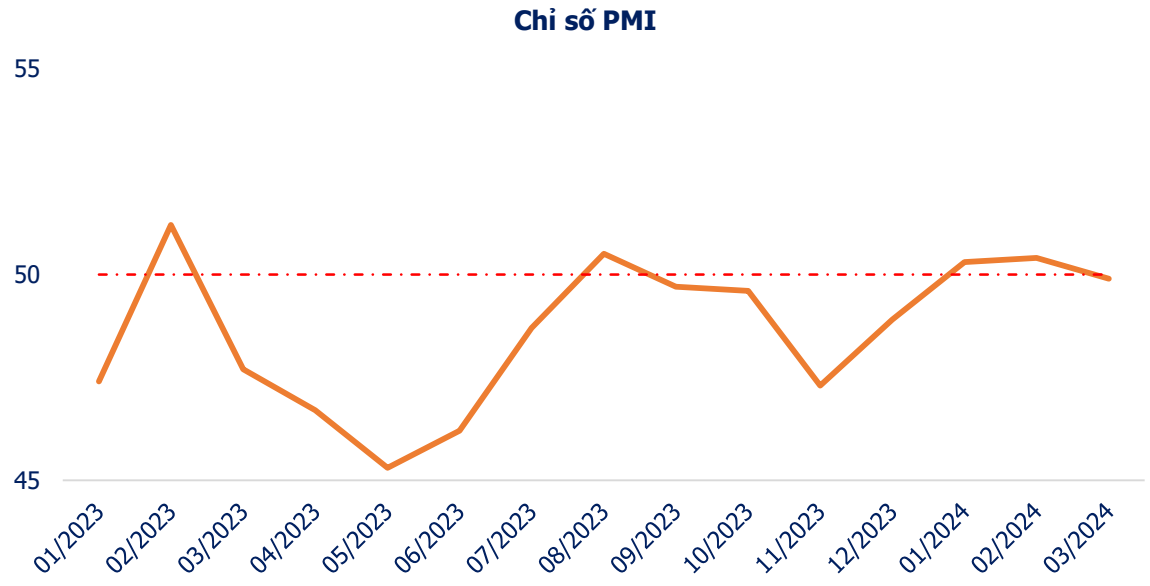

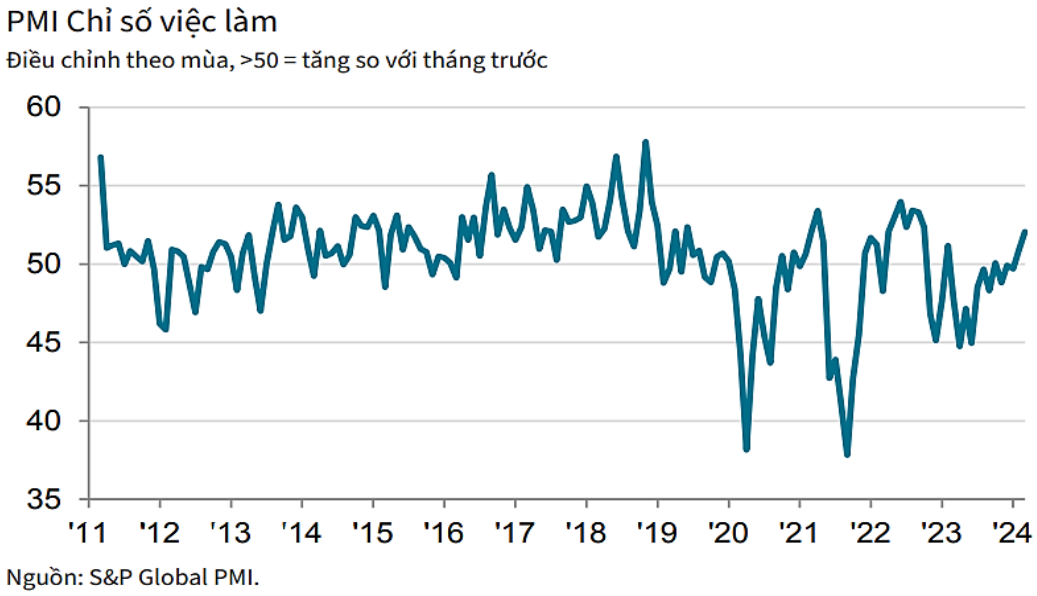

Nguồn: S&P Global, SHS tổng hợp

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 03

Hoạt động thương mại và dịch vụ tiếp tục phục hồi. Theo đó, tổng mức BLHH và DVTD theo giá hiện hành ước đạt 509,3 nghìn tỷ đồng, tăng 9,2% so với cùng kỳ. So với cùng kỳ, BLHH tăng 7,6%, dịch vụ ăn uống lưu trú tăng 15,8% và du lịch vẫn tiếp tục tăng trưởng ấn tượng (+66,1%).

Tính chung Q1/2024, tổng mức BLHH và DVTD theo giá hiện hành ước đạt 1.537,6 nghìn tỷ đồng, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước (QI/2023 tăng 13,9%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,1% (quý 1/2023 tăng 10,1%).

Q1/2024 ghi nhận 4,6 lượt khách quốc tế tới Việt Nam, tăng 72% so với cùng kỳ. Điều này giúp doanh thu của một số địa phương tăng cao so với cùng kỳ năm trước như Đà Nẵng (+69%); TP. Hồ Chí Minh (+59%); Cần Thơ (+57,7%); Hà Nội (+47,6%); Quảng Ninh (+18,5%). Hàn Quốc và Trung Quốc vẫn đóng vai trò là nguồn khách chính. Trong đó, khách du lịch Hàn Quốc vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất với 26,5% trong quý 1, khách du lịch Trung Quốc đứng thứ 2 với gần 20% tổng lượng khách tới Việt Nam.

Tăng trưởng bán lẻ (YoY)

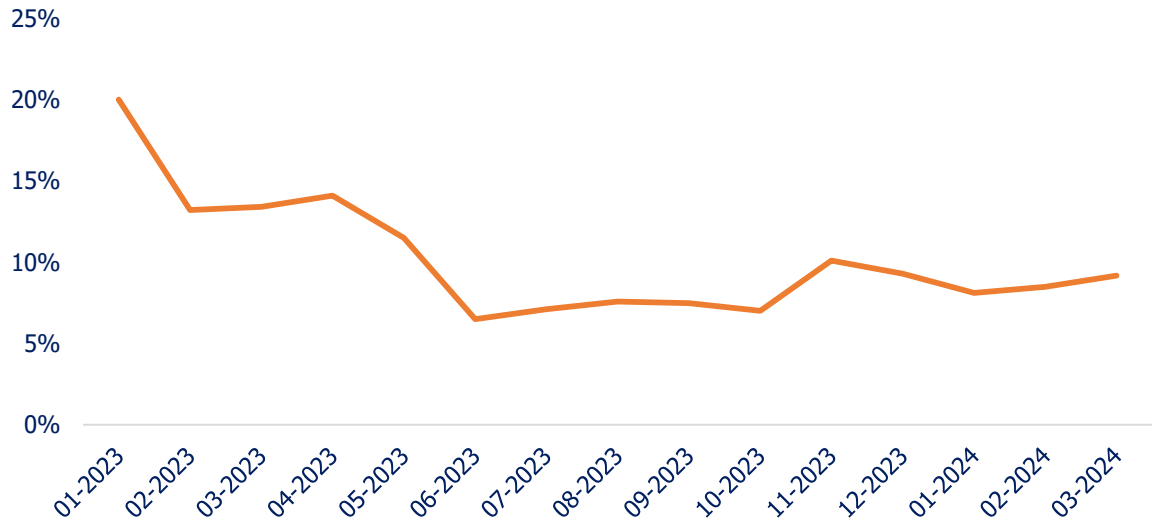

Khách du lịch quốc tế (nghìn lượt)

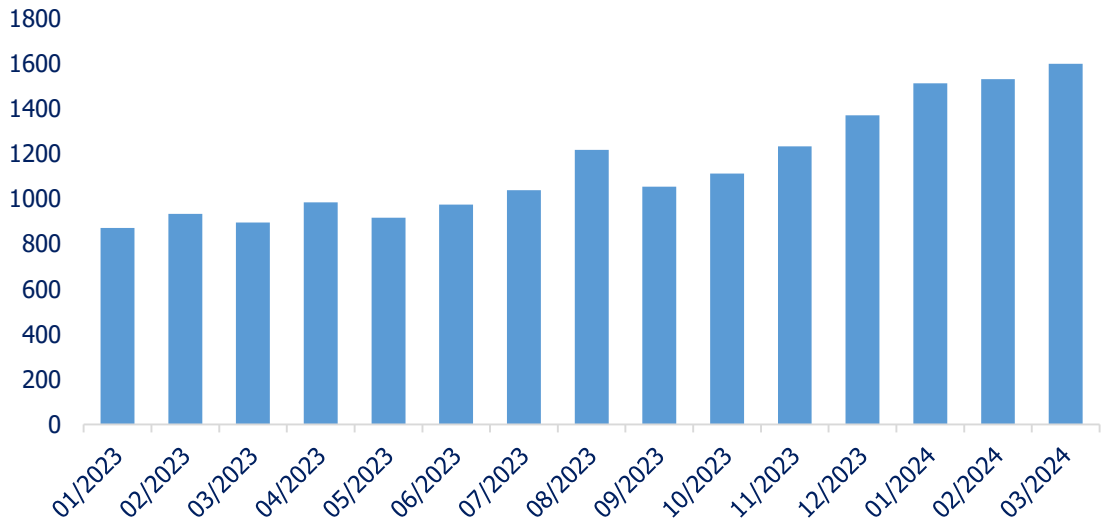

Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 03

Nhu cầu tiêu dùng sau Tết giảm kéo CPI tháng 3 giảm. Nhu cầu của người dân giảm sau dịp Tết Nguyên đán khiến giá hàng hóa và dịch vụ thiết yếu trên thị trường giảm, đặc biệt là lương thực, thực phẩm. CPI tháng 3 theo đó giảm 0,23% so với tháng trước. Trong đó mức tăng cao ở:

- (1) nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm mạnh nhất (-0,76%), làm CPI chung giảm 0,25 điểm phần trăm. (2) nhóm giáo dục giảm 0,29%, trong đó dịch vụ giáo dục giảm 0,34% do Chính phủ yêu cầu giữ ổn định mức học phí 2023-2024 tương đương 2021-2022 đối với giáo dịch mầm non và phổ thông công lập. (3) nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,12% do nhu cầu mua sắm, du xuân sau Tết Nguyên đán giảm. (4) tương tự đối nhóm đồ uống và thuốc lá (-0,07%).
- Ở chiều ngược lại, chỉ có chỉ số giá nhóm Nhà ở và VLXD tăng mạnh nhất với 0,29%.

Bình quân Q1/2024, CPI tăng 3,77% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,81%.

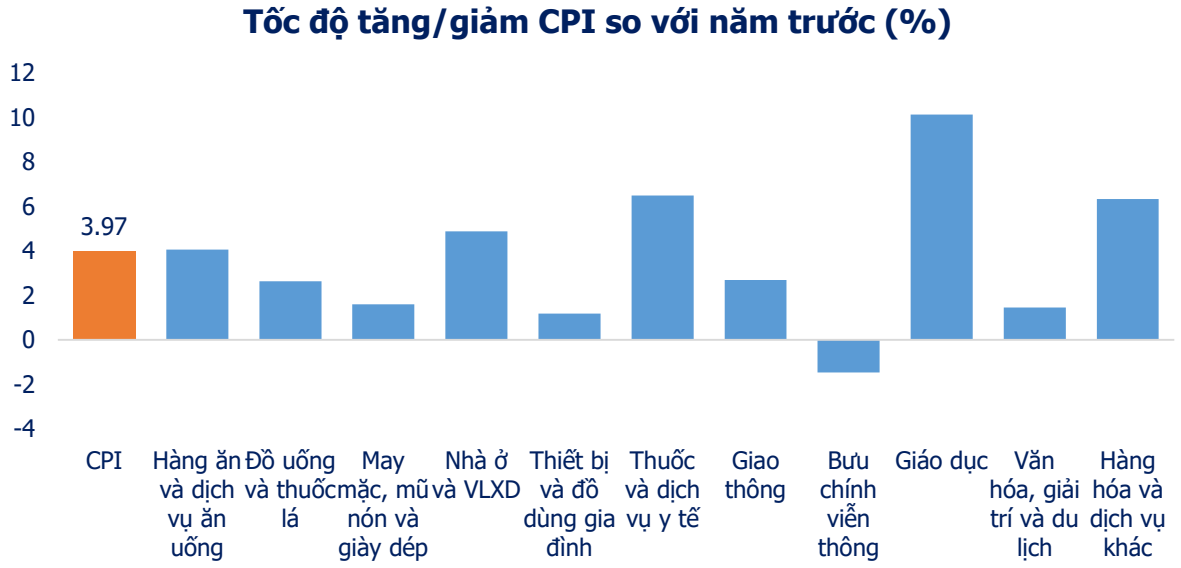

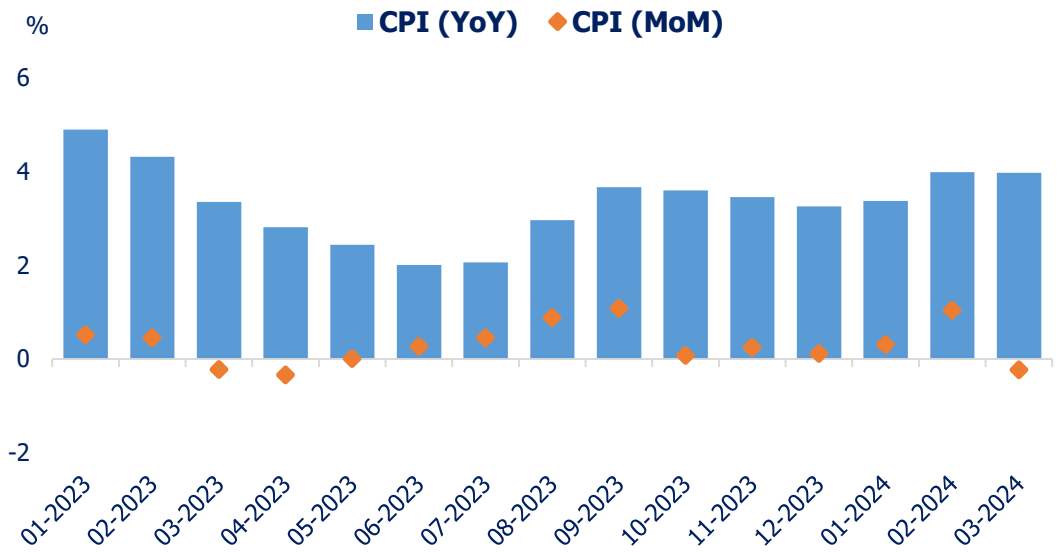

Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 03

Biến cơ hội thành giá trị

Tăng trưởng tín dụng YTD giai đoạn 2019-2024

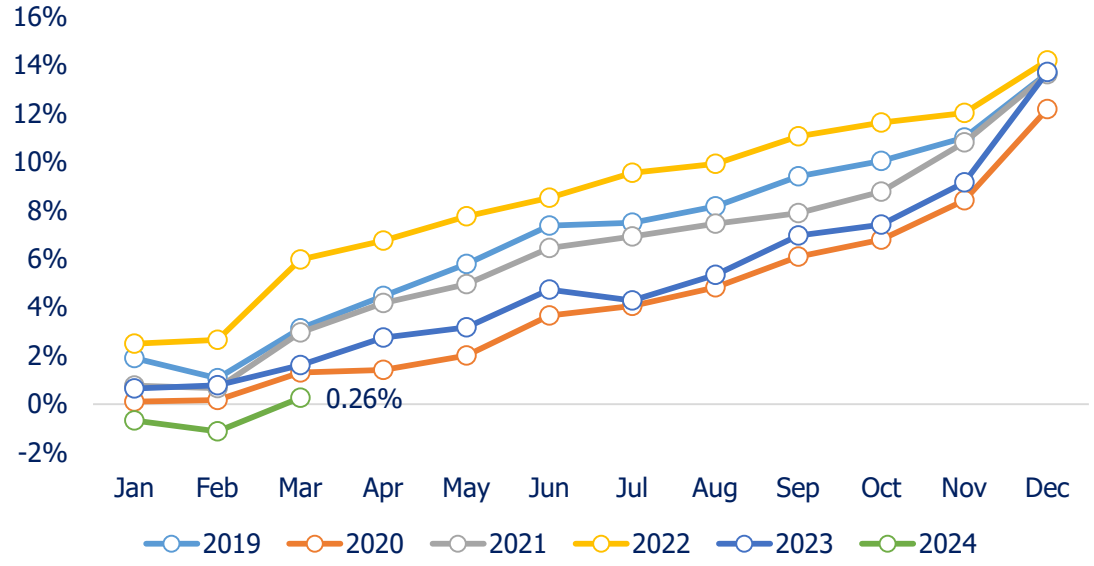

Nguồn: Bloomberg, SBV, GSO, SHS tổng hợp

Lãi suất liên Ngân hàng kỳ hạn qua đêm và diễn biến bơm rút ròng của NHNN

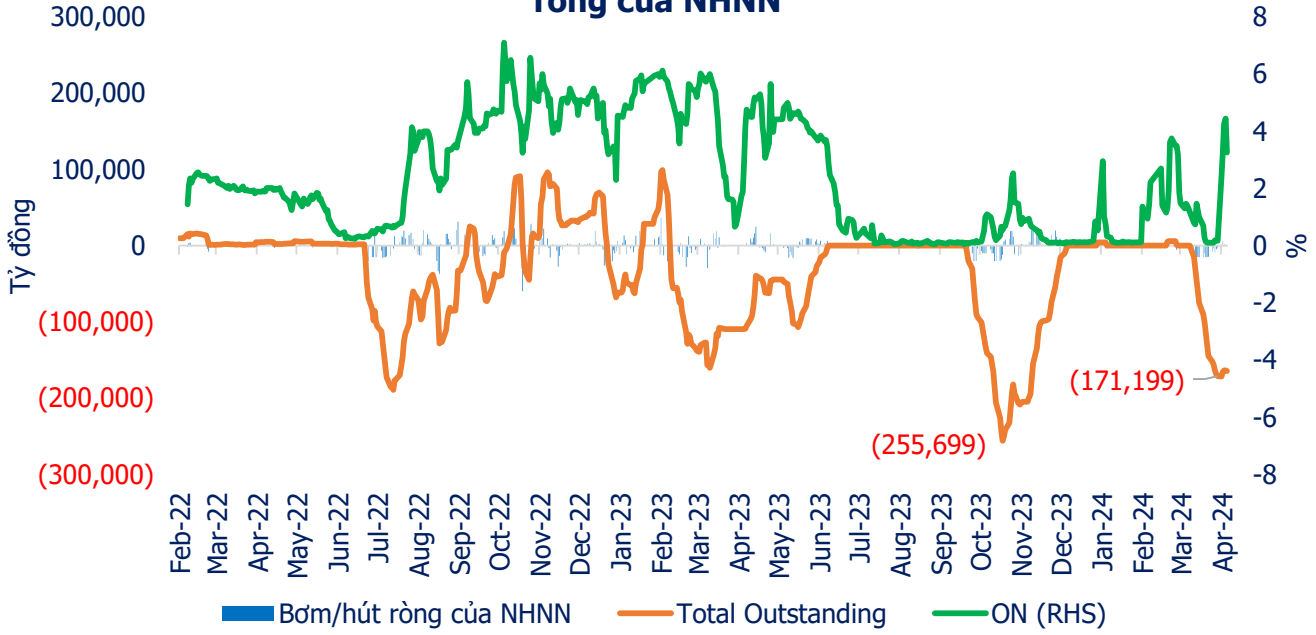

Tâm điểm trong tháng 3 là áp lực tỷ giá trước đà tăng giá mạnh của đồng DXY. NHNN đã phát hành tín phiếu, hút về 171.199 tỷ đồng trong tháng 3 nhằm giảm dư thừa thanh khoản, tăng lãi suất thị trường liên Ngân hàng từ đó giảm áp lực tỷ giá. Động thái hút ròng chậm lại về cuối tháng khi thời điểm cuối quý và đầu tháng thường có nhu cầu lớn về thanh khoản phục vụ tín dụng và dự trữ bắt buộc. Thanh khoản toàn hệ thống dồi dào khiến việc hút tiền của NHNN tác động không nhiều đến lãi suất liên Ngân hàng, lãi suất tăng thời điểm cuối tháng 3 và đầu tháng 4 phần lớn do nhu cầu dự trữ bắt buộc mang tính thời điểm. Lãi suất VND liên ngân hàng thời điểm cuối tháng 3 tăng tại hầu hết các kỳ hạn, lãi suất ON, 1W, 2W và 1M tăng mạnh từ 99 – 127 điểm cơ bản so với cuối tháng trước, lần lượt ở mức 2,51%, 2,98%, 2,71% và 3,80%.

Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống có cải thiện trong tháng 3, tính đến thời điểm 25/03/2024 tăng 0,26%, sau hai tháng tăng trưởng âm. Dư địa tăng trưởng tín dụng còn rất lớn khi NHNN đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng trong năm 2024 là 15%, tương đương 2 triệu tỷ đồng có thể được bơm vào nền kinh tế.

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 03

Biến cơ hội thành giá trị

Diễn biến tỷ giá VND/USD

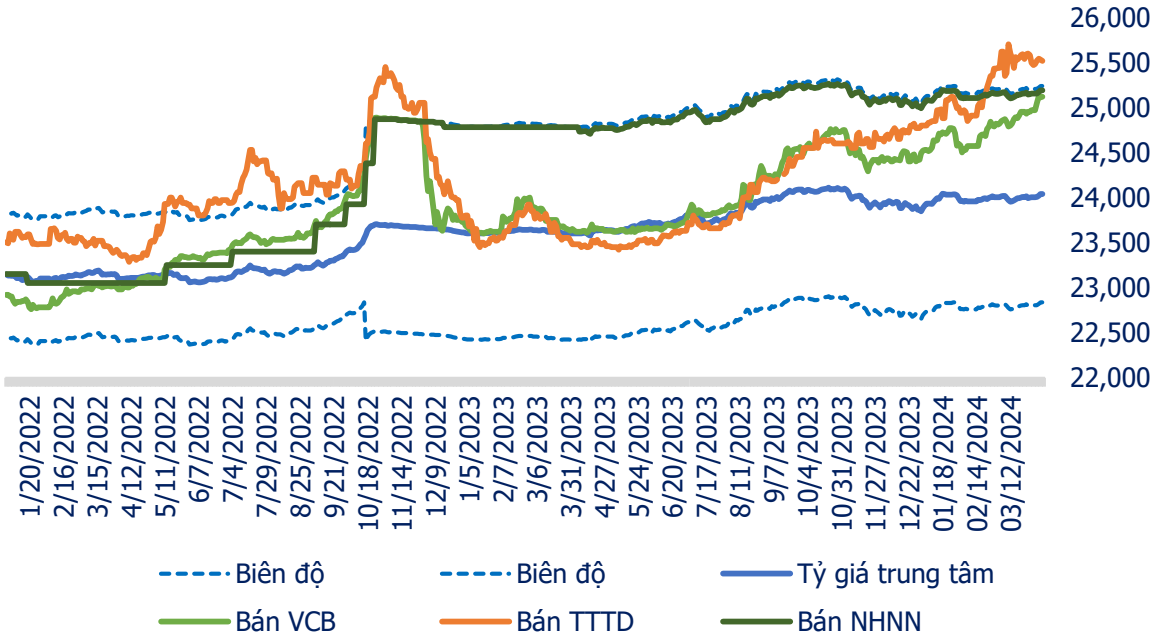

Tỷ giá USDVND và DXY Index

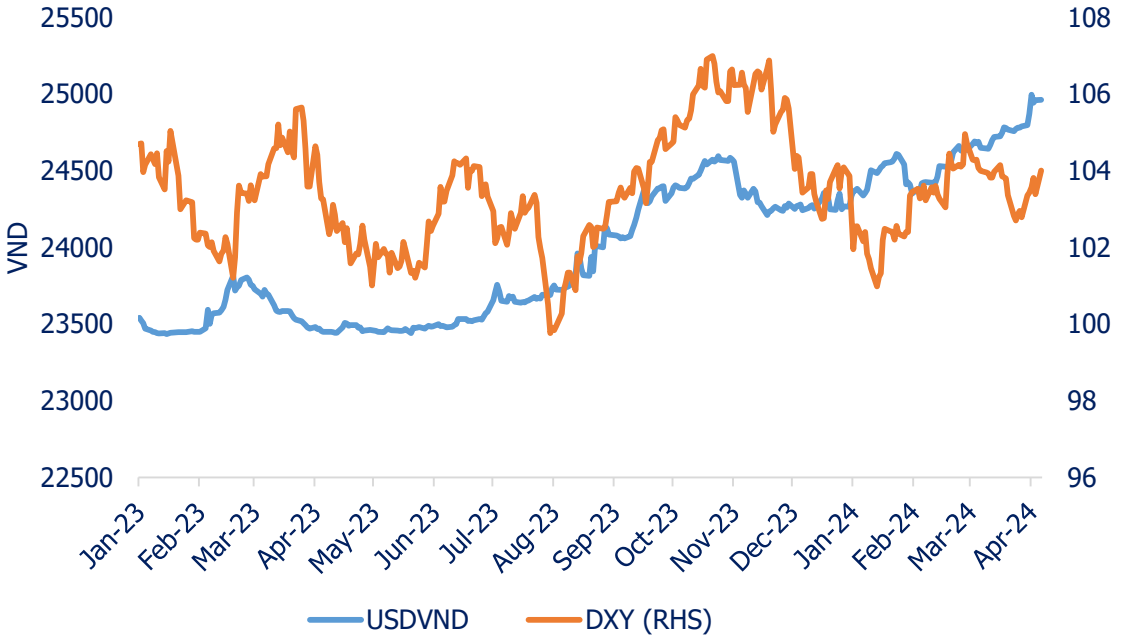

Nguồn: Bloomberg, FiinGroup, SHS tổng hợp

Trên thị trường liên ngân hàng, đồng VND giảm 0,58% so với đồng USD trong tháng 3, nâng mức giảm giá từ đầu năm lên 2,2%. Giá bán ra đồng USD tại VCB tăng khá trong tháng 3, lên gần sát mức giá bán ra của NHNN. Số liệu kinh tế Mỹ tích cực khiến kỳ vọng về thời điểm FED hạ lãi suất bị đẩy lùi là yếu tố hỗ trợ chỉ số DXY. Theo số liệu của CME FedWatch Tool, 51,9% nhà đầu tư đánh giá FED sẽ tiếp tục giữ nguyên lãi suất trong kỳ họp tháng 6, thời điểm giảm lãi suất lần đầu tiên được điều chỉnh xuống kỳ họp cuối tháng 7.

Áp lực tỷ giá tăng nóng trong những ngày đầu tháng 4, đưa mức mất giá của đồng VND lên trên 3%. Nhu cầu ngoại tệ phục vụ nhập khẩu, dòng tiền chảy về công ty mẹ từ các doanh nghiệp FDI theo định kỳ hàng năm và áp lực đồng USD mạnh lên trên thị trường quốc tế đang gia tăng sức ép lên tỷ giá. Với mức mất giá của đồng VND trên 3%, NHNN có thể sẽ thực hiện các biện pháp mạnh hơn nhằm hạ nhiệt tỷ giá.

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 03

Tổng thu NSNN tháng 3/2024 ước đạt 141,8 nghìn tỷ đồng, lũy kế quý 1/2024 đạt 539,5 nghìn tỷ đồng, tăng 9,8% YoY, bằng 31,7% dự toán năm. Trong đó, thu nội địa đạt 467,5 nghìn tỷ đồng, bằng 32,4% dự toán năm và tăng 13,5% so với cùng kỳ năm trước, cho tín hiệu bước đầu tích cực về sự phục hồi kinh tế. Chi NSNN tháng 3/2024 ước đạt 140,3 nghìn tỷ đồng, lũy kế Q1/2024 ước đạt 393,5 nghìn tỷ đồng, tăng 8,3% YoY, bằng 18,6% dự toán năm. Kết thúc Q1/2024, NSNN đang bội thu 146 nghìn tỷ đồng.

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội Q1/2024 theo giá hiện hành ước đạt 613,9 nghìn tỷ đồng, tăng 5,2% YoY. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN quý đầu năm 2024 ước đạt 97,75 nghìn tỷ đồng (+3,7% YoY), bằng 13,9% kế hoạch năm. Năm 2024, kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công được Quốc hội quyết nghị là 657.349 tỷ đồng với mục tiêu tỷ lệ giải ngân tối thiểu 95%.

Thu chi NSNN hàng tháng giai đoạn 2023-2024

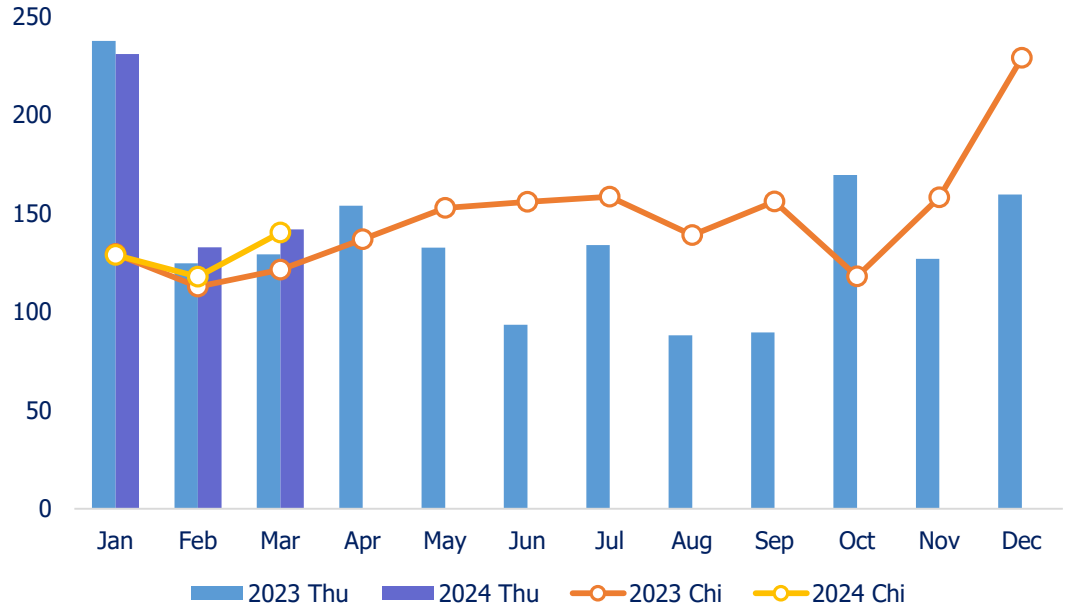

Đầu tư công từ NSNN hàng tháng

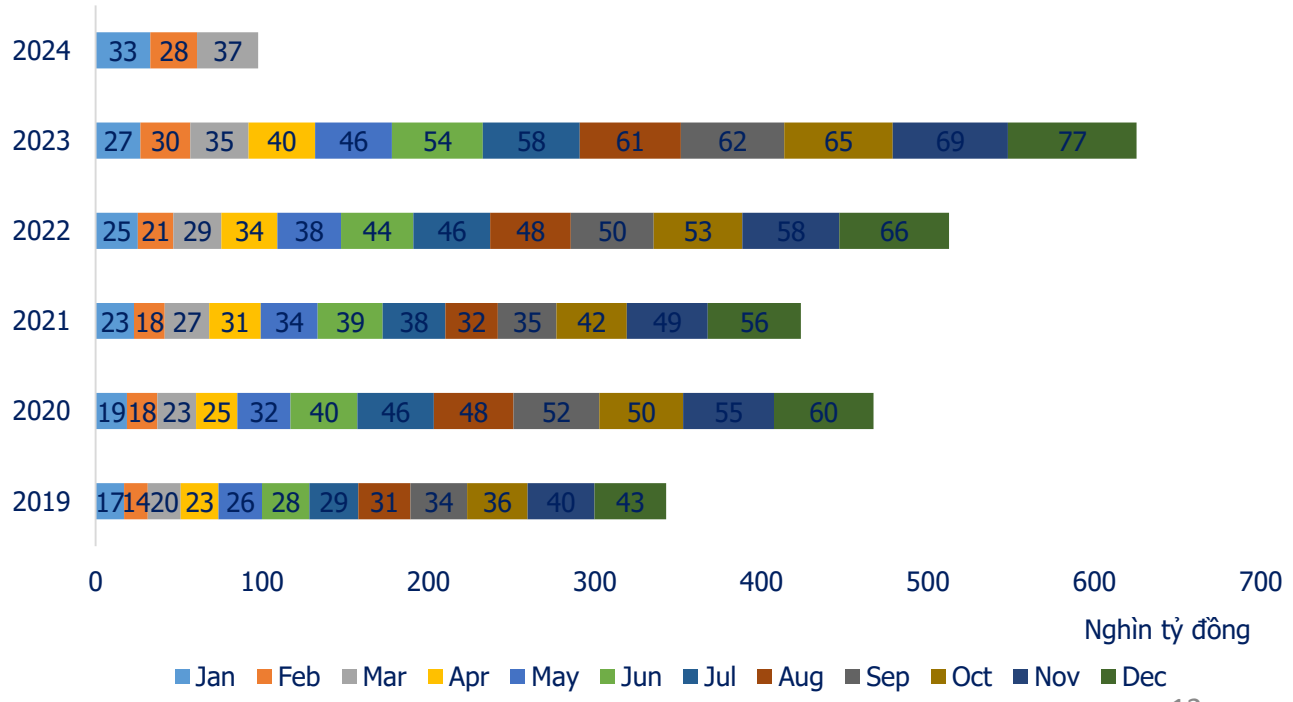

Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 03

Vốn FDI đăng ký và giải ngân theo tháng

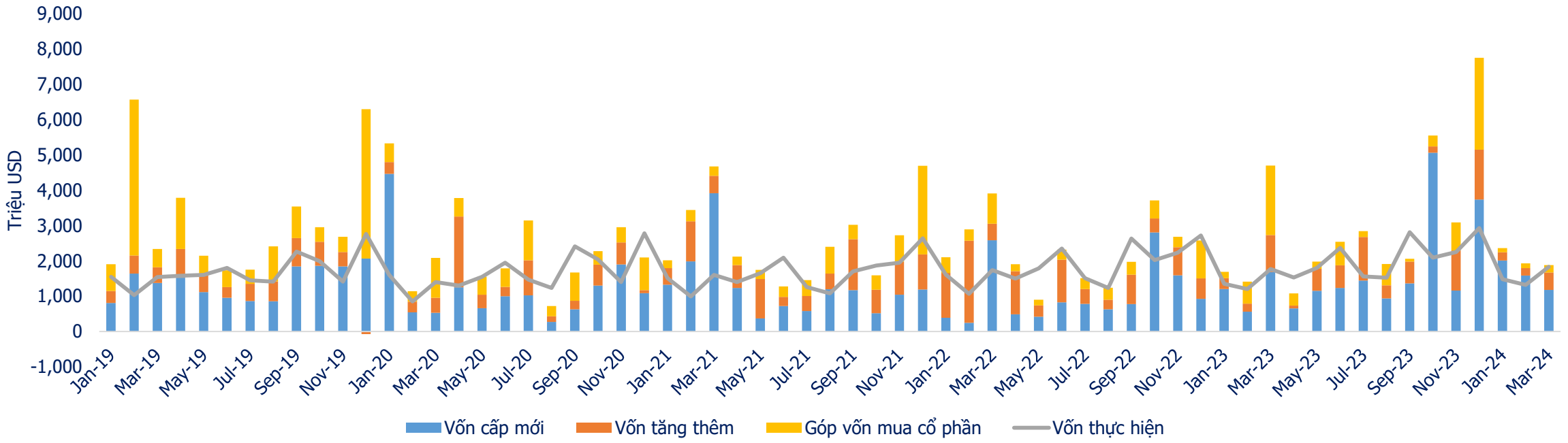

Nguồn: GSO, OECD, SHS tổng hợp

FDI vào Việt Nam tháng 3.2024 đạt 1,88 tỷ USD, giảm mạnh 60% svck do thời điểm tháng 3.2023 ghi nhận FDI tăng đột biến từ khoản mục góp vốn mua cổ phần. Tính đến 20/3/2024, tổng vốn FDI vào Việt Nam đạt hơn 6,17 tỷ USD, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó vốn đăng ký cấp mới đạt 4,77 tỷ USD, tăng mạnh 38,4% svck. Số liệu FDI giải ngân cũng khá tích cực đạt 4,63 tỷ USD, tăng 7,18% svck năm 2023 – năm có kết quả giải ngân cao nhất giai đoạn 2019-2023.

Tình hình thu hút vốn FDI có cải thiện từ nửa cuối năm 2023 và tiếp diễn xu hướng tích cực trong quý đầu năm 2024, tập trung vào ngành công nghiệp chế biến chế tạo, công nghệ cao thể hiện đánh giá lạc quan của nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Vốn FDI vào Việt Nam dự báo sẽ tăng mạnh so với cùng kỳ trong tháng 4, từ mức nền thấp của tháng 4.2023.

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 03

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 3/2024 ước đạt 34,01 tỷ USD, tăng 37,8% MoM và tăng 14,2% YoY. Tính chung Q1/2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 93,06 tỷ USD, tăng 17% YoY trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 25,21 tỷ USD, tăng 26,2% YoY, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 67,85 tỷ USD, tăng 13,9% YoY. Kim ngạch xuất khẩu có sự tăng trưởng tích cực nhờ sự phục hồi mạnh của mảng điện tử máy tính, điện thoại, được hưởng lợi nhờ đóng vai trò trung tâm sản xuất cho điện thoại thông minh của Samsung. Sự phục hồi của xuất khẩu tiếp tục lan rộng sang những ngành hàng khác như gỗ, dệt may, da giày, dù đóng góp vào tăng trưởng kinh tế còn thấp.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 3/2024 ước đạt 31,08 tỷ USD, tăng 33,4% MoM và tăng 9,7% YoY. Tính chung Q1/2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 84,98 tỷ USD, tăng 13,9% YoY trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 29,7 tỷ USD (+14,4%), khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 55,28 tỷ USD (+13,6%). Tính chung Q1/2024, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 8,08 tỷ USD, trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 4,49 tỷ USD, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 12,57 tỷ USD.

Kim ngạch xuất khẩu hàng tháng (Tỷ USD)

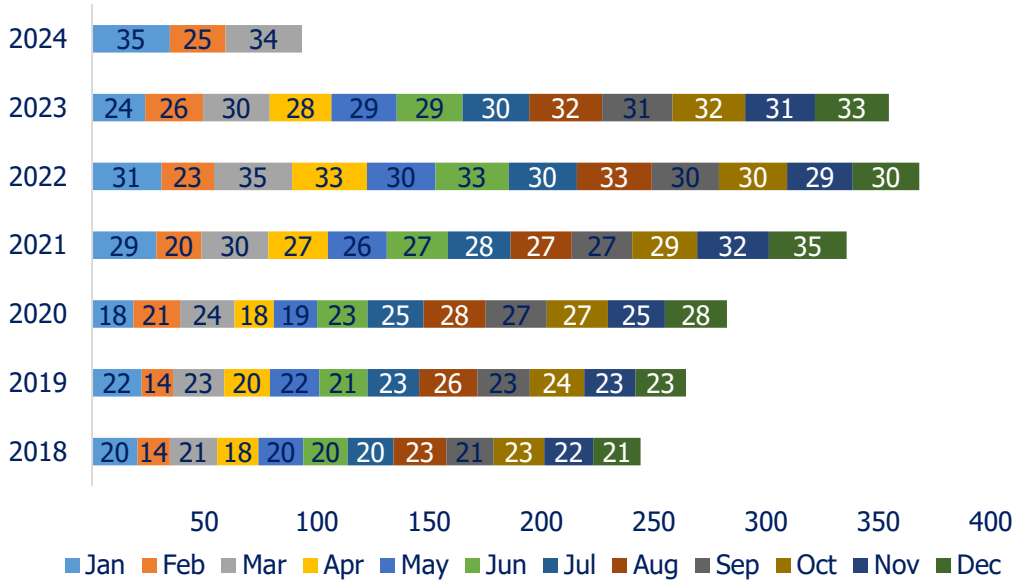

Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực so với cùng kỳ năm 2023 (số liệu YTD)

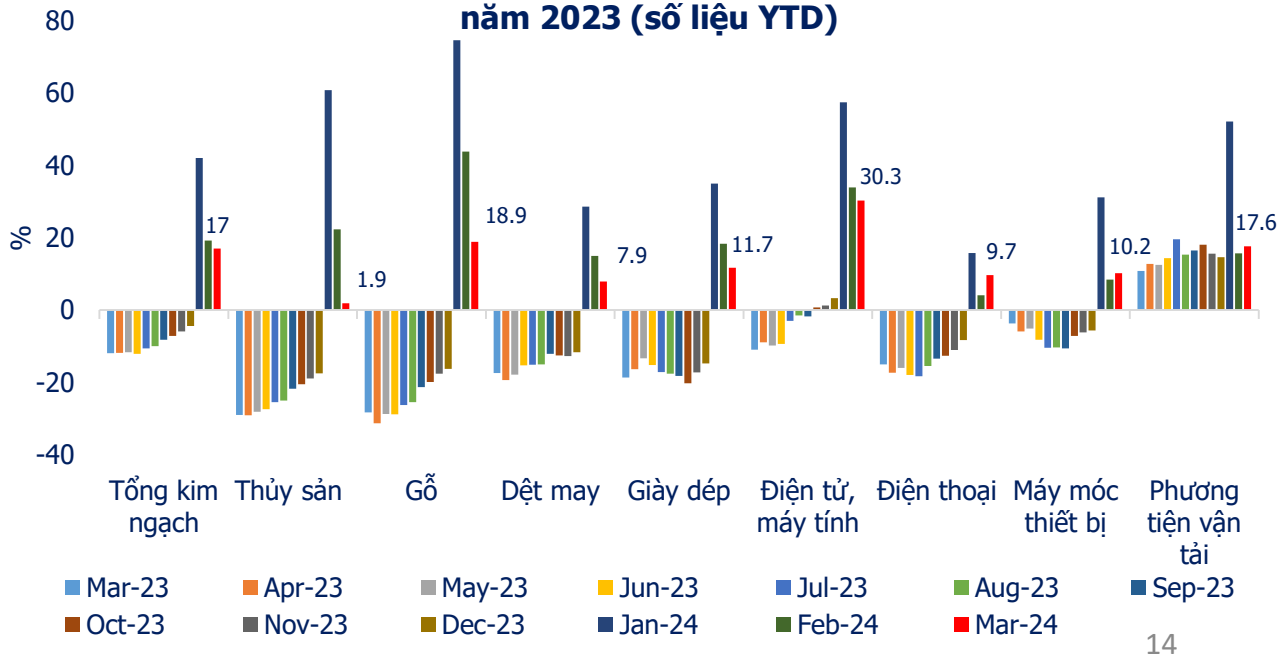

Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP THÁNG 03

Theo thống kê của VBMA, trong tháng 3/2024 có 7 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trị giá 8.745 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm, có 14 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 13.060 tỷ đồng và 2 đợt phát hành ra công chúng trị giá 2.650 tỷ đồng, giảm mạnh svck năm 2023.

Trong tháng 3, các doanh nghiệp đã mua lại 8.031 tỷ đồng trái phiếu trước hạn, giảm 72% YoY. Trong 9 tháng còn lại của năm 2024, ước tính sẽ có khoảng 239.480 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn, trong đó phần lớn là trái phiếu bất động sản với 101.145 tỷ đồng, chiếm 42,2%. Về tình hình công bố thông tin bất thường, có 7 doanh nghiệp công bố chậm trả gốc, lãi trong tháng với tổng giá trị khoảng 4.851 tỷ đồng (gồm lãi và dư nợ còn lại của trái phiếu) và 27 mã trái phiếu được gia hạn thời gian trả lãi, gốc hoặc thời gian mua lại trái phiếu trước hạn.

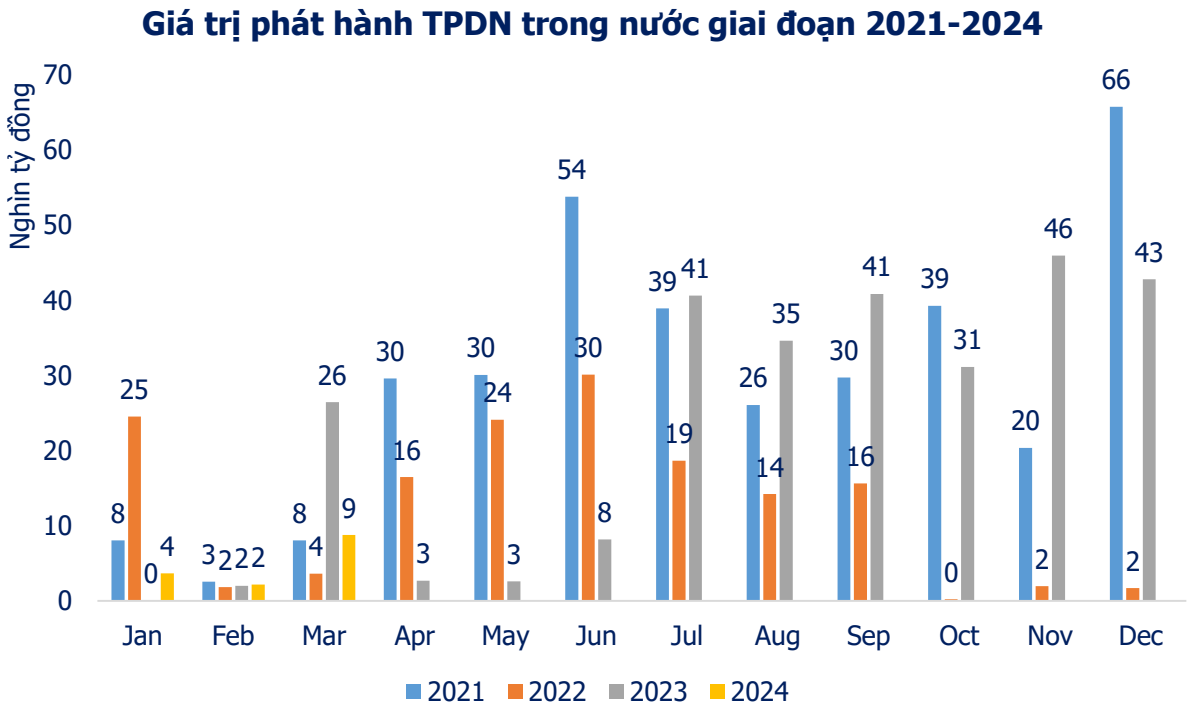

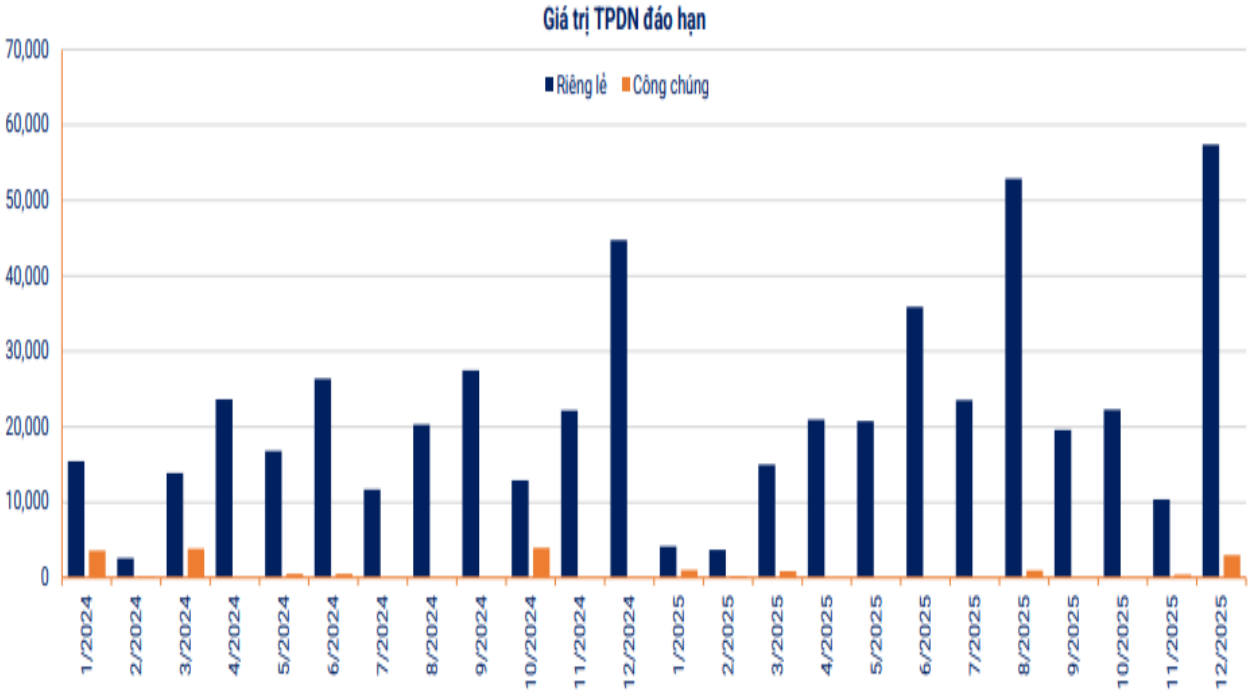

Nguồn: HNX, FiinRatings, VBMA

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 03

Chỉ tiêu	Apr-23	May-23	Jun-23	Jul-23	Aug-23	Sep-23	Oct-23	Nov-23	Dec-23	Jan-24	Feb-24	Mar-24
Chỉ số kinh tế												
Chỉ số sản xuất công nghiệp (hàng tháng, % YoY)	0.50%	0.10%	2.80%	3.70%	2.60%	5.10%	4.10%	5.00%	5.80%	18.30%	-6.80%	4.10%
PMI (điểm)	46.7	45.3	46.2	48.7	50.5	49.7	49.6	47.3	48.9	50.3	50.4	49.9
Tăng trưởng bán lẻ (lũy kế, %YoY)	12.80%	12.60%	10.90%	10.40%	10.00%	9.70%	9.40%	9.60%	9.60%	8.10%	8.10%	8.20%
FDI giải ngân (lũy kế, % YoY)	-1.20%	-0.80%	0.50%	0.80%	1.30%	2.20%	2.40%	2.90%	3.50%	40.20%	38.60%	7.10%
FDI đăng ký (lũy kế, % YoY)	-17.90%	-7.30%	-4.30%	4.50%	8.20%	7.70%	14.70%	14.80%	32.10%	9.60%	9.80%	13.40%
Tăng trưởng xuất khẩu (lũy kế, %YoY)	-11.80%	-11.60%	-12.10%	-10.60%	-10.00%	-8.20%	-7.10%	-5.90%	-4.40%	42%	19.20%	17%
Tăng trưởng nhập khẩu (lũy kế, % YoY)	-15.40%	-17.90%	-18.20%	-17.10%	-16.20%	-13.80%	-12.30%	-10.70%	-8.90%	33.30%	18%	13.90%
Cán cân thương mại (hàng tháng, tỷ USD)	1.51	2.24	2.59	2.15	3.82	2.29	3.00	1.28	2.28	3.62	1.10	2.93
Ổn định vĩ mô												
Lạm phát (% YoY)	2.81%	2.43%	2%	2.06%	2.96%	3.66%	3.59%	3.45%	3.25%	3.37%	3.98%	3.97%
Lạm phát cơ bản (BQ YTD % YoY)	4.90%	4.83%	4.74%	4.65%	4.57%	4.49%	4.38%	4.27%	4.16%	2.72%	3.67%	2.81%
Tăng trưởng tín dụng (% YTD)	3.03%	3.27%	4.73%	4.28%	5.33%	6.96%	7.39%	8.38%	13.70%	-0.68%	-1.12%	0.26%
Tăng trưởng cung tiền M2 (% YTD)	1.71%	2.05%	3.71%	2.91%	4.04%	5.62%	5.96%	7.92%	10.03%			
Lãi suất tái cấp vốn (%)	5.5%	5%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%
Lãi suất tái chiết khấu (%)	3.5%	3.50%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%
Lãi suất liên ngân hàng ON (%)	4.41%	3.68%	0.33%	0.08%	0.07%	0.15%	0.75%	0.10%	2.96%	1.37%	1.48%	2.43%
Lợi suất trái phiếu 10 năm (%)	3.33%	3.28%	2.70%	2.65%	2.71%	2.90%	3.10%	2.58%	2.40%	2.55%	2.45%	2.69%
CDS 5 năm	133.85	124.91	120.18	110.34	128.00	145.49	145.76	126.77	125.74	129.15	124.18	126.99
USD/VND (% MoM)	-0.05%	0.10%	0.36%	0.45%	1.70%	0.90%	1.10%	-1.20%	0.03%	0.64%	0.91%	0.58%

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 03

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 03

VN-INDEX tăng 2,50% trong tháng 03/2024, duy trì 05 tháng liên tiếp tăng điểm và kết thúc quí 1/2024 tăng mạnh 13,64% so với cuối năm 2023.

Tiếp đà tăng của tháng 2 (+7,59% MoM) sau khi vượt qua vùng kháng cự 1.200 điểm - 1.211 điểm, VN-INDEX trong tháng 3 tăng lên vùng giá 1.280 điểm trước khi chịu áp lực rung lắc mạnh kiểm tra lại vùng giá 1.220 điểm và phục hồi tăng tốt trở lại. VN-INDEX kết thúc tháng 03/2024 ở mức 1.284,09 điểm, vượt lên trên vùng giá cao nhất năm 2023 tương ứng 1.245 điểm - 1.255 điểm. VN-INDEX kết thúc quí 1/2024 tăng mạnh 13,64% so với cuối năm 2023 và cũng là quý 1 có kết quả tốt nhất kể từ năm 2018.

Tâm lý nhà đầu tư duy trì lạc quan khi đón nhận các thông tin về tình hình kinh tế xã hội trong 03 tháng đầu năm cải thiện tốt. Lãi suất duy trì ở nền thấp, nhiều chính sách liên quan thị trường bất động sản ban hành, bên cạnh đó là các thông tin liên quan tới nỗ lực vận hành hệ thống KRX, nâng hạng thị trường của Chính phủ và các cơ quan điều hành thị trường. Tuy nhiên việc Ngân hàng Nhà nước phát hành tín phiếu trở lại sau 04 tháng tạm dừng cũng khiến cho nhà đầu tư cẩn trọng hơn.

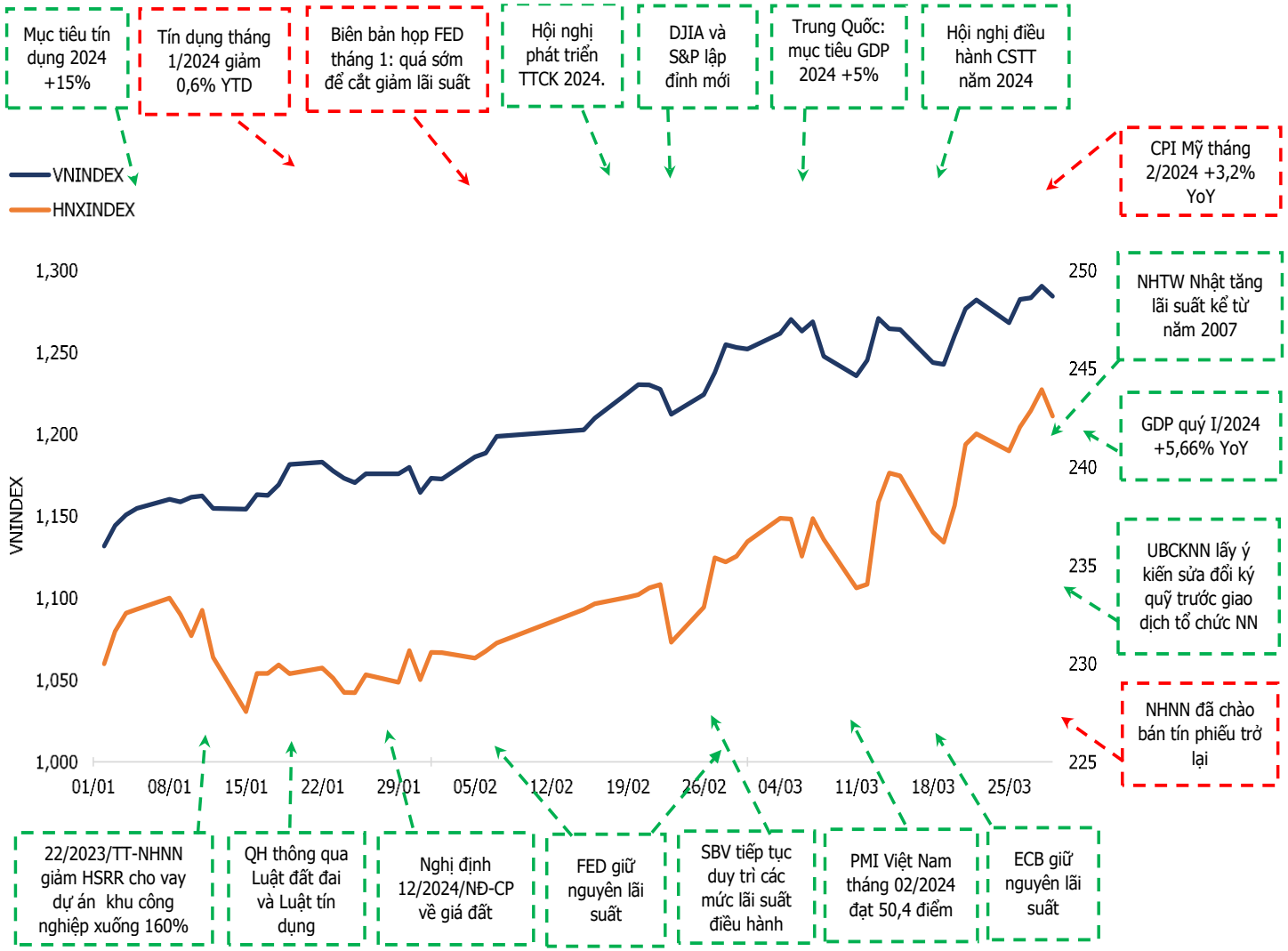

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 03

Cổ phiếu Bluechips dẫn dắt thị trường. Động lực dẫn dắt thị trường tăng điểm tích cực trong quí 1/2024 đến từ nhóm cổ phiếu ngân hàng (+19,8% Ytd) và nhóm cổ phiếu VN30 (+14,62% Ytd) tuy nhiên trong tháng 03/2024 đà tăng của nhóm ngân hàng đã chứng lại khi chỉ tăng nhẹ 0,7%. Nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình VNMID tăng khá với mức 12,27% trong quý 1 trong khi nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ VNSML tăng thấp nhất (+11,21% Ytd).

Tăng trưởng các chỉ số thị trường trong tháng 03/2024

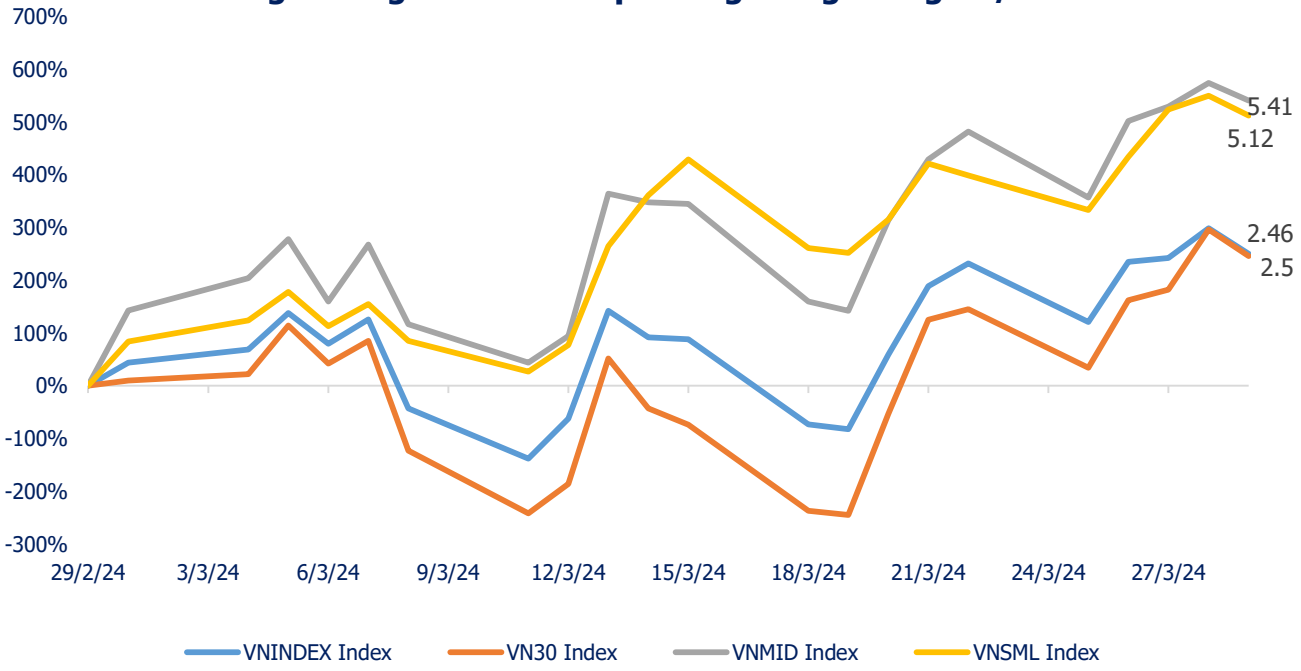

Diễn biến TTCK Việt Nam trong năm 2024

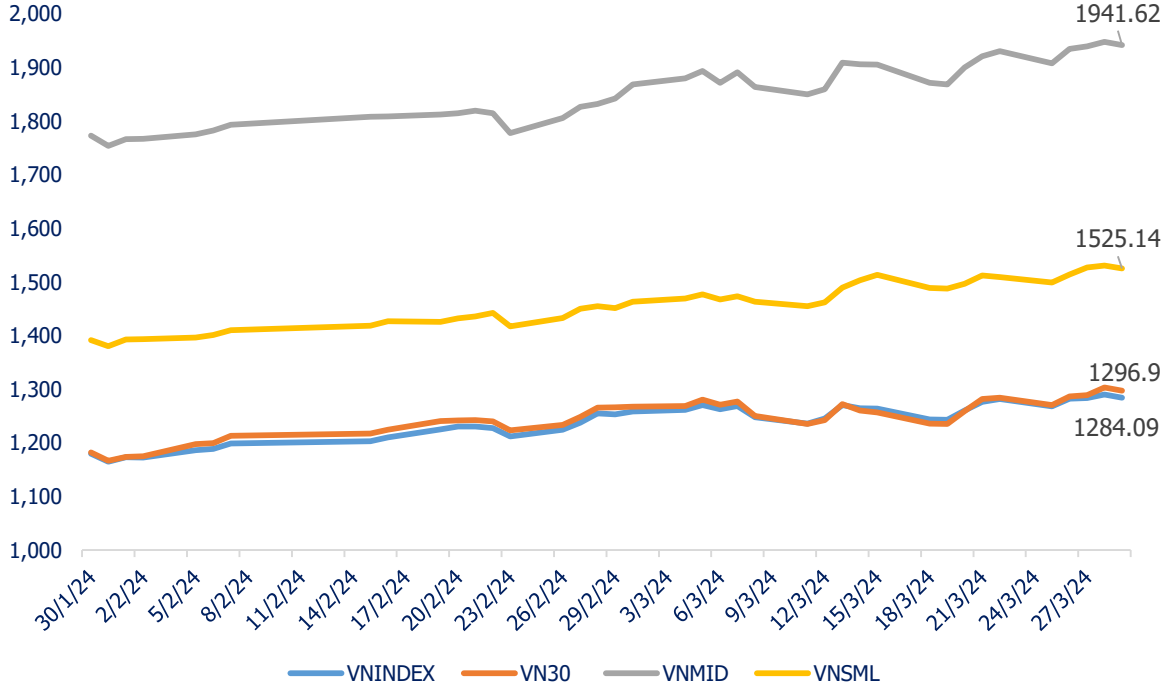

Nguồn: Bloomberg, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 03

Thị trường chứng khoán Việt Nam tăng trưởng tốt so với khu vực: Trong tháng 03/2024 VN-INDEX tiếp tục là thị trường có diễn biến tăng giá tốt nhất trong khu vực và trên thế giới, chỉ kém chỉ số Nikkei của Nhật Bản.

Thị trường phân hóa khá mạnh trong tháng 03, thể hiện rõ nét trong nhóm ngân hàng khi TCB (+12,7%), VIB (+12,3%), MBB (+5,2%) có ảnh hưởng tích cực đến chỉ số, trong khi VCB (-2,5%), BID (-1,7%), MSB (-8,5%)… có ảnh hưởng kém tích cực. GVR (+15,9%) cũng có ảnh hưởng rất tích cực đến VN-INDEX sau khi đã tăng mạnh trong tháng 2/2024, tiếp theo là VIC (+5,9%) trước thông tin thoái vốn tại VRE, FPT (+6,9%)… Ở chiều ngược lại ngoài HPG (-2,4%), VHM (-1,3%) có ảnh hưởng nhiều đến điểm số thì đa phần các mã nhóm ngân hàng có ảnh hưởng kém tích cực khi nhóm này đã tăng giá khá mạnh trong tháng 02/2024.

Tăng trưởng % chỉ số chứng khoán trong khu vực

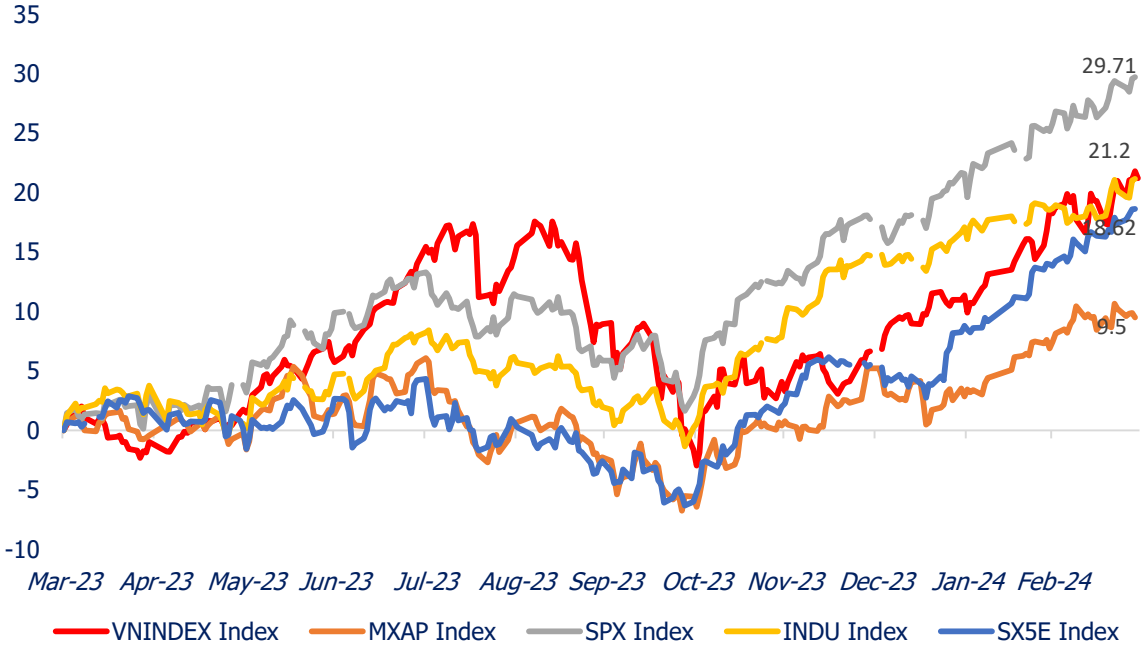

Top cổ phiếu ảnh hưởng nhất đến VN-Index trong tháng 03/2024

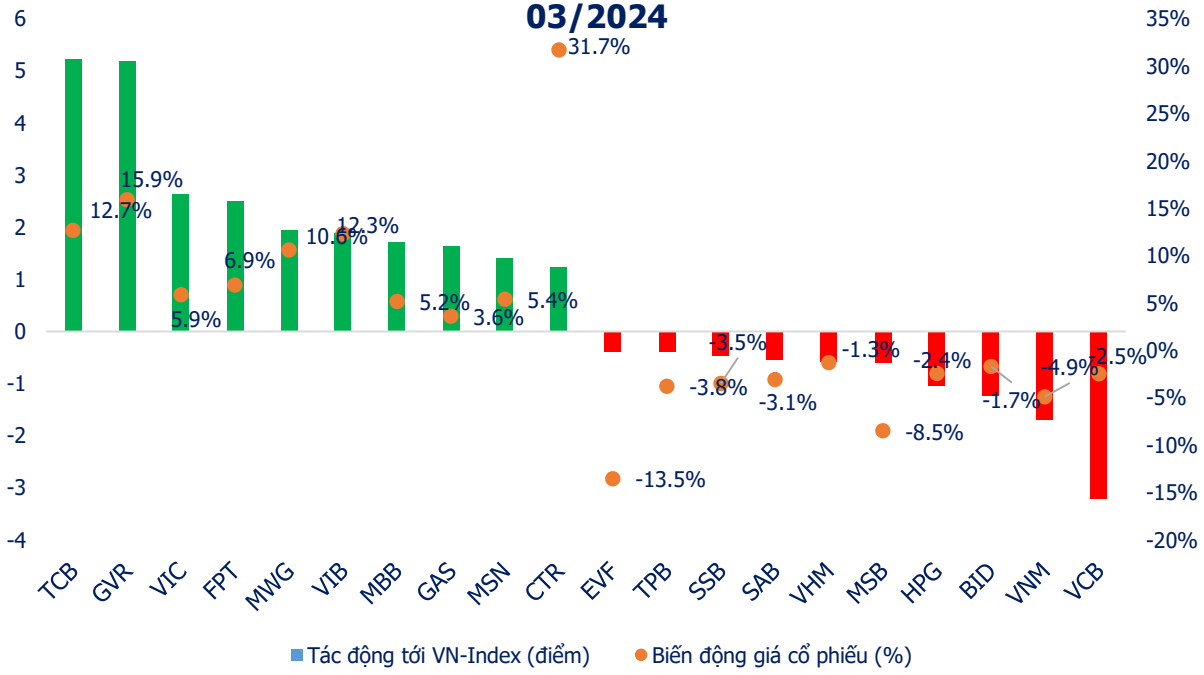

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 03

Giá trị giao dịch trung bình đạt gần 30 ngàn tỷ đồng trong tháng 03/2024. Tâm lý tích cực và diễn biến dòng tiền xoay vòng gia tăng giữa các nhóm mã/ngành giúp thanh khoản thị trường trong tháng 3 tăng 27,78% so với tháng 02/2024, tăng mạnh 183,03% so với cùng kỳ năm 2023. Giá trị giao dịch trung bình phiên tháng 3 đạt 29.751 tỷ đồng trong đó tại HOSE đạt 26.710,3 tỷ đồng/phiên (+8,45% MoM), tại HNX là 2.338,61 tỷ đồng/phiên (+42,19% MoM), tại Upcom là 702,08 tỷ đồng/phiên (-16,75% MoM). Tính chung trong Quý 1, tổng giá trị giao dịch toàn thị trường tăng 19% so với Quý 4 năm 2023 và tăng 2,1 lần so với cùng kỳ cho thấy dòng tiền vào thị trường ở mức cao và khả năng có sử dụng đòn bẩy, tương đương các thời điểm tháng 08/2023 và cuối năm 2021 đều là những thời điểm đã có áp lực điều chỉnh mạnh trong quá khứ.

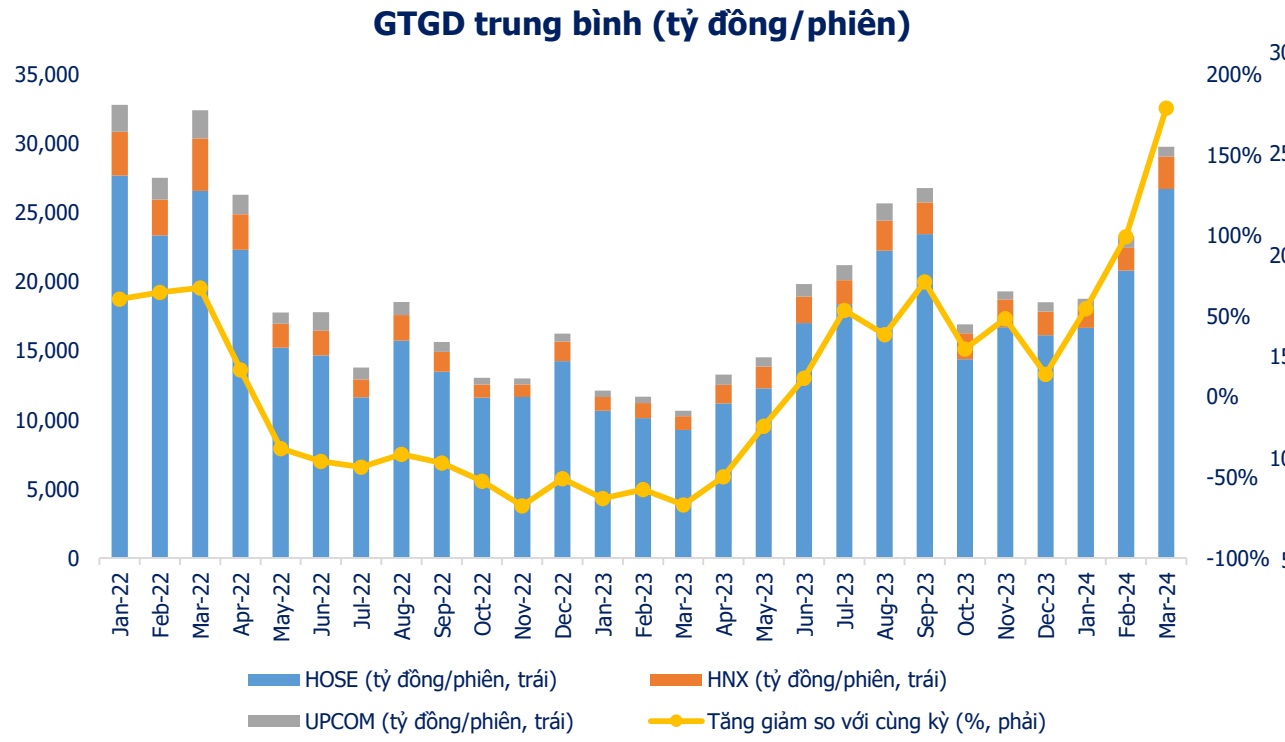

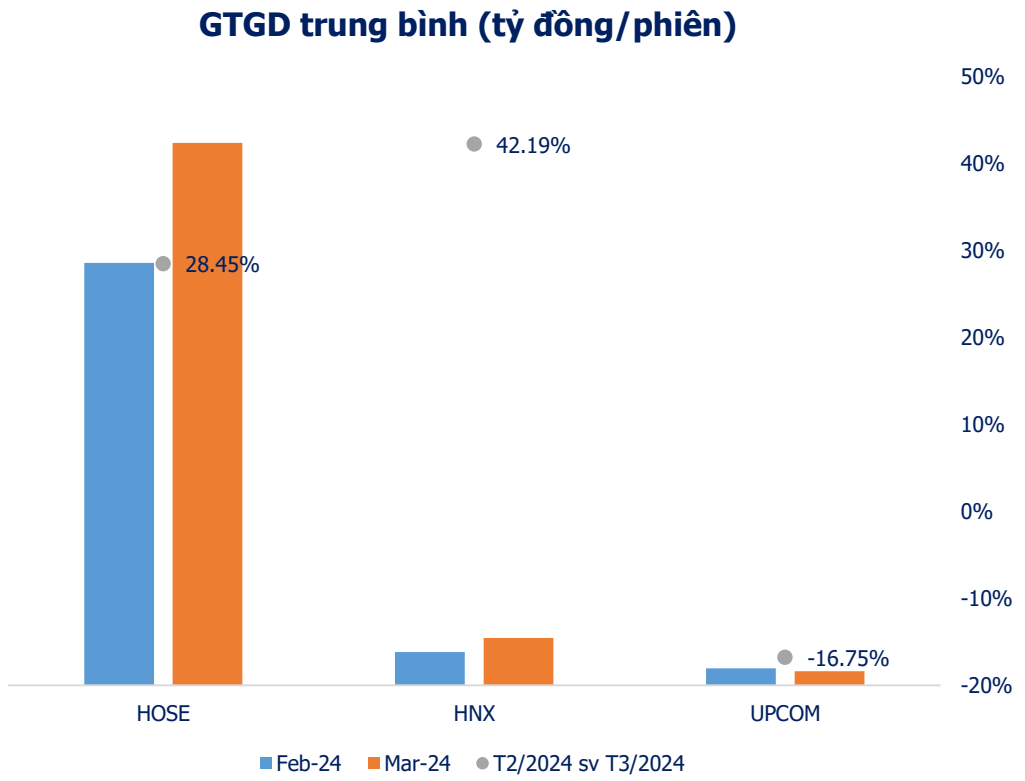

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 03

Biến cơ hội thành giá trị

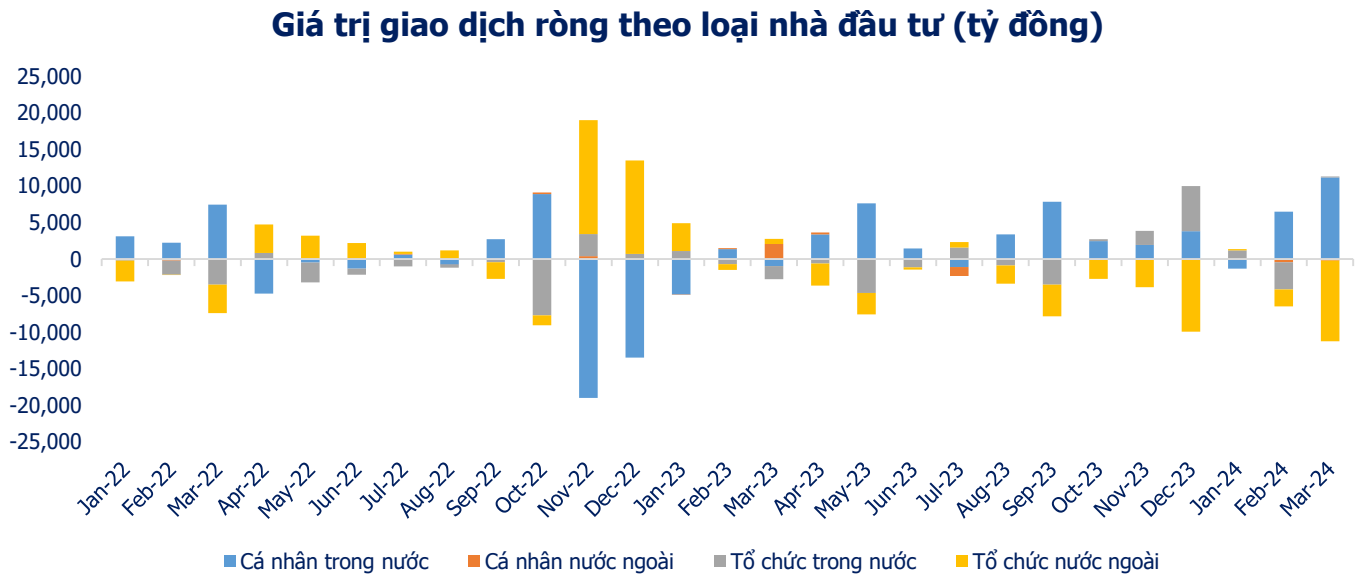

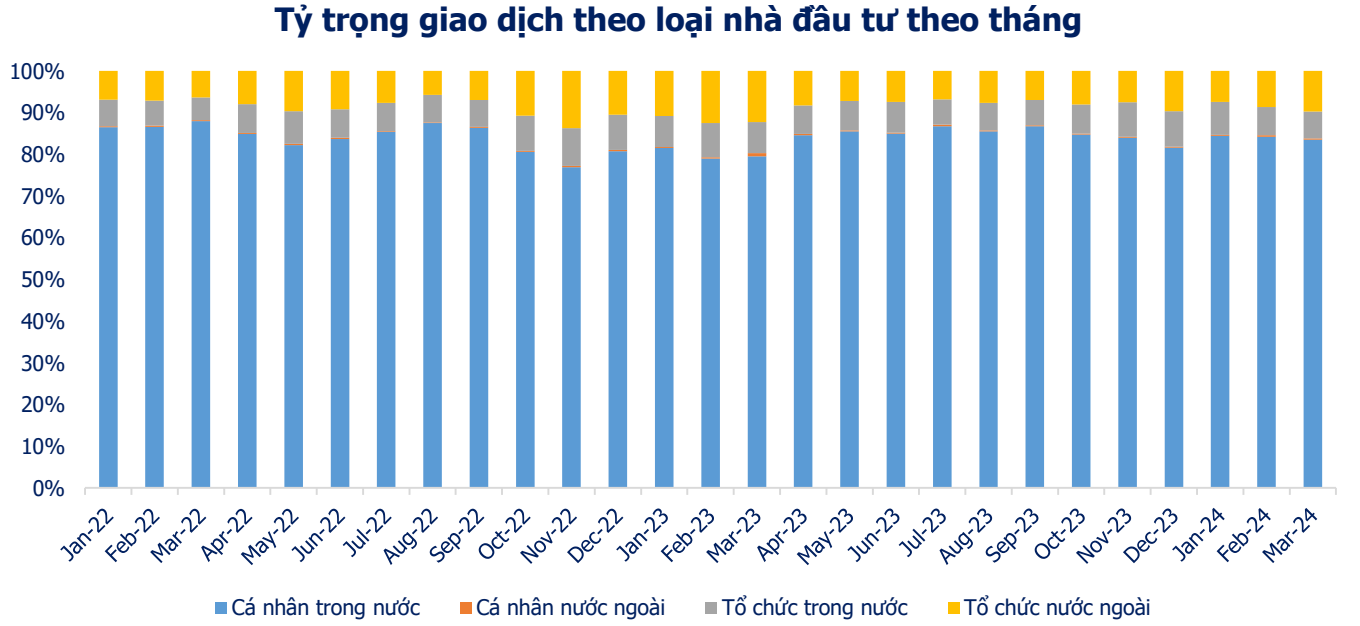

Trong tháng 03/2024, nhà đầu tư tổ chức nước ngoài tiếp tục chuỗi bán ròng mạnh đột biến với giá trị bán ròng trong tháng 03 lên đến 11.069,96 tỷ đồng. Đây là giá trị bán ròng mạnh kỷ lục trong 01 tháng, chỉ thua kém giá trị bán ròng 11.526,24 tỷ đồng của tháng 03/2021. Lũy kế Quý 1/2024 tổ chức nước ngoài bán ròng 13.232,8 tỷ đồng. Tỷ trọng giao dịch qua đó cũng tăng lên chiếm 9,72% trong tháng 03, cao hơn mức trung bình 8,4% trong 03 năm qua.

Ở chiều ngược lại đối ứng áp lực bán ròng, nhà đầu tư cá nhân trong nước tiếp tục là nhân tố chính khi mua ròng với giá trị 11.144,66 tỷ đồng trong tháng 3. Đây là giá trị mua ròng rất lớn trong 03 năm trở lại đây khi chỉ thua kém tháng 03/2021, qua đó nâng mức mua ròng của Quý 1/2024 lên 16.302,05 tỷ đồng. Tỷ trọng giao dịch của nhà đầu tư cá nhân chiiếm tỷ lệ 83,52%, giảm so với tỷ lệ 84,24% của tháng 02, dưới mức trung bình.

Trong khi đó tổ chức trong nước sau tháng 02 bán ròng khá đột biến đã mua ròng trở lại với giá trị 134,08 tỷ đồng trong tháng 3. Lũy kế Quý 1, nhà đầu tư tổ chức trong nước vẫn bán ròng với giá trị 2.439,13 tỷ đồng. tỷ trọng giao dịch trong tháng 3 chiếm tỷ lệ 6,43%, giảm 04 tháng liên tiếp, dưới mức trung bình.

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 03

Dòng tiền trong tháng 03/2024 có xu hướng chuyển dịch sang nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình, đại diện là VNMID có giá trị giao dịch trung bình đạt 12.683,89 tỷ đồng/phiên (+38,37% MoM) và chiếm 47,49%, tập trung nhiều ở nhóm cổ phiếu bất động sản. Nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ VNSML cũng thu hút được nhiều dòng tiền gia tăng tốt với giá trị giao dịch bình quân là 2.444,13 tỷ đồng/phiên (+34,98% MoM), chiếm ti trọng 9,15%. Trong khi đó VN30 sau tháng 02 tăng giá khá tích cực, thanh khoản đã gia tăng chậm lại với giá trị giao dịch đạt 10.381,76 tỷ đồng phiên, tăng 15,98% MoM, tỷ trọng giảm từ 43,05% của tháng 2 về 38,87%.

Tỷ trọng giá trị giao dịch bình quân trên VN-Index

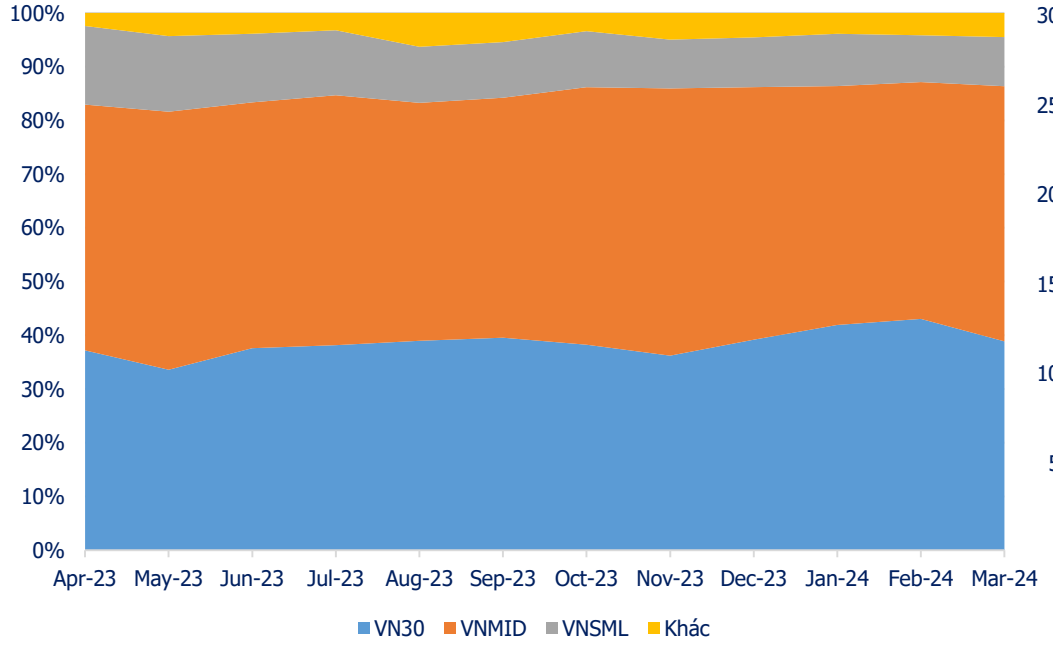

Giá trị giao dịch bình quân phiên trong 12 tháng gần nhất (tỷ đồng)

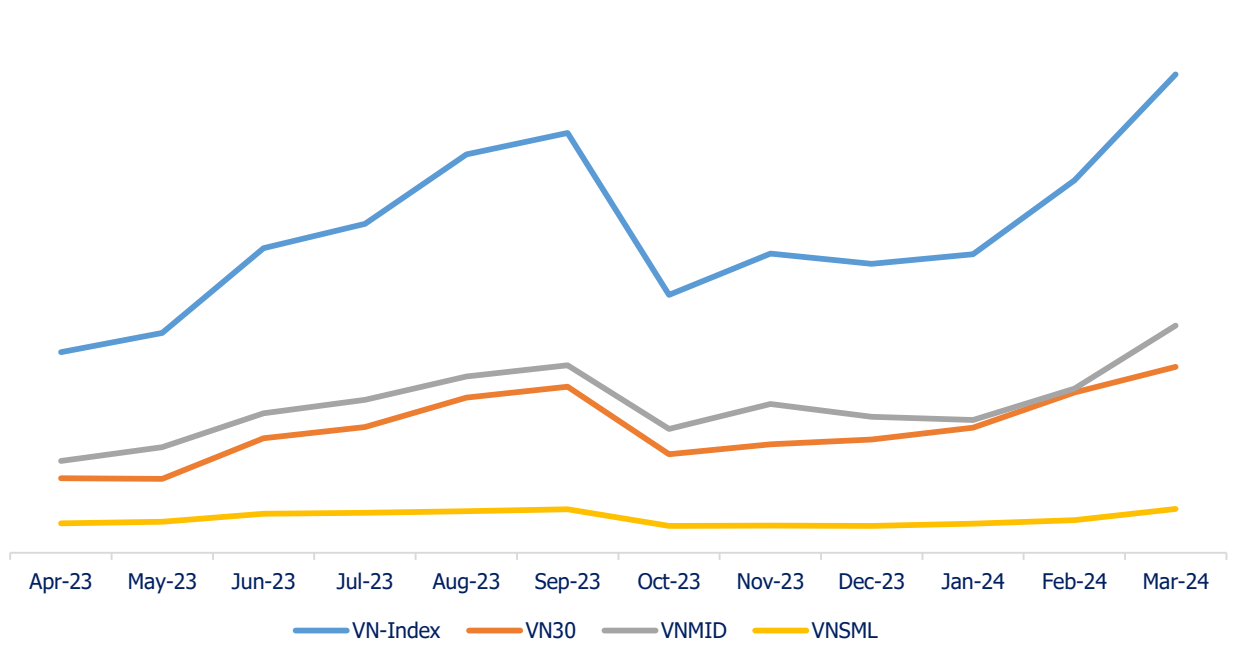

Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 3

Trong tháng 3, số lượng tài khoản chứng khoán tăng thêm 163.839 tài khoản (+44,6% MoM, +155,8% YoY). Lũy kế sau 3 tháng đầu năm 2024, số lượng tài khoản tăng thêm đạt 402.476 tài khoản, gấp 2,8 lần so với cùng kỳ năm 2023, đưa tổng số tài khoản giao dịch của nhà đầu tư lên trên 7,69 triệu tài khoản cho thấy thị trường chứng khoán vẫn đang là kênh đầu tư nhận được nhiều sự quan tâm.

Số lượng tài khoản chứng khoán tăng thêm theo tháng

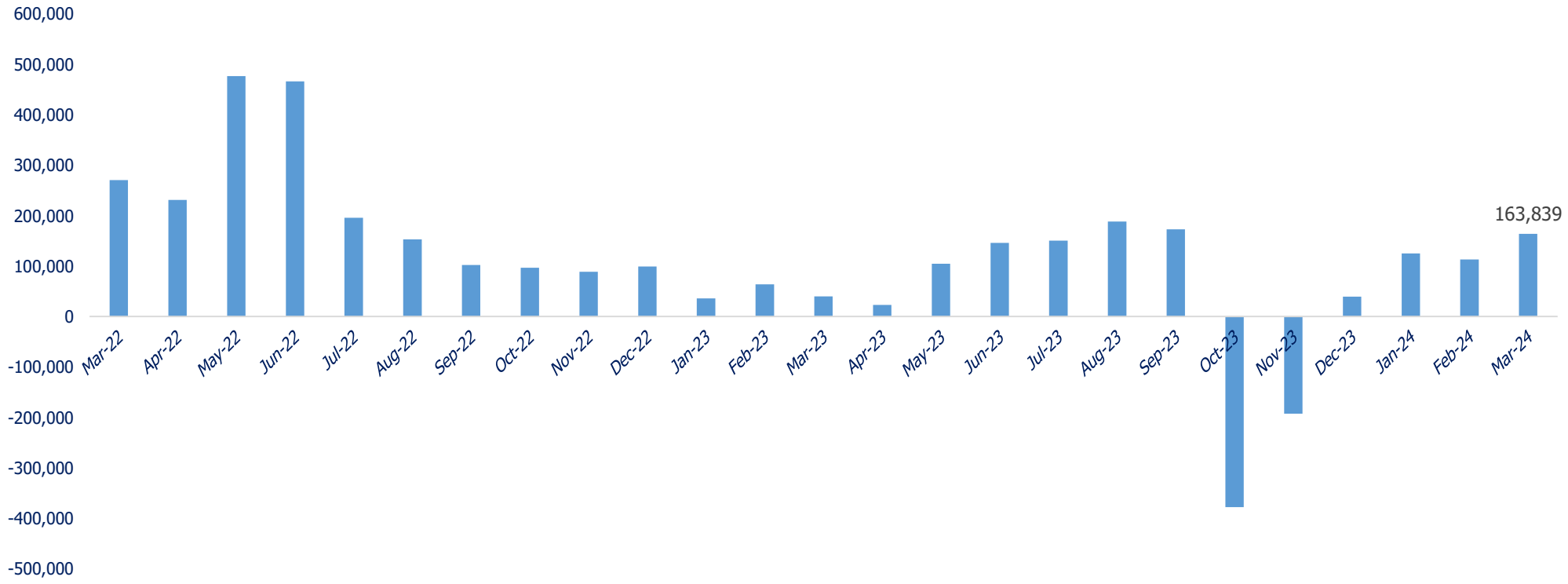

Nguồn: Bloomberg, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 03

Xét về nhóm ngành, nhóm cổ phiếu ngân hàng sau tháng 2 có thanh khoản đột biến thì đã trở lại vị trí thứ 3 với trung bình 5.433,76 tỷ đồng/phiên (2,3% MoM). **Nhóm bất động sản có thanh khoản tăng mạnh trong tháng 3,** giá trị giao dịch bình quân lớn nhất thị trường với 6.127,33 tỷ đồng/phiên (41,9% MoM). Tiếp theo là dịch vụ tài chính 5,643,92 tỷ đồng/phiên (46,4% MoM), phần lớn đến từ cổ phiếu VND khi khối lượng giao dịch tăng 108,61% MoM sau sự cố bất thường không thể kết nối giao dịch trong 05 phiên liên tiếp.

Xét về mức tăng mạnh giá trị giao dịch bình quân trong tháng 02/2024 thì ngành Viễn thông (86,3%MoM) nổi bật với mức tăng giá mạnh, tiếp đến là Y tế (+55,7% MoM), Hàng cá nhân và gia dụng (+51,3% MoM) và Bán lẻ (+51,0% MoM) với nhiều mã tăng giá mạnh, thanh khoản đột biến. Trong khi đó chỉ có duy nhất Bảo hiểm (-65,1% MoM) là nhóm có giá trị giao dịch suy giảm trong tháng 03/2024.

GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 1)

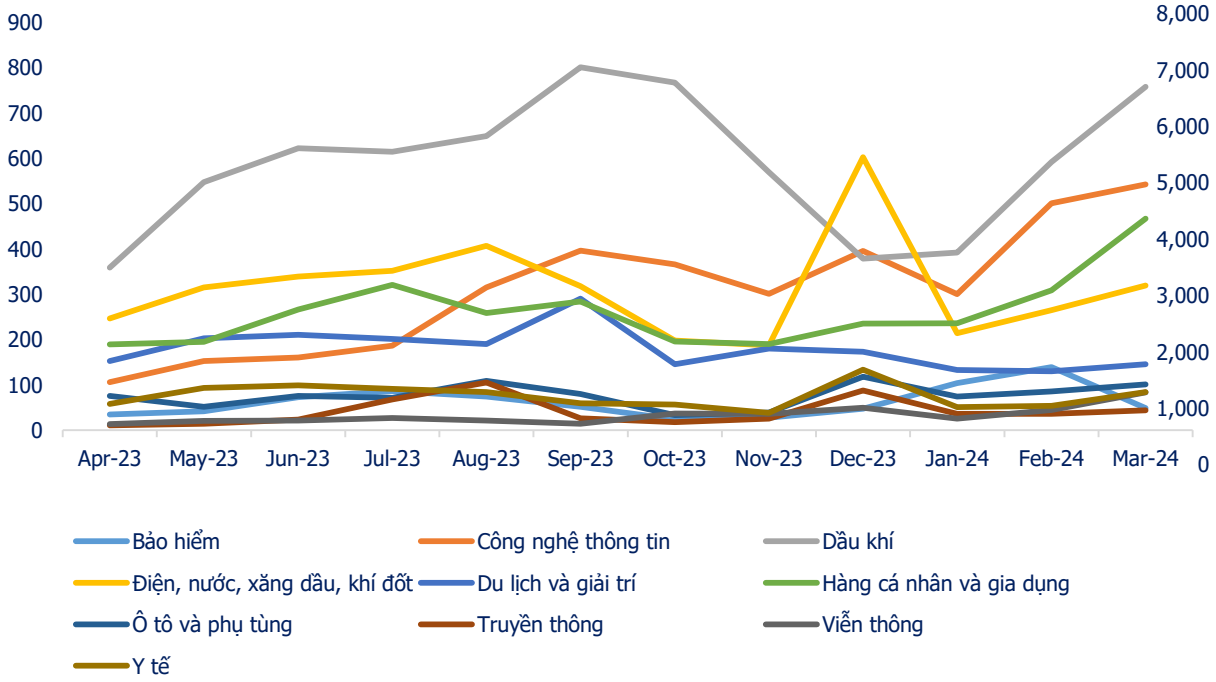

GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 2)

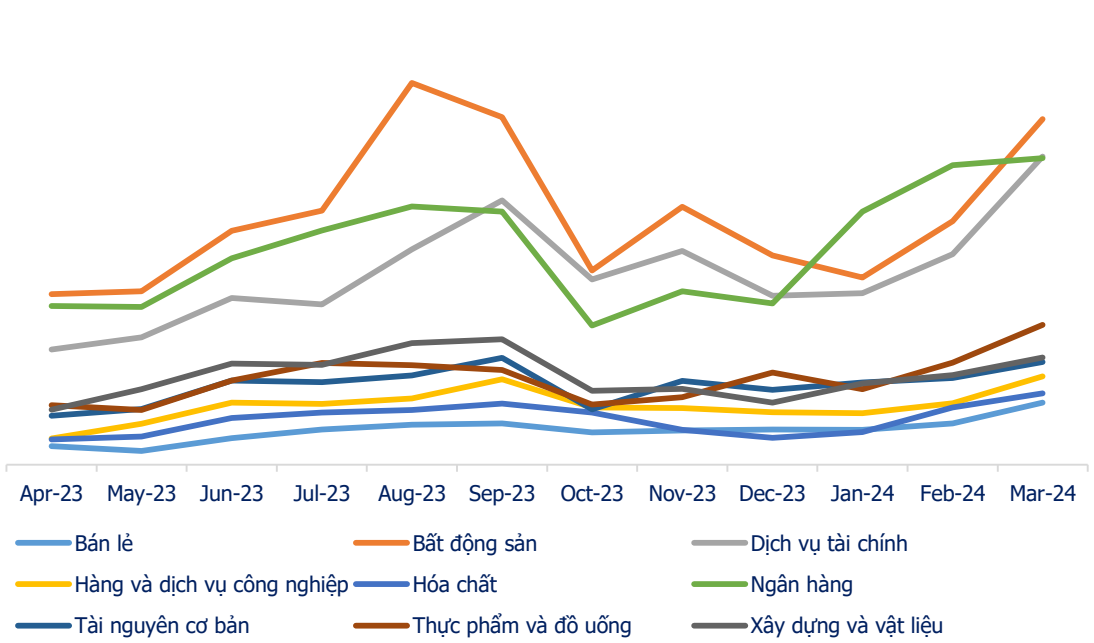

Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 03

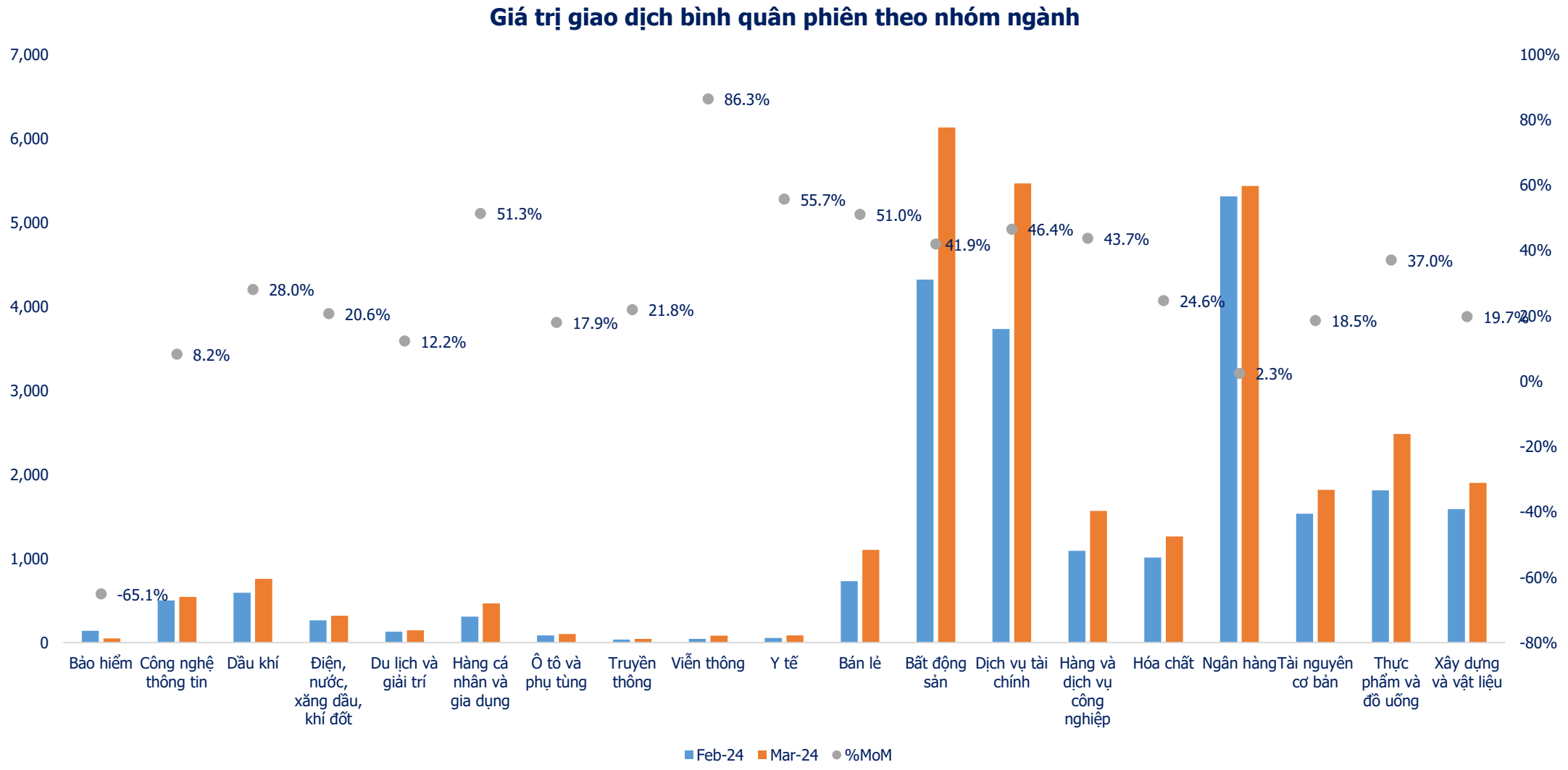

Nguồn: Bloomberg, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 03

Trong tháng 03/2024, ngoại trừ Tài nguyên cơ bản (0,0% MoM), Ngân hàng (+0,7% MoM), Bảo hiểm (+1,0% MoM), Dầu khí (+1,5% MoM), hầu hết các ngành đều tăng giá vượt trội so với thị trường chung. Nổi bật nhất là nhóm Viễn Thông (+27,1% MoM), tiếp theo là Truyền thông (+16,7% MoM), Hóa chất (+12,8% MoM), Bán lẻ (+10,6%), Điện nước, xăng dầu khí đốt (+7,9% MoM)…

Tăng/giảm các nhóm ngành và chỉ số thị trường trong tháng 3/2024

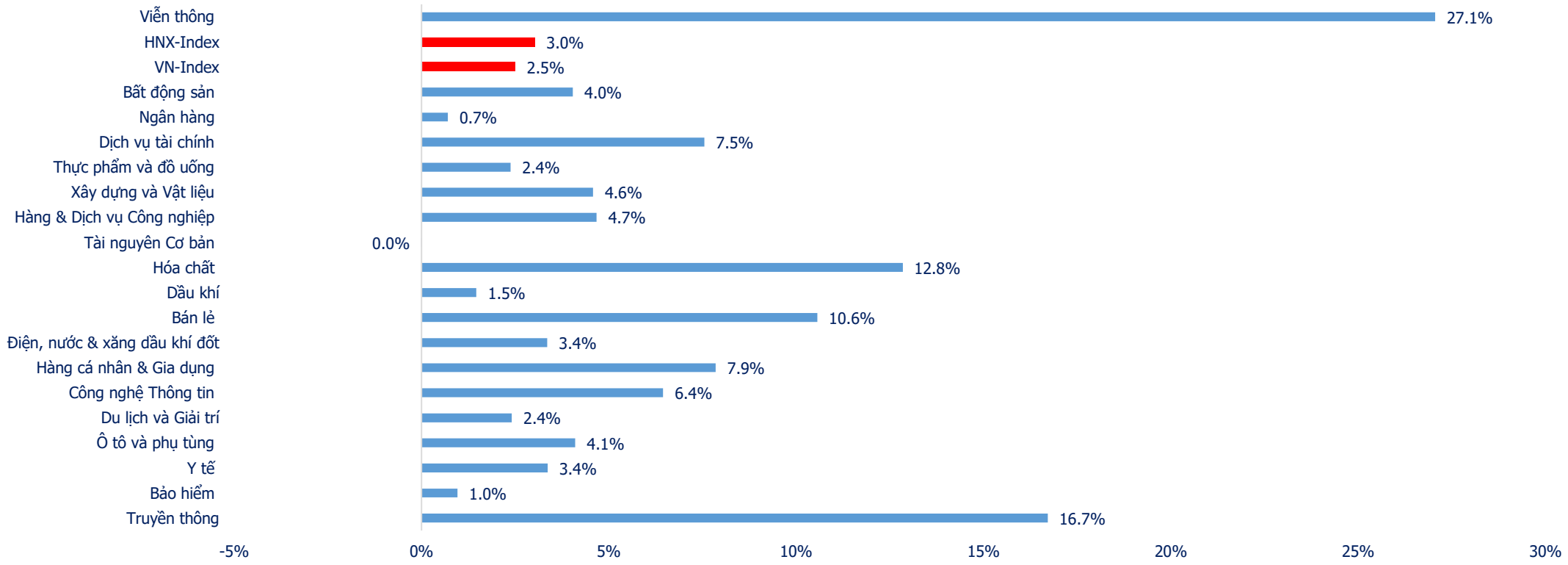

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 03

Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng đột biến trong tháng 3/2024: Trong tháng 03/2024 khối ngoại bán ròng đột biến với giá trị 11.277 tỷ đồng trên cả 3 sàn trong đó chủ yếu tại HOSE (11.278,75 tỷ đồng), mua nhẹ tại HNX và bán ròng tại Upcom. Tính chung 03 tháng đầu năm 2024, khối ngoại bán ròng mạnh 11.550 tỷ tại thị trường chứng khoán Việt Nam, duy trì xu hướng bán ròng mạnh liên tục trên HOSE từ đầu năm 2023 đến nay với giá trị lũy kế lên đến 38.533,39 tỷ đồng.

Xu thế rút ròng của dòng tiền ngoại trong tháng 3 cũng diễn ra tại các thị trường khác trong khu vực, ngoại trừ Indonesia (+506 triệu USD). Tính chung Q1/2024 khối ngoại mua ròng tại Indonesia và Philippines, bán ròng cổ phiếu tại Việt Nam (-371 triệu USD), Malaysia (-164 triệu USD) đặc biệt là Thái Lan (-1,95 tỷ USD).

Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HOSE (tỷ đồng)

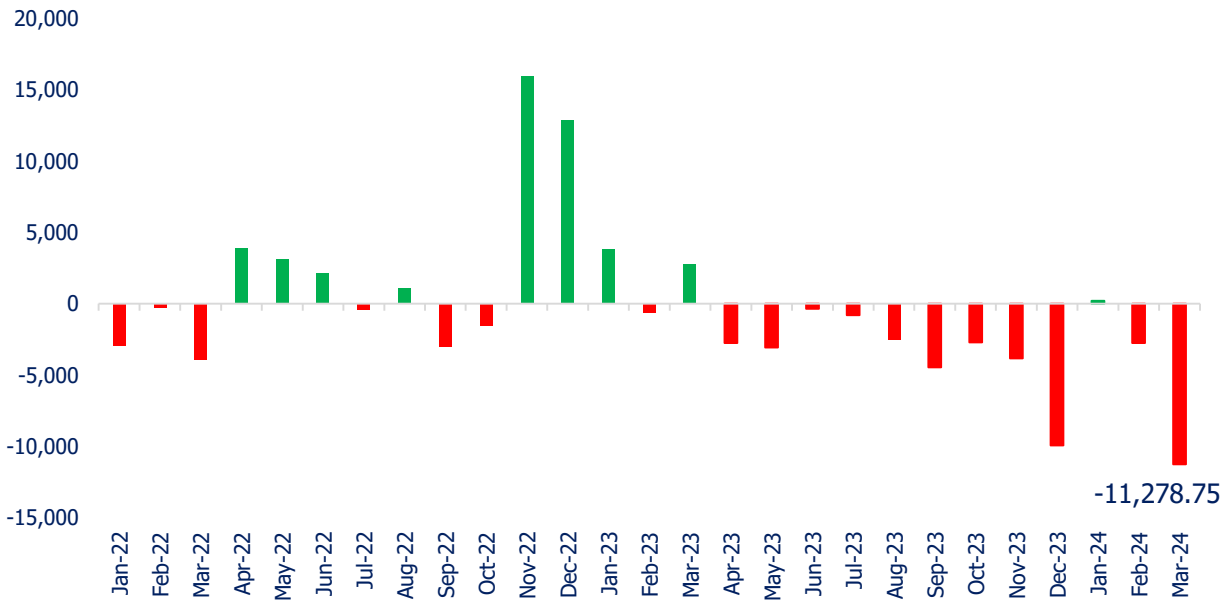

Lũy kế giao dịch cổ phiếu khối ngoại (2022-2024)

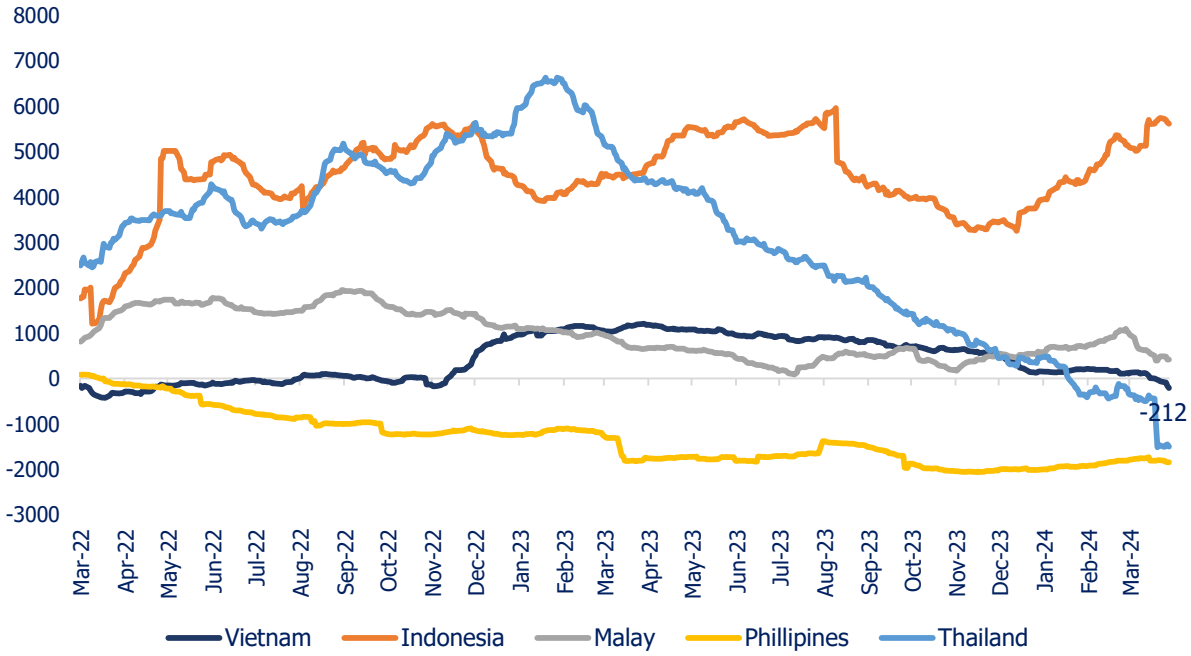

Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 03

Biến cơ hội thành giá trị

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong tháng 03/2024 (tỷ đồng)

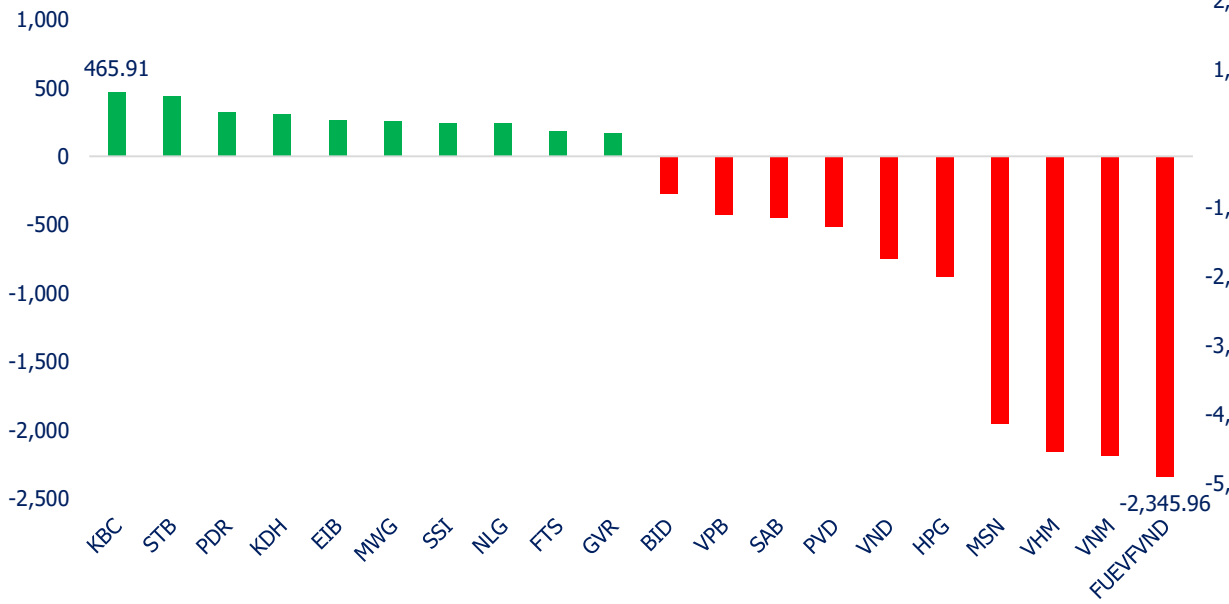

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong quý 1/2024 (tỷ đồng)

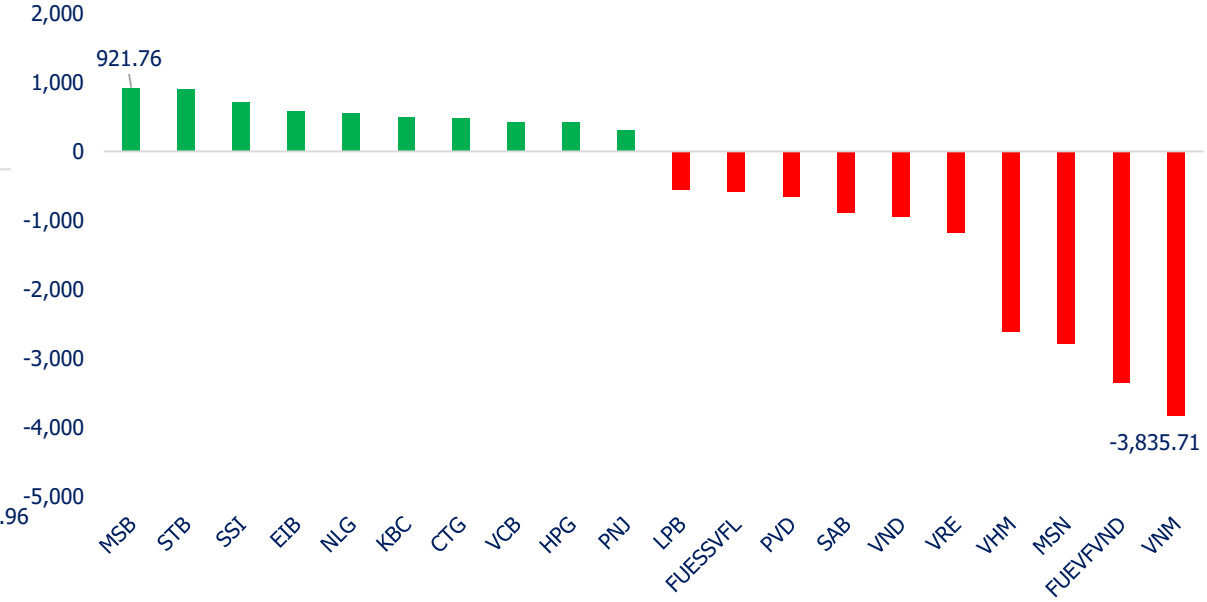

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

Trên HOSE, với áp lực bán ròng mạnh của khối ngoại, chứng chỉ quỹ FUEVFVND chịu áp lực bán mạnh nhất với giá trị 2.345,96 tỷ đồng. Tiếp theo là VNM (-2.187,16 tỷ đồng), VHM (-2.159,67 tỷ đồng), MSN (-1.956,62 tỷ đồng)… chịu áp lực bán ròng mạnh đột biến trong tháng 03. Trong khi đó ở chiều ngược lại KBC (+465,91 tỷ đồng), STB (+442,38 tỷ đồng), PDR (+321,60 tỷ đồng)… là 03 cổ phiếu được khối ngoại giải ngân mua ròng tích cực.

Lũy kế trong quý 1/2024, khối ngoại bán ròng tổng cộng 13.862,87 tỷ đồng trên HOSE, trong đó bán ròng mạnh với VNM (-3.835,71 tỷ đồng), FUEVFVND (-3.353,76 tỷ đồng), MSN (-2.782,47 tỷ đồng), VHM (-2.612,21 tỷ đồng). Ở chiều ngược lại, ngân hàng vẫn là nhóm được mua ròng tốt với MSB (+921,76 tỷ đồng), STB (+910,01 tỷ đồng), EIB (+577,26 tỷ đồng)…bên cạnh nhóm cổ phiếu bất động sản như NLG (+550,93 tỷ đồng), KBC (+492,23 tỷ đồng) và chứng khoán SSI (+719,34 tỷ đồng)…

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 03

Trên HNX sau 02 tháng đầu năm 2024 bán ròng khá mạnh, nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng nhẹ trở lại trong tháng 03 với giá trị 72,39 tỷ đồng. Lũy kế quý 1/2024 khối ngoại vẫn bán ròng khá mạnh trên sàn HNX với giá trị 482,91 tỷ đồng, mạnh trong hơn 02 năm trở lại đây. Trong đó bán ròng mạnh nhất trong tháng 03 là PVS (-120,08 tỷ đồng), CEO (-63,22 tỷ đồng). Lũy kế quý 1/2024 bán ròng mạnh PVS (-633,61 tỷ đồng), SHS (-492,04 tỷ đồng).

Ngược lại IDC (+148,42 tỷ đồng) tiếp tục là cổ phiếu được khối ngoại liên tiếp giải ngân mua ròng tốt, nâng mức lũy kế lên 743,41 tỷ đồng trong quý 1.

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HNX (tỷ đồng)

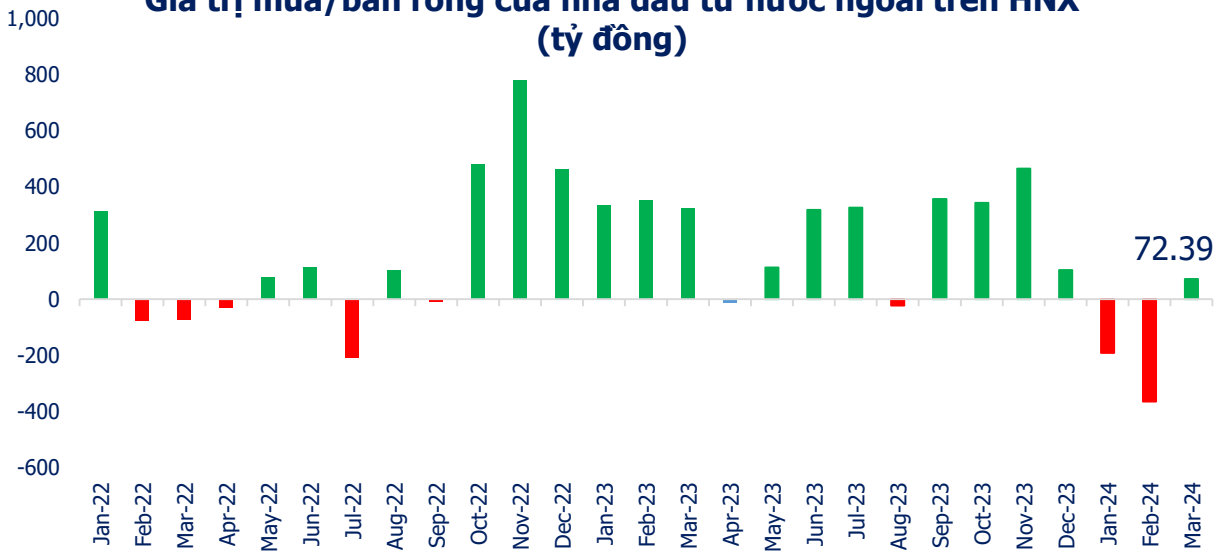

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong tháng 03/2024 (tỷ đồng)

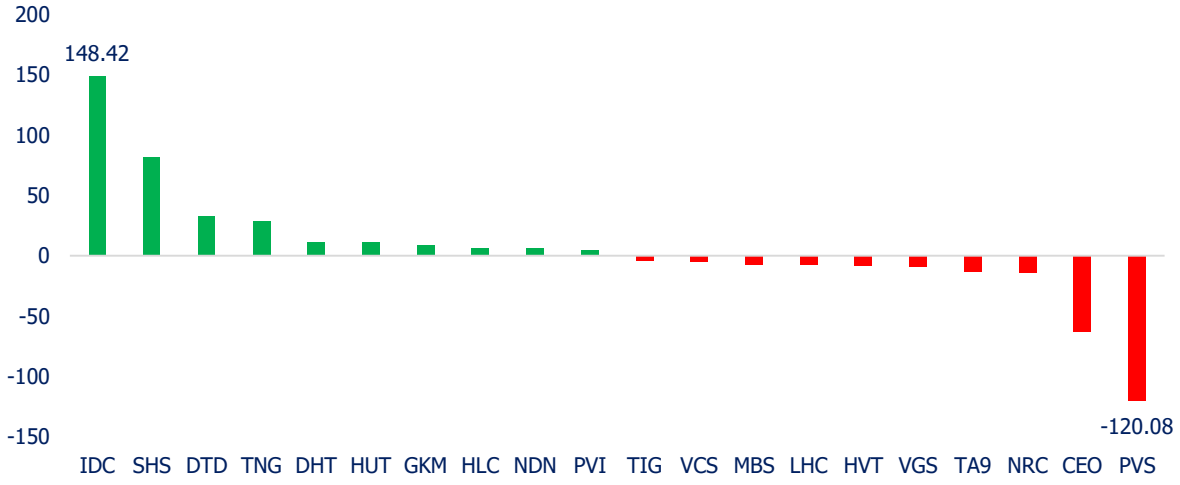

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong quý 1/2024 (tỷ đồng)

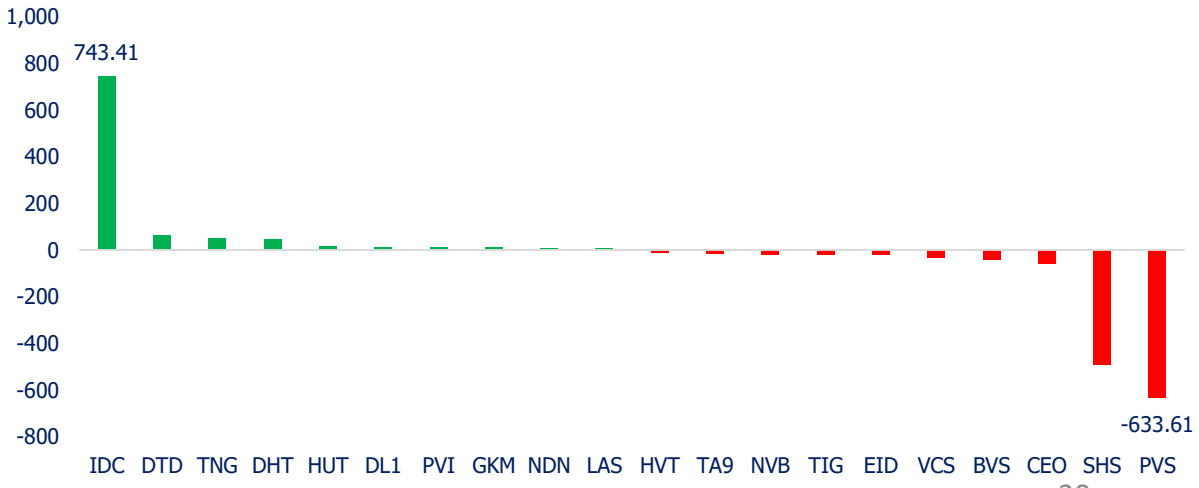

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 03

Trên sàn Upcom, sau 02 tháng khối ngoại mua ròng đột biến 75% cổ phần 02 công ty bảo hiểm BHI, AIC. Khối ngoại đã bán ròng 70,86 tỷ đồng trong tháng 3/2024, tập trung chủ yếu ở BSR (-79,81 tỷ đồng), VEA (-41,41 tỷ đồng), ACV (-22,50 tỷ đồng)… trong khi mua ròng khá đột biến đối với DDV (+67,85 tỷ đồng), VGT (+38,25 tỷ đồng).

Lũy kế 03 tháng đầu năm 2024 khối ngoại mua ròng mạnh với giá trị 2.795,83 tỷ đồng trên sàn Upcom. Nổi bật ở 02 thương vụ BHI (+1.628,10 tỷ đồng), AIC (+1.262,90 tỷ đồng).

Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên UPCOM (tỷ đồng)

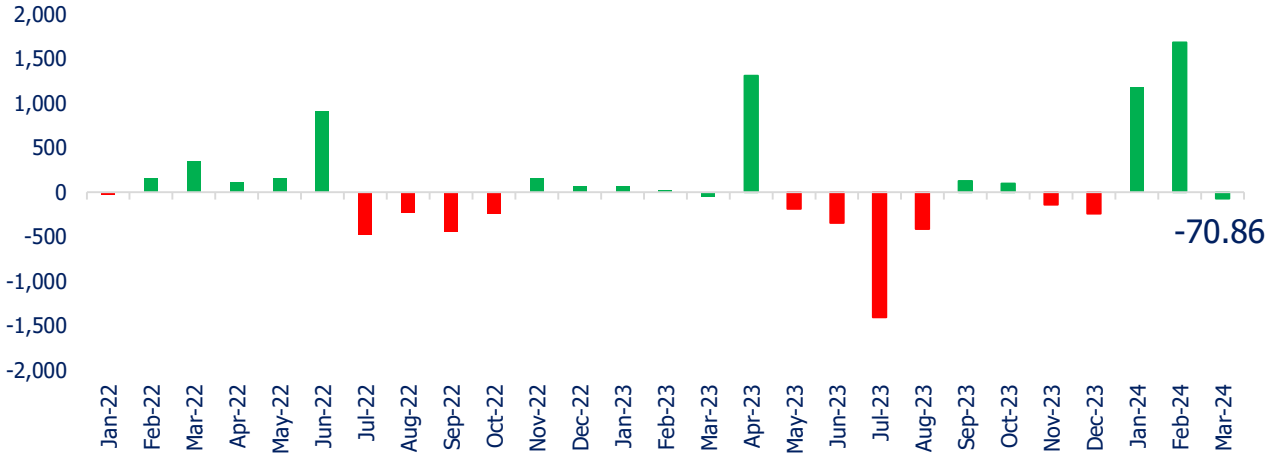

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất UPCOM tháng 03/2024 (tỷ đồng)

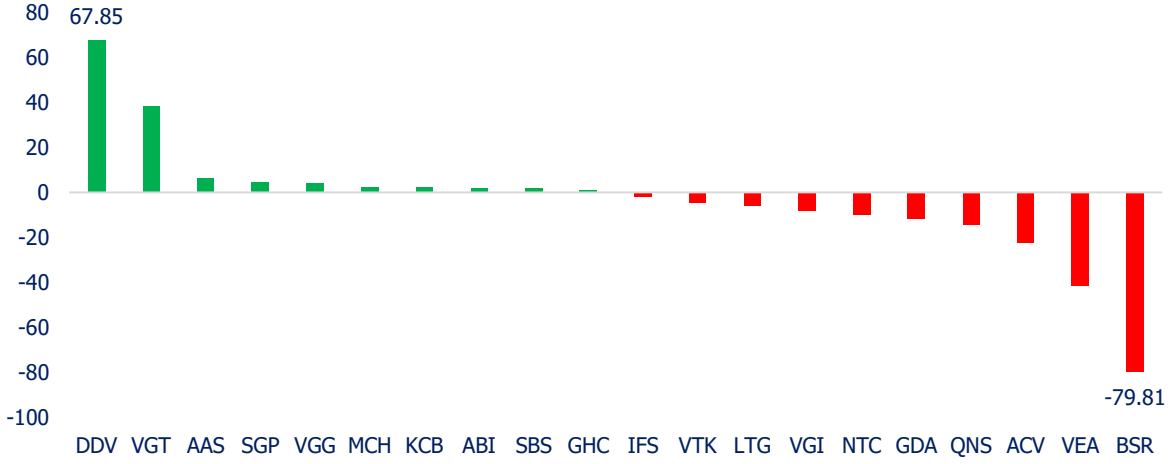

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong quý 1/2024 (tỷ đồng)

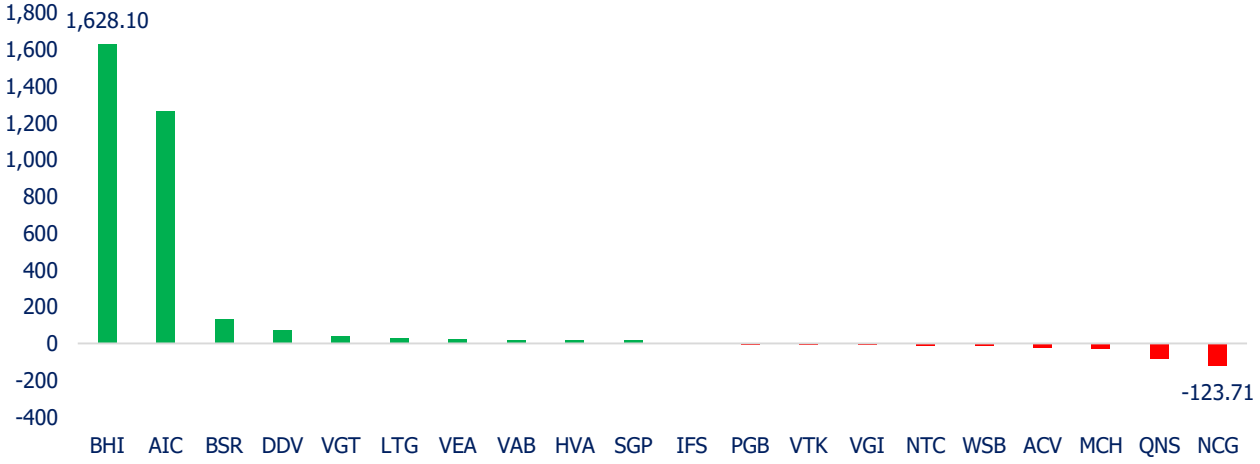

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 03

Trong tháng 3/2024, dòng tiền ETF tại khu vực Đông Nam Á ghi nhận đà bán ròng khá mạnh tại Việt Nam (-201 triệu USD). Lũy kế quý 1 tổng giá trị rút ròng tại Việt Nam lên tới 312 triệu USD trong khi các thị trường khác đều ghi nhận hút ròng như Philippines (+22 triệu USD), Malaysia (+1 triệu USD), Thailand (+3 triệu USD) hay Indonesia (+26 triệu USD).

Biến động mạnh và không mấy tích cực về tỷ giá khiến các quỹ ETF Việt Nam đều ở trạng thái bán ròng trong tháng. DCVFM VNDiamond chịu áp lực rút ròng kỷ lục với 117 triệu USD, tính từ tháng 4/2023 quỹ này đã bị rút gần 336 triệu USD. Bên cạnh đó, các quỹ FUBON (-42,1 triệu USD), DCVFMVN30 (-17,9 triệu USD), Xtrackers FTSE (-15,1 triệu USD), SSIAM VNFIN LEAD (-9 triệu USD) đều ghi nhận tốc độ rút vốn tăng lên trong tháng.

Dòng vốn ETF theo quốc gia (Triệu USD)

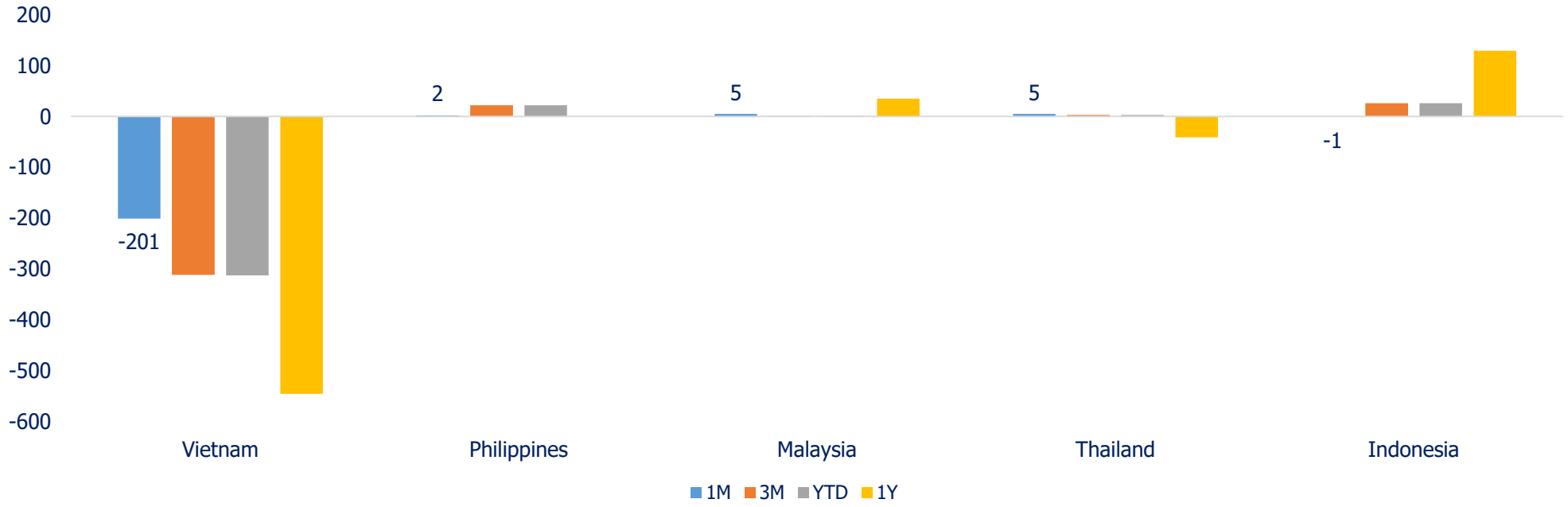

Nguồn: Bloomberg, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 03

Tên quỹ	Loại hình	Tổng AUM	NAV	Số lượng CCQ	Dòng vốn ròng (triệu USD)			
		(triệu USD)	(tỷ USD)		1M	3M	YTD	1Y
DCVFMVN Diamond ETF (VND)	ETF	880	1.1	763,000,000	-117.1	-176.2	-176	-336
Fubon FTSE Vietnam ETF (TWD)	ETF	943	0.5	2,048,738,000	-42.1	-32.5	-32.5	-29.7
DCVFMVN30 ETF Fund (VND)	ETF	347	0.9	383,100,000	-17.9	-31.2	-31.2	-9.7
VanEck Vietnam ETF (USD)	ETF	626	14.8	42,350,000	0.0	-0.6	-0.6	-23.7
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF (EUR)	ETF	398	28.5	12,589,840	-15.1	-23.6	-23.6	-10.3
SSIAM VNFIN LEAD ETF (VND)	ETF	184	0.8	231,600,000	-9.0	-59.6	-21.1	-107.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF (KRW)	ETF	224	15	12,200,000	-3.1	-34.8	-34.8	16.4
Premia MSCI Vietnam ETF (USD)	ETF	18.3	8.8	1,980,000	-1.2	-1.8	-1.8	-3.0
SSIAM VNX50 ETF (VND)	ETF	6,7	0.8	8,900,000	0.0	-0.1	-0.1	0.5
Asian Growth CUBS ETF (USD)	ETF	10.1	21.5	520,000	0.0	0.0	0.0	0.0
Global x MSCI Vietnam ETF (USD)	ETF	7.8	19.5	560,000	1.9	1.9	1.9	6.8
SSIAM VN30 ETF (VND)	ETF	4.1	0.8	8,300,000	0.0	0.0	0.0	1.7
KIM KINDEX Vietnam VN30 Fututres Leverage ETF (KRW)	ETF	6.5	10.6	600,000	0.0	0.0	0.0	-1.7
KIM GROWTH VN30 ETF (VND)	ETF	13.8	0.3	75,000,000	-0.3	0.0	0.3	10.7

Nguồn: Bloomberg, SHS Research

TIỂN VỌNG TTCK THÁNG 04

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 04

Thị trường 3/2024 tiếp tục tăng điểm và đã là tháng thứ 5 liên tiếp thị trường tăng điểm kể từ tháng 11/2023. Đà tăng của thị trường giúp Vn-Index tiếp tục vận động trên cản trung hạn 1.250 điểm và tiến sát tới ngưỡng cản mạnh 1.300 điểm.

Về góc độ kỹ thuật, Vn-Index đang trong giai đoạn hồi phục mạnh mẽ sau downtrend của năm 2022, mặc dù thị trường tăng điểm mạnh từ đáy nhưng Vn-Index cần thêm giai đoạn tích lũy đủ dài và tin cậy trước khi hình thành Uptrend thực sự. Diễn biến thị trường tháng 3 khá sát với kịch bản đã được đề cập trong báo cáo tháng 3/2024 đó là Vn-Index tiệm cận cản mạnh 1.300 và điều chỉnh hình thành nền tích lũy trung hạn. Các tín hiệu vĩ mô bắt đầu có dấu hiệu khởi sắc khi tăng trưởng GDP quý 1/2024 đạt cao nhất trong 5 năm qua đó đem lại kỳ vọng bối cảnh sẽ chuyển biến tích cực hơn trong năm 2024. Tuy nhiên tình hình địa chính trị toàn cầu vẫn đang tiềm ẩn nhiều yếu tố khó đoán, FED chưa sớm hạ lãi suất như kỳ vọng và căng thẳng tỷ giá trong nước là những yếu tố cần tiếp tục theo dõi.

Chúng tôi cho rằng trong tháng 4, VN-Index nhiều khả năng sẽ diễn biến sideway tích lũy với khu vực kỳ vọng là 1.150 điểm - 1.300 điểm và trong trường hợp chặt chẽ hơn có thể là trong kênh 1.150 điểm - 1.250 điểm.

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 04

Vào thời điểm kết thúc quý 1/2024, định giá toàn thị trường P/E đã tăng lên mức 16,8x so với mức 16,2x vào tháng trước (tăng gần 4%) và đã vượt mốc P/E trung bình 10 năm (16.6x). Trong kịch bản tích cực về nâng hạng thị trường và mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp, P/E kỳ vọng sẽ có thể chạm mốc trung bình 5 năm (17,5x) trong năm 2024.

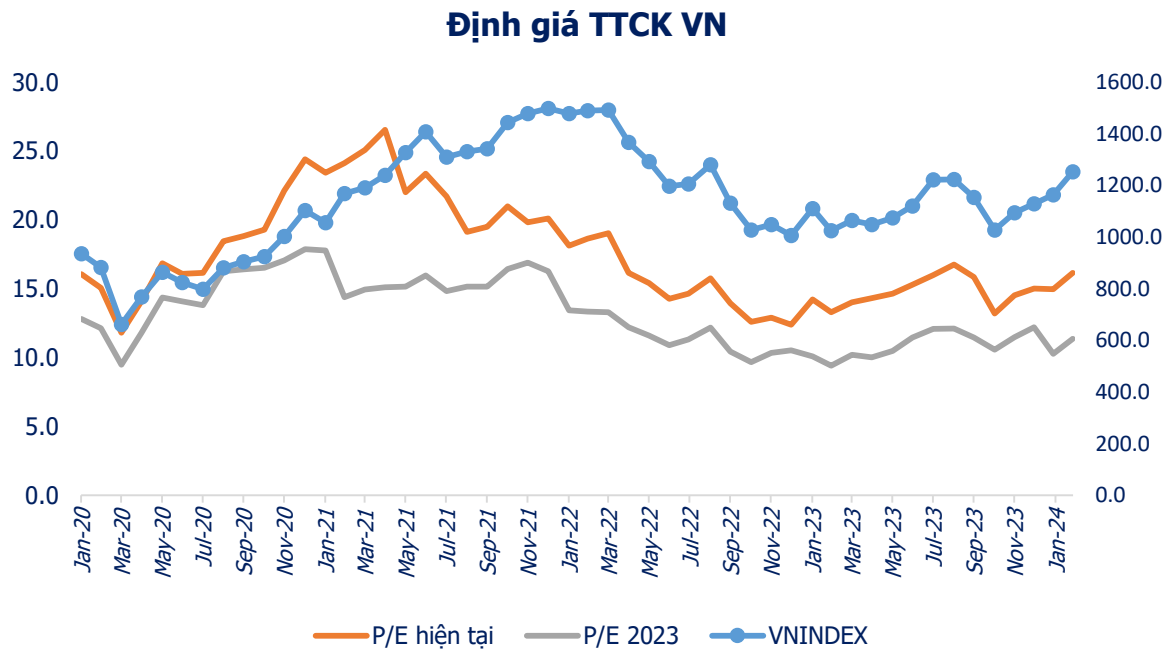

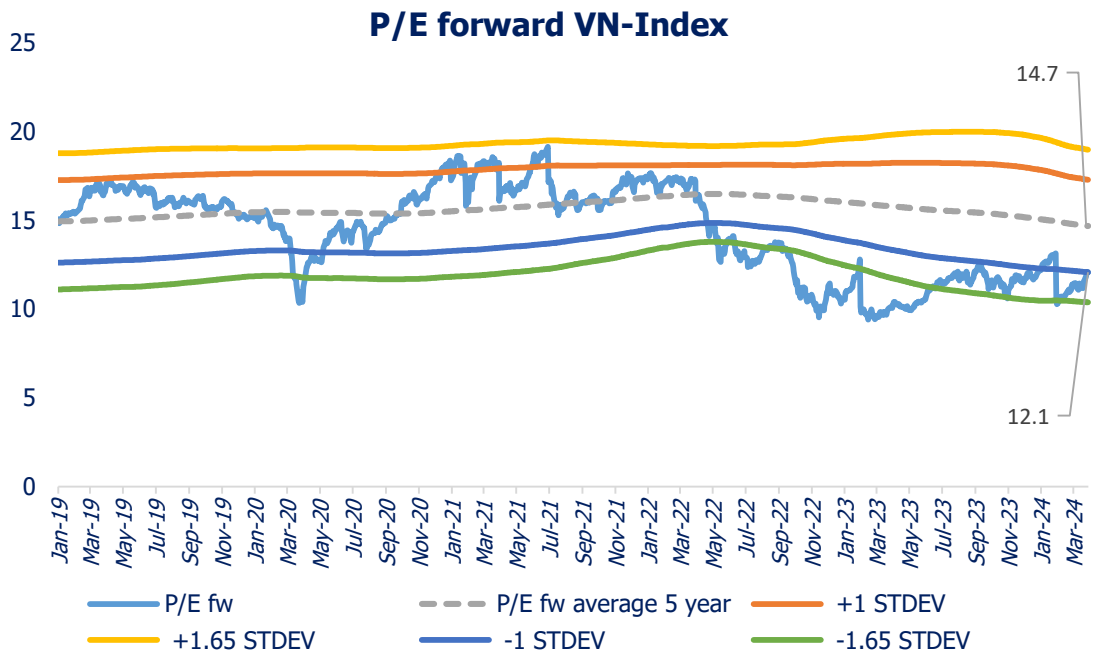

Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 04

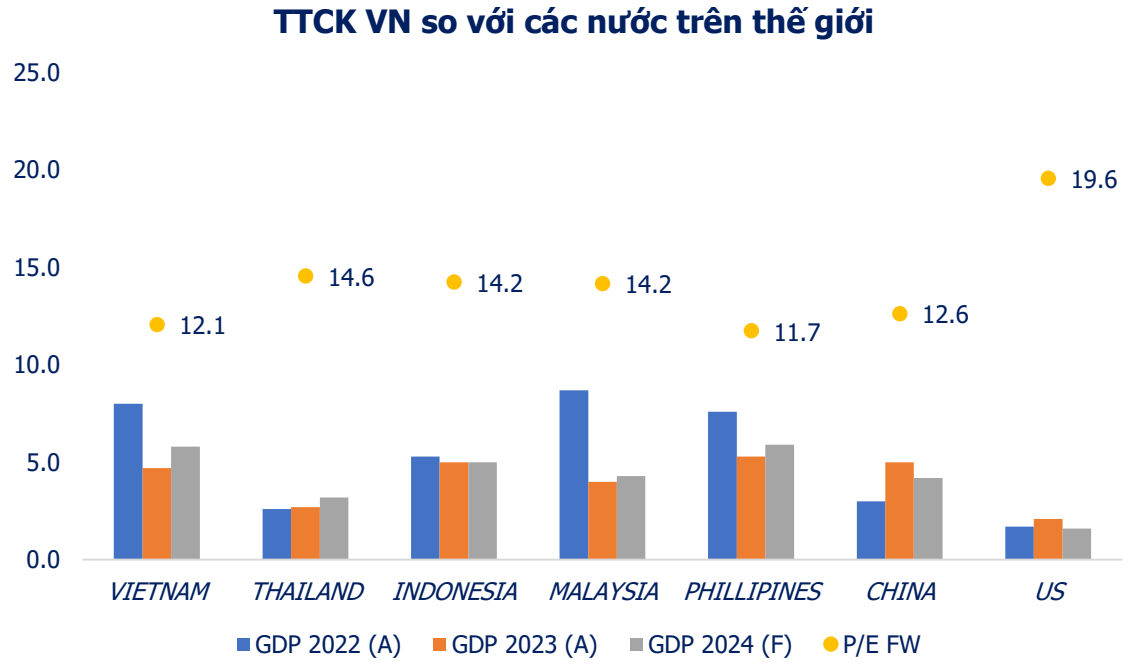

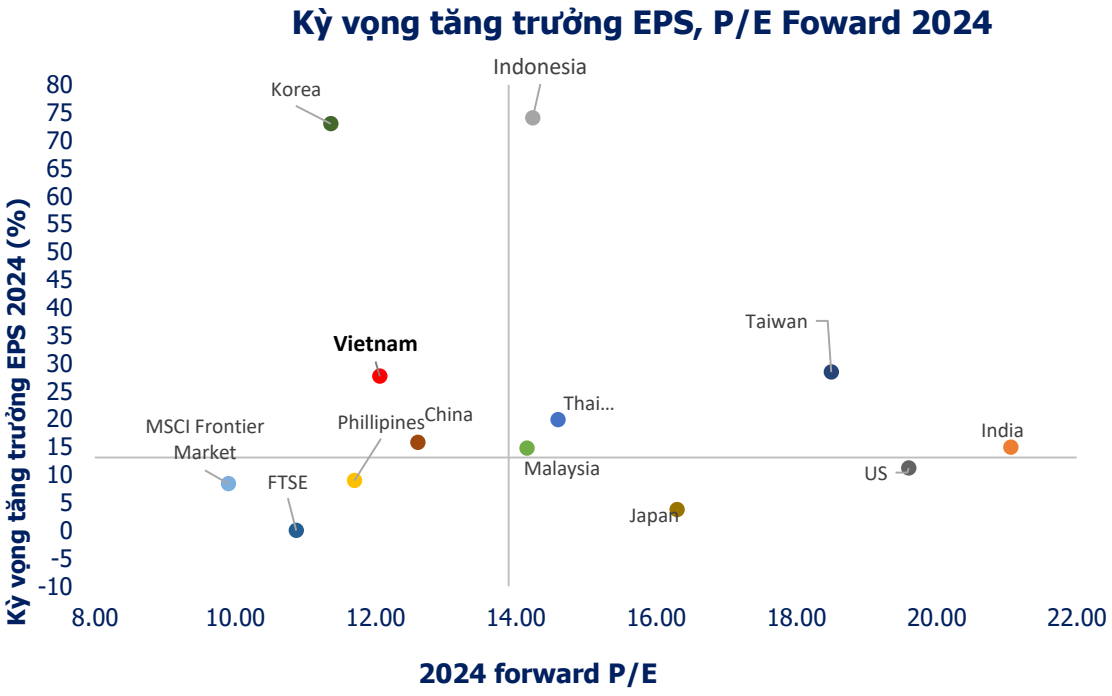

Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp

LỊCH SỰ KIỆN THÁNG 04

03/04/2024

Sự kiện quốc tế

Công bố chỉ số CPI ở Châu Âu

10/04/2024

Sự kiện quốc tế

Công bố chỉ số CPI ở Mỹ

11/04/2024

Sự kiện quốc tế

Quyết định lãi suất ở Châu Âu

15/04/2024

Sự kiện trong nước

Công bố cập nhập thay đổi cổ phiếu thành phần chỉ số VNFINSELECT, VNDIAMOND

16/04/2024

Sự kiện quốc tế

Công bố chỉ số GDP ở Trung Quốc (quý 1)

19/04/2024

Sự kiện trong nước

Ngày GDCC của HĐTL VN30 tháng 04/2024

25/04/2024

Sự kiện quốc tế

Công bố chỉ số GDP ở Mỹ (quý 1)

29/04/2024

Sự kiện trong nước

Công bố số liệu kinh tế Việt Nam tháng 04/2024

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Biến cơ hội thành giá trị

Diễn biến giá cổ phiếu trong danh mục (% Ytd)

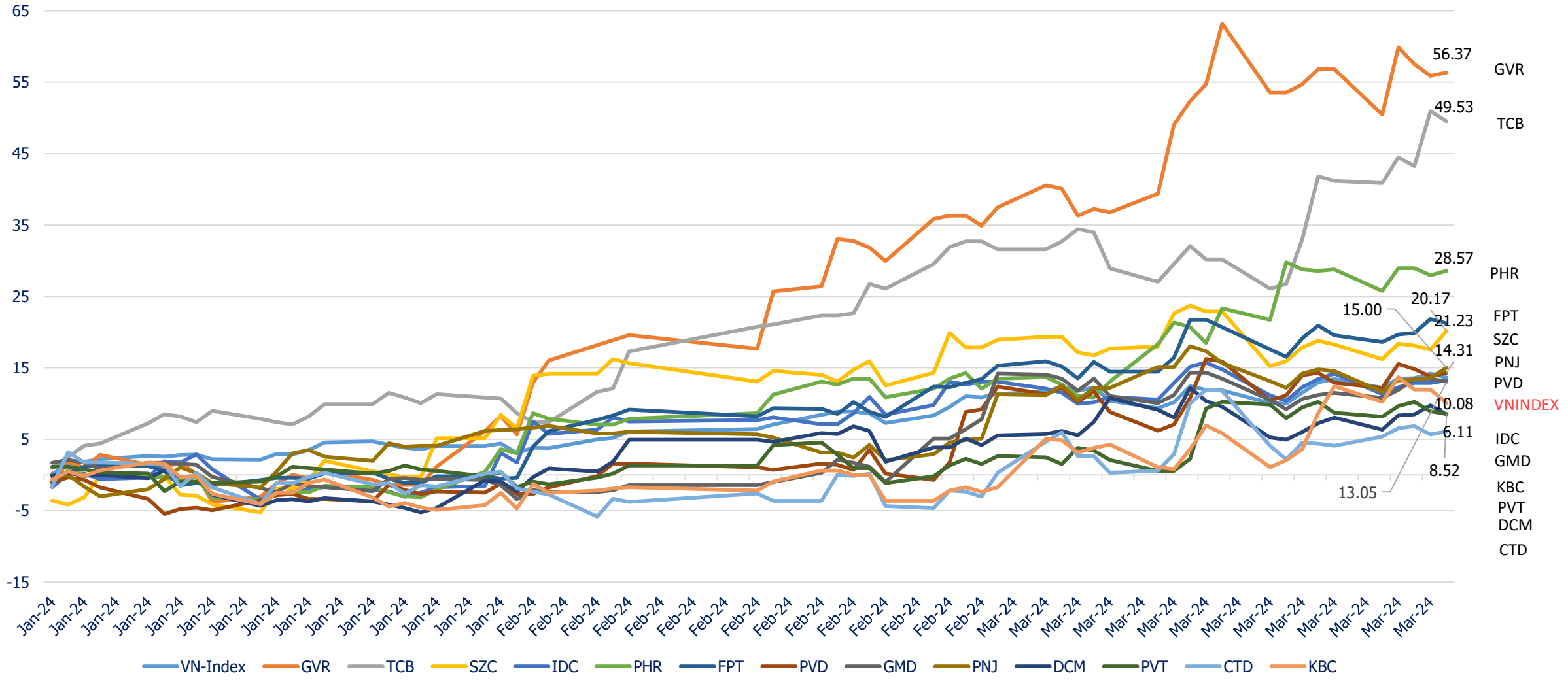

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Biến cơ hội thành giá trị

CTCP FPT (HOSE – FPT)

Giá hiện tại	116.500
Giá mục tiêu PTKT	120.000-130.000
Giá cao nhất tháng 3	118.500
Vốn hóa (tỷ VND)	148.586
EPS ttm	5.103,76
BV	19.665,17
PE trailing	22,92
PB trailing	5,95

(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2024
Doanh thu	11.681,38	12.484,36	13.761,74	14.690,41	61.850
% yoy	20,05%	23,66%	23,44%	12,64%	+17,5%
Lãi sau thuế	1.809,80	1.855,58	2.075,87	2.051,24	9.200
% yoy	17,63%	18,83%	18,22%	26,63%	+18%
Tổng tài sản	50.741,16	60.524,39	62.112,68	60.325,28	
Vốn chủ sở hữu	27.061,18	28.595,33	28.405,66	29.948,35	
ROA (%)	10,38	10,65	10,83	11,56	
ROE (%)	26,72	26,50	26,67	33,85	
Biên lãi gộp (%)	39,10	37,12	39,94	38,34	
Biên lãi ròng (%)	15,49	14,86	15,08	13,96	

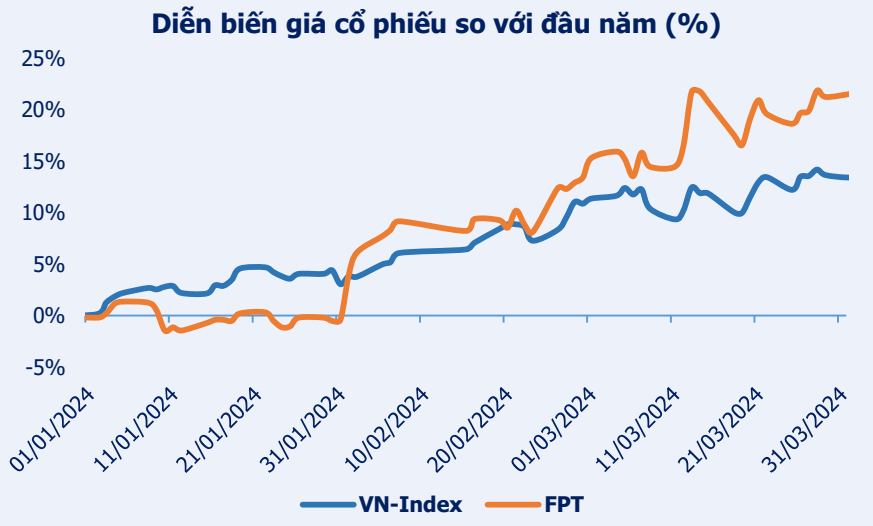

- Nằm trong số những công ty công nghệ, nhà cung cấp Internet hàng đầu Việt Nam. Các mảng hoạt động chủ đạo (xuất khẩu phần mềm, hệ thống thông tin, đường truyền Internet..) được hưởng lợi từ xu hướng chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên thế giới và Việt Nam. Tình hình tài chính vững mạnh, lượng tiền mặt gần 26.700 tỷ đồng (44% tổng tài sản và tương đương 83% tổng nợ phải trả), nợ vay được kiểm soát ở mức thấp (32% tổng vốn).
- Đẩy mạnh M&A tại Mỹ với kỳ vọng tăng gấp đôi doanh thu dịch vụ kỹ thuật sản phẩm (tư vấn, thiết kế, phát triển, thử nghiệm các công nghệ mới) trong vòng hai năm tới. Năm 2023 FPT đã mua lại mảng dịch vụ công nghệ của Intertec International, đầu tư chiến lược vào Landing AI-startup phần mềm thị giác máy tính và AI, mua lại công ty cung cấp dịch vụ kỹ thuật công nghệ Cardinal Peak. Ngày 16/12/2023, FPT ký hợp tác với Yamato Holdings - Doanh nghiệp lớn về lĩnh vực lưu thông hàng hóa và TradeWaltz - Doanh nghiệp sở hữu nền tảng tương tác thông tin thương mại hàng đầu Nhật Bản.
- Năm 2023, doanh thu đạt 52.618 tỷ đồng (+19,6% YoY = 100,6% KH), lãi sau thuế 7.792 tỷ đồng (+20% YoY =107,5% KH), EPS tăng 21% lên 4.666 đồng. Doanh thu 2 tháng 2024 đạt 8.966 tỷ đồng (+22,9% YoY), lãi trước thuế 1.567 tỷ đồng (+19,5% YoY), tương ứng lần lượt 14% và 14,4% kế hoạch năm. Khối công nghệ đóng góp lớn nhất với 58% doanh thu và 42% lãi trước thuế, mảng dịch vụ thị trường nước ngoài đạt 4.354 tỷ đồng doanh thu (+29,7% YoY), giá trị hợp đồng ký mới đạt 5.797 tỷ đồng (-13,5%).
- Dự kiến họp ĐHCĐ ngày 10/4/2024

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Biến cơ hội thành giá trị

Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (HOSE – PVD)

Giá hiện tại	32.350
Giá mục tiêu PTKT	35.000-36.000
Giá cao nhất tháng 3	33.600
Vốn hóa (tỷ VND)	19.400
EPS ttm	0,03
BV	1,09
PE trailing	41,76
PB trailing	1,28

(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2024
Doanh thu	1.226,64	1.410,47	1.381,11	1.747,44	
% yoy	7,05%	-6,83%	11,22%	19,82%	
Lãi sau thuế	52,25	157,59	132,89	194,04	
% yoy	169,61%	314,22%	356,51%	264,09%	
Tổng tài sản	20.510,85	20.816,60	21.499,36	21.650,09	
Vốn chủ sở hữu	14.101,88	14.282,83	14.809,87	14.894,25	
ROA (%)	0,13	1,20	2,08	2,74	
ROE (%)	0,19	1,79	3,08	3,79	
Biên lãi gộp (%)	19,41	25,38	21,42	22,79	
Biên lãi ròng (%)	4,26	11,17	9,62	11,10	

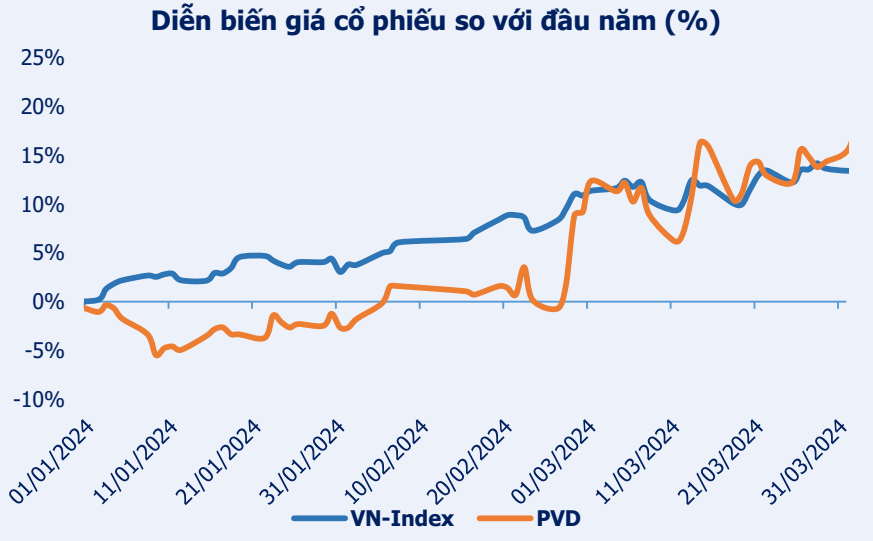

- Công ty cung cấp dịch vụ khoan hàng đầu Việt Nam với 4 giàn khoan biển tự nâng, 1 giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm, 1 giàn khoan đất liền. Tình hình tài chính lành mạnh với 3.534 tỷ đồng tiền và tương đương tiền, tương ứng 105% nợ vay. Vốn chủ sở hữu đạt 14.894 tỷ đồng, gấp 2,2 lần tổng nợ phải trả.
- Toàn bộ các giàn khoan hoạt động xuyên suốt trong năm 2023 với hiệu suất hoạt động, hiệu suất sử dụng đều cao hơn so với cùng kỳ, Zero LTI. Năm 2023 tổng doanh thu đạt gần 6.200 tỷ đồng (+10,7% YoY = 115% kế hoạch), lãi sau thuế 540 tỷ đồng (+449% YoY = 540,6% kế hoạch).
- Ban lãnh đạo PV Drilling ước tính giá thuê giàn khoan đạt trên 90.000 USD/ngày trong năm 2024 và tăng lên mức 102.000 USD/ngày trong năm 2025, với hiệu suất hoạt động lên đến 99% trong cả hai năm. Giàn khoan PV DRILLING III vừa có hợp đồng đến năm 2028 và có thể gia hạn thêm 2 năm.
- Triển vọng: Giá dầu duy trì ở mức cao hỗ trợ giá thuê các giàn khoan của PVD tiếp tục tích cực, toàn bộ các giàn khoan đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ dài hạn tại nước ngoài. Dự án Lô B - Ô Môn theo kế hoạch vận hành từ 2026 sẽ tạo nguồn việc dài hạn cho các giàn khoan của PVD từ 2025 (PVD đang xem xét đầu tư thêm 2 giàn khoan tự nâng vốn đầu tư 90 triệu USD/giàn trong đó 70% vốn đầu tư đến từ nguồn vốn vay, kế hoạch vốn đầu tư 2024 được phê duyệt khoảng 49.200 tỷ đồng, cao hơn 57% so với thực hiện năm 2023).
- Ngày 18/3/2024 chốt quyền tham dự ĐHCĐ 2024, dự kiến họp 22/4/2024 – 29/4/2024.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Biến cơ hội thành giá trị

Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (HOSE – PVT)

Giá hiện tại	28.650
Giá mục tiêu PTKT	31.500-33.000
Giá cao nhất tháng 3	29.650
Vốn hóa (tỷ VND)	9.645
EPS ttm	2.998,17
BV	22.879,05
PE trailing	9,94
PB trailing	1,30

(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2024
Doanh thu	2.043,03	2.115,06	2.550,62	2.752,79	8.800
% yoy	1,06%	-6,28%	9,45%	12,88%	-7,24%
Lãi sau thuế	240,16	390,27	321,04	267,73	760
% yoy	23,70%	51,26%	-16,83%	-3,14%	-38,6%
Tổng tài sản	14.175,96	15.152,35	16.965,20	17.466,21	
Vốn chủ sở hữu	8.250,05	8.417,66	8.675,19	9.026,38	
ROA (%)	6,15	6,70	6,26	6,18	
ROE (%)	14,81	15,99	14,74	18,48	
Biên lãi gộp (%)	15,98	23,18	20,22	18,21	
Biên lãi ròng (%)	11,76	18,45	12,59	9,73	

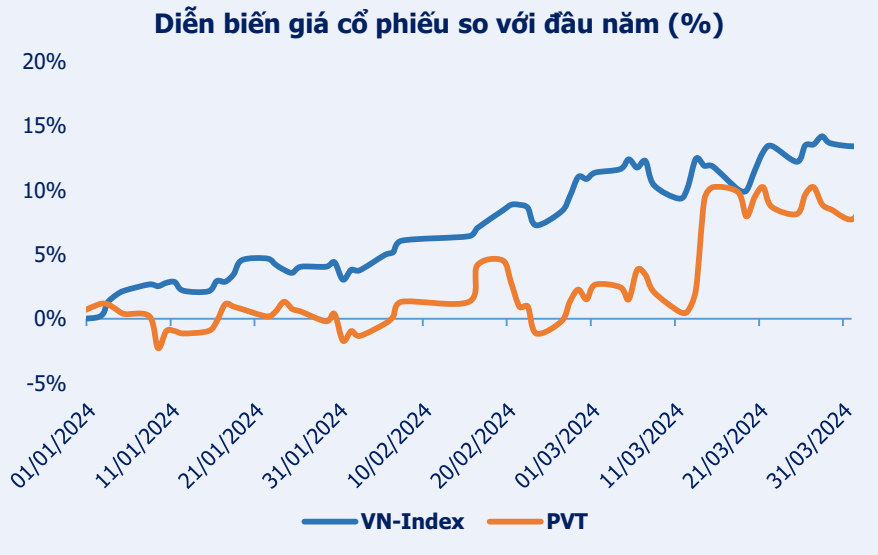

- PVTrans là công ty vận tải dầu khí hàng đầu chuyên chở dầu thô, khí, hóa chất, than cho các đơn vị trong và ngoài tập đoàn PVN, sở hữu đội tàu hàng lỏng lớn nhất Việt Nam. Trong năm 2023, PVT đã đầu tư và thuê thêm 1 tàu chở hàng Supramax, 7 tàu chở dầu/hóa chất, 01 tàu chở LPG loại VLGC (Very Large Gas Carrier) sức chở 84.597 m3, 01 tàu LPG Coaster qua đó nâng đội tàu lên 51 chiếc (1,4 triệu DWT).
- Năm 2023 đạt 9.487 tỷ đồng doanh thu (+4,8% YoY = 139,5% KH), 1.238,5 tỷ đồng lãi sau thuế (+7,1% YoY = 230,2% KH). Năm 2024, HĐQT đặt kế hoạch doanh thu 8.800 tỷ đồng (-7,24% YoY), lãi sau thuế 760 tỷ đồng (-38,6% YoY), cổ tức 8%. Tổng nhu cầu vốn đầu tư của công ty mẹ năm 2024 khoảng 3.374 tỷ đồng, trong đó 35% (1.202 tỷ đồng) là nguồn vốn chủ sở hữu, còn lại là vốn vay. Công ty dự kiến đầu tư 132 triệu USD vào các tàu, 262 tỷ đồng góp vốn vào các công ty thành viên như PVTrans Logistics, HH Thăng Long, Vận tải Đông Dương
- Ngày 19/1/2024, HĐQT ban hành nghị quyết chia cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10%. Ngày 20/3/2024 chốt danh sách họp ĐHCĐ dự kiến tổ chức tháng 4/2024. Ngày 11/4/24, giao dịch KHQ nhận cổ tức 2021 bằng cổ phiếu tỷ lệ 10%
- Catalyst: việc mở rộng đội tàu giúp gia tăng doanh thu và lợi nhuận, có thể ghi nhận lợi nhuận bất thường trong năm từ việc thanh lý tàu chở dầu thô Athena, nhu cầu vận tải dầu khí hồi phục. Tiềm năng từ chính sách phát triển nhiệt điện chạy khi LNG theo quy hoạch VIII kéo theo nhu cầu chuyên chở LNG tăng cao.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Biến cơ hội thành giá trị

Tổng Công ty IDICO – CTCP (HNX – IDC)

Giá hiện tại	59.900
Giá mục tiêu PTKT	61.000-63.000
Giá cao nhất tháng 3	62.500
Vốn hóa (tỷ VND)	19.800
EPS ttm	4.223,63
BV	15.068,79
PE trailing	14,21
PB trailing	3,98

(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2024
Doanh thu	1.146,68	2.407,56	1.443,47	2.239,31	8.466
% yoy	-31,48%	-27,22%	-29,68%	85,38%	+13,2%
Lãi sau thuế	175,21	662,58	194,52	623,06	2.502*
% yoy	-38,25%	-54,84%	-68,32%	169,41%	+21,6%
Tổng tài sản	17.427,81	16.916,64	16.898,22	17.731,90	
Vốn chủ sở hữu	6.276,67	6.202,79	5.610,85	6.204,23	
ROA (%)	13,22	7,79	6,17	8,02	
ROE (%)	42,09	25,59	21,22	33,38	
Biên lãi gộp (%)	26,47	37,06	28,07	36,67	
Biên lãi ròng (%)	15,28	27,52	13,48	27,82	

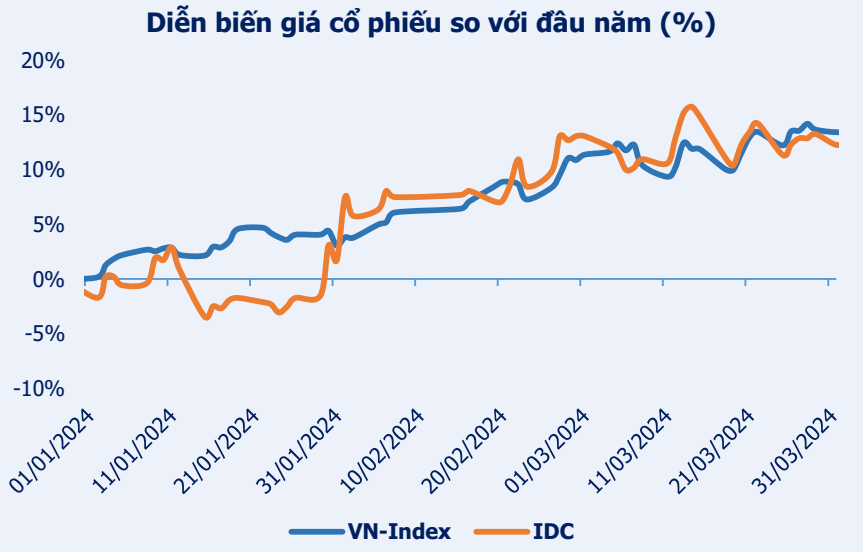

- IDC sở hữu 10 KCN nằm ở các vị trí thuận lợi với tổng diện tích khoảng 3.267ha ở miền Bắc và miền Nam. Năm 2023, IDC đã cho thuê mới 169,8 ha, vượt 34% KH năm và hiện còn 722,7 ha quỹ đất sẵn sàng cho thuê tại 5 dự án KCN như Phú Mỹ 2, Phú Mỹ 2 mở rộng, Hựu Thạnh, Cầu Nghìn, Quế Võ 2. Backlog diện tích đất chưa ghi nhận tính đến cuối 2023 là 156ha gồm hơn 30 ha từ các biên bản ghi nhớ ký trong năm 2022 và 126 ha từ các hợp đồng và biên bản ghi nhớ ký trong năm 2023. Giá cho thuê đất tại KCN Hựu Thạnh, Quế Võ 2 và Cầu Nghìn lần lượt tăng 6%, 3% và 18% so với cùng kỳ năm 2022.
- Dự án Khu đô thị phường 6, Tân An (Idico Linco – IDC sở hữu 51%) dự kiến sẽ được chuyển nhượng cho Aeon để phát triển trung tâm thương mại. Việc chuyển nhượng hoàn tất sẽ có tác động tích cực đến dòng tiền của IDC.
- IDC đang có kế hoạch mở rộng tổng quỹ đất thêm từ 2.430ha - 2.820ha trong 5 năm tới. IDC đã trình Thủ tướng dự án KCN Mỹ Xuân B1 mở rộng (110 ha – 500ha) và KCN Tân Phước 1 (470 ha) tại Tiền Giang, dự kiến sẽ được phê duyệt đầu tư trong đầu năm 2024. IDC quyết định góp 550 tỷ đồng thành lập công ty con IDICO Vinh Quang tại TP. Hải Phòng để đầu tư xây dựng, kinh doanh đô thị, khu công nghiệp. Khu công nghiệp Vinh Quang (1.000 ha) đã hoàn thành quy hoạch 1/2.000 và dự kiến được phê duyệt đầu tư trong năm 2025.
- Ngày 25/03/2024 IDC chốt quyền tham dự ĐHCĐ năm 2024, thời gian tổ chức dự kiến 26/04/2024. IDC dự kiến cho thuê 145ha đất KCN và 50.000m2 nhà xưởng năm 2024, đầu tư 3.134 tỷ đồng trong đó đầu tư vào các công ty con (nắm >50% vốn) 2.004 tỷ đồng, tỷ lệ cổ tức 2023 là 40% bằng tiền (đã tạm ứng 35%), cổ tức năm 2024 là 40%.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Biến cơ hội thành giá trị

Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (HOSE – KBC)

Giá hiện tại	35.100
Giá mục tiêu PTKT	38.000-39.000
Giá cao nhất tháng 3	36.300
Vốn hóa (tỷ VND)	27.250
EPS ttm	2.645,95
BV	23.678,81
PE trailing	13,42
PB trailing	1,50

(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2024
Doanh thu	2.223,06	2.327,67	247,18	1.093,93	9.000
% yoy	221,42%	491,28%	21,62%	430,30%	+59,4%
Lãi sau thuế	1.056,36	1.012,08	18,55	149,89	4.000
% yoy	101,86%	413,32%	-99,04%	127,77%	+80,3%
Tổng tài sản	35.093,05	33.764,79	33.747,15	33.420,46	
Vốn chủ sở hữu	18.901,88	20.044,30	20.062,85	20.194,20	
ROA (%)	5,98	9,79	4,22	5,84	
ROE (%)	12,63	19,92	8,39	12,97	
Biên lãi gộp (%)	69,78	70,77	44,85	44,57	
Biên lãi ròng (%)	47,52	43,48	7,50	13,70	

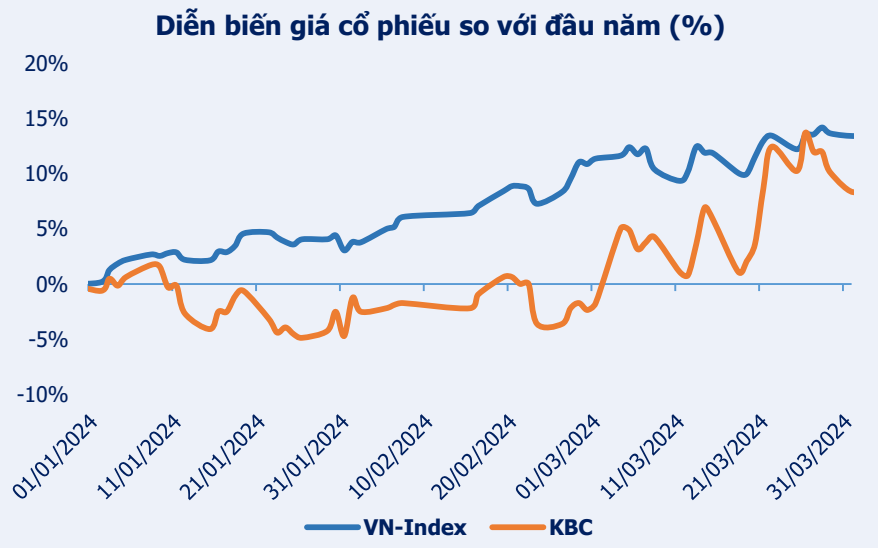

- KBC sở hữu 6.386,54ha đất KCN, 1.262,8ha đất khu đô thị và 78,9ha đất dự án khác trong đó, có 04 KCN (1.013 ha) đạt tỷ lệ lấp đầy 100% và 01 KCN có diện tích 426 ha đã lấp đầy 95,89%.
- Năm 2023, KBC ghi nhận doanh thu 5.644,7 tỷ đồng, tăng gần 6 lần so với năm 2022. Doanh thu từ cho thuê đất và cơ sở hạ tầng là trên 5.247 tỷ đồng, biên lãi gộp tăng mạnh lên mức 69% so với mức 48% của năm 2022. Lãi sau thuế 2023 đạt 2.218,3 tỷ đồng (+40,7% YoY), cao nhất từ khi niêm yết, tương ứng 65,4% KH doanh thu và 55,4% KH lợi nhuận.
- Ngày 19/07/2023, Bắc Giang đã duyệt quy hoạch 1/500 KCN Quang Châu mở rộng (90,59ha – vốn đầu tư 996 tỷ đồng) của KBC. Tập đoàn Ingrasys (Singapore) và Foxconn (Đài Loan) đã đặt cọc và ký biên bản ghi nhớ thuê phần lớn diện tích đất tại đây. KBC đã chuyển 1.188 tỷ nợ phải thu công ty con CTCP Khu công nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng (SHP) thành cổ phần, tăng sở hữu lên 89,26%. SHP là chủ đầu tư dự án KCN và Khu đô thị Tràng Duệ (Hải Phòng) trong đó KCN Tràng Duệ 1&2 (402ha) đã lấp đầy 100%, KCN Tràng Duệ 3 (687ha) đang hoàn thiện thủ tục pháp lý. Dự án KĐT- DVTM và nhà ở công nhân Tràng Duệ (3ha, 2.538 căn hộ, 1.600 tỷ đồng) được SHP khởi công ngày 28/5, dự kiến hoàn thành QIV/2025.
- HĐQT KBC phê duyệt quyết định đầu tư KCN Sông Hậu 2 - Hậu Giang (380 ha) vốn đầu tư gần 5.570 tỷ đồng trong đó vay 85%, dự kiến bắt đầu cho thuê đất, nhà xưởng từ 6/2026. HĐQT phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Phú Bình, Thái Nguyên với vốn đầu tư 8.958 tỷ đồng (vốn vay 85%), dự kiến đi vào hoạt động năm 2033.
- Năm 2024, KBC đặt kế hoạch doanh thu hợp nhất 9.000 tỷ đồng và kế hoạch LNST hợp nhất 4.000 tỷ đồng.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Biến cơ hội thành giá trị

CTCP Sonadezi Châu Đức (HOSE – SZC)

Giá hiện tại	43.900
Giá mục tiêu PTKT	45.000-46.000
Giá cao nhất tháng 3	46.500
Vốn hóa (tỷ VND)	7.974
EPS ttm	1.413,19
BV	11.885,96
PE trailing	31,35
PB trailing	3,73

(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2024
Doanh thu	63,16	288,17	208,10	258,51	881
% yoy	-77,23%	9,74%	68,79%	32,12%	+5,5%
Lãi sau thuế	11,75	95,97	55,09	56,06	228
% yoy	-84,39%	56,89%	136,25%	49,23%	+4,6%
Tổng tài sản	6.301,81	6.345,97	6.404,28	6.961,13	
Vốn chủ sở hữu	1.546,01	1.626,22	1.681,25	1.737,32	
ROA (%)	2,18	2,70	3,16	3,29	
ROE (%)	8,85	10,87	12,55	13,38	
Biên lãi gộp (%)	54,30	47,78	41,17	35,84	
Biên lãi ròng (%)	18,61	33,30	26,47	21,69	

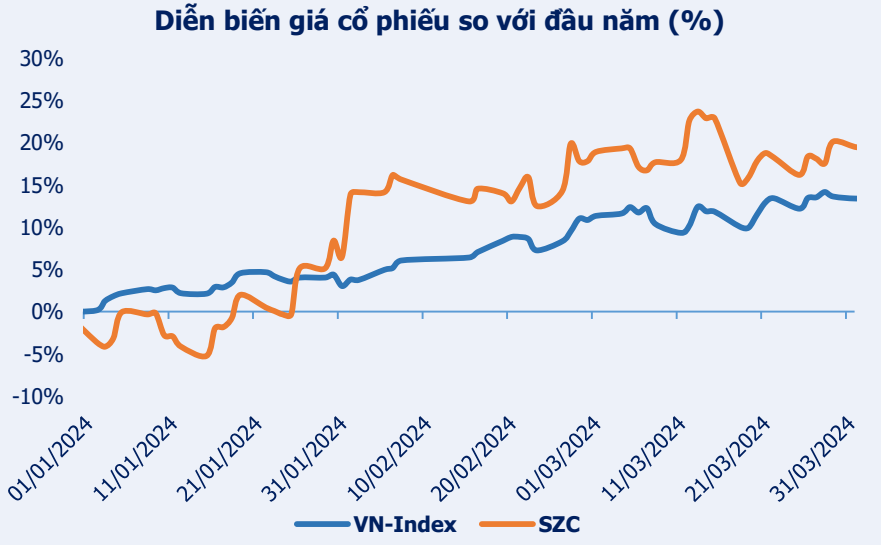

- SZC sở hữu quỹ đất cho thuê lớn với tổng diện tích khoảng 2.135 ha (trong đó khoảng 600ha để phát triển KĐT).
- Năm 2023 đạt 818 tỷ đồng doanh thu (-4,7% YoY = 89,4% KH), 218,8 tỷ lãi sau thuế (+10,9% YoY = 104% KH).
- Ngày 5/1/2024, chốt quyền mua phát hành thêm tỷ lệ 2:1 giá 20.000 đồng/cp. Mục đích đợt phát hành nhằm bổ sung nguồn vốn đầu tư dự án KCN Châu Đức (1.556ha), tái cơ cấu các khoản nợ vay và thanh toán lãi gốc trái phiếu đến hạn. Kết quả còn dư 1.554.265 cp do cổ đông không đăng ký mua sẽ được chào bán tiếp cho các NĐT khác, hạn chế chuyển nhượng 1 năm, thời gian nộp tiền từ 8/4-12/4.
- Tổng Công ty Sonadezi (SZN) vừa công bố biên bản lấy ý kiến cổ đông về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu tổng công ty giai đoạn 2021-2025, theo đó SZN sẽ thoái vốn tại SZC từ 46,84% hiện tại xuống còn 36%. HĐQT vừa thông qua phương án tăng giới hạn tín dụng, theo đó tổng giới hạn cho vay dài hạn là 3.000 tỷ đồng gồm giới hạn cho vay dài hạn đã cấp là 1.600 tỷ đồng và giới hạn cho vay dài hạn cấp mới là 2.000 tỷ đồng để tiếp tục thực hiện triển khai đầu tư dự án Khu công nghiệp Châu Đức.
- Ngày 7/3/2024 chốt danh sách dự họp ĐHCĐ, dự kiến tổ chức tháng 4/2024. Năm 2024, SZC đặt kế hoạch doanh thu 881 tỷ đồng (+5,5% YoY) và LNST 228 tỷ đồng (+4,6% YoY). Đồng thời, SZC có kế hoạch chi gần 450 tỷ cho đầu tư xây dựng cơ bản và 1.089 tỷ đồng cho chi phí giải phóng mặt bằng cho KCN diện tích 92,99ha trong năm.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Biến cơ hội thành giá trị

CTCP Gemadept (HOSE – GMD)

Giá hiện tại	79.800
Giá mục tiêu PTKT	85.000-90.000
Giá cao nhất tháng 3	82.300
Vốn hóa (tỷ VND)	24.533
EPS ttm	7.203,30
BV	28.050,10
PE trailing	11,13
PB trailing	2,86

(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2024
Doanh thu	901,97	912,17	997,92	1.033,81	
% yoy	2,51%	-6,72%	0,60%	-3,01%	
Lãi sau thuế	254,84	1.717,21	338,45	191,54	
% yoy	-20,15%	412,87%	17,73%	-11,14%	
Tổng tài sản	13.266,17	14.011,37	13.245,08	13.542,10	
Vốn chủ sở hữu	8.199,85	9.777,33	9.552,71	9.706,54	
ROA (%)	7,45	17,51	17,09	16,72	
ROE (%)	13,18	30,61	29,45	32,32	
Biên lãi gộp (%)	47,29	50,36	46,57	41,17	
Biên lãi ròng (%)	28,25	188,25	33,92	18,53	

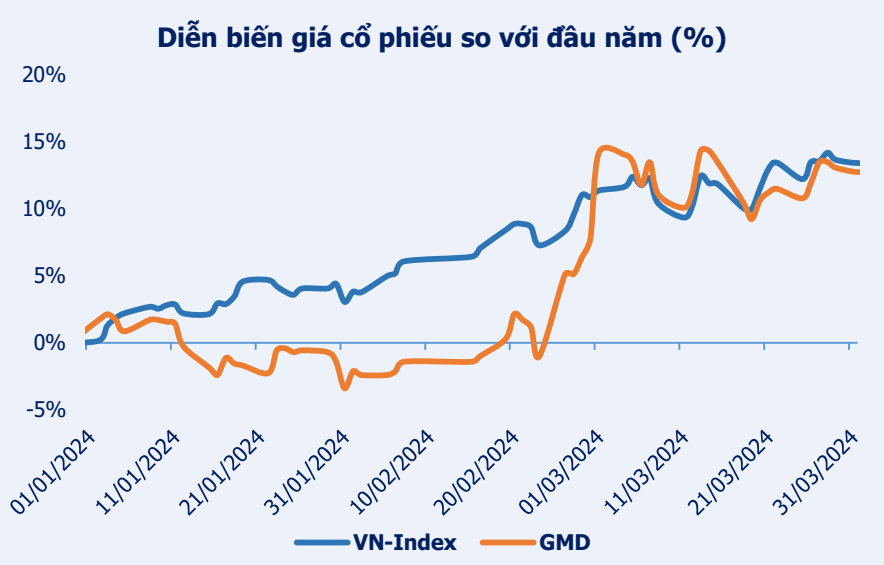

- Một trong các nhà khai thác cảng biển và logistics hàng đầu tại Việt Nam với 8 cảng biển (năng lực 3,45 triệu TEU, 2 triệu tấn hàng rời) trong đó Gemalink nằm trong Top 19 cảng trên thế giới có khả năng tiếp nhận tàu Megaship (250.000 Dwt). Sản lượng container qua các cảng của GMD năm 2023 đạt trên 3tr TEU = 12,2% thị phần cả nước.
- Ngày 24/5/2023 khai thác GĐ2 cảng Nam Đình Vũ có công suất 1,4tr TEU/năm. Năm 2023 đạt 3.846 tỷ đồng doanh thu (-1% YoY = 98% KH), 3.144 tỷ đồng lãi trước thuế (+140% YoY = 277% KH). Ngày 15/3 đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ 99,98% cổ phần tại CTCP Cảng Nam Hải (NHP) vốn điều lệ 100 tỷ đồng, công suất 200.000 TEU/năm. Đã phát hành 4.588.400 (1,5% số lượng cp lưu hành) cổ phiếu ESOP cho CBNV giá 10.000đ/cp.
- Ngày 1/2/2024, GMD đã khởi công dự án Nâng cấp luồng hàng hải trước cảng Nam Đình Vũ dự kiến hoàn thành 5/2024. Sau khi hoàn thành độ sâu luồng hạ từ -7m xuống -8,5m để tiếp nhận tàu lên đến 48.000 DWT.
- Câu chuyện đầu tư: Từ 15/22024 tăng 10% giá sàn đối với phí bốc dỡ container quốc tế (riêng khu vực Cái Mép-Thị Vải nâng cả giá trần thêm 10% và cảng Gemarlink có thể tăng thêm 10% so với khung giá thông thường; Dự án GĐ3 cảng Nam Đình Vũ (600.000TEU/năm) dự kiến vận hành từ 2025. Dự án Gemalink - Giai đoạn 2 (39ha, 1,5 triệu TEU/năm) dự kiến hoàn thành 2025; Thoái vốn tại dự án trồng cao su tại Campuchia (30.000ha); Thoái vốn mảng bất động sản; Khả năng chia cổ tức đặc biệt năm 2023; Hoạt động xuất khẩu của Việt Nam được kỳ vọng sẽ phục hồi tốt trong năm 2024, kim ngạch XNK 2 tháng đầu năm 2024 đạt 113,96 tỷ USD, tăng 18,6% so cùng kỳ.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Biến cơ hội thành giá trị

Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (HOSE – TCB)

Giá hiện tại	47.400
Giá mục tiêu PTKT	46.000-48.000
Giá cao nhất tháng 3	48.700
Vốn hóa (tỷ VND)	167.848
EPS ttm	5.117,97
BV	36.990,44
PE trailing	9,31
PB trailing	1,29

(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2024
Tổng thu nhập hoạt động	9.299,97	9.325,17	10.418,49	11.017,45	-
% yoy	-7,06%	-14,72%	0,78%	16,87%	-
Lãi sau thuế	4.537,10	4.503,45	4.668,71	4.481,62	21.680
% yoy	-19,19%	-23,44%	-13,02%	25,46%	19,18%
Tiền gửi khách hàng	387.297,89	381.946,52	409.044,57	454.660,78	
Cho vay khách hàng	465.425,35	466.546,22	475.605,59	518.641,57	616.031
Nợ xấu (%)	0,85	1,07	1,36	1,16	<1,5
ROE (%)	17,34	15,50	14,37	14,84	
NIM (%)	5,29	4,33	4,11	4,02	
Biên lãi ròng (%)	48,79	48,29	44,81	40,68	

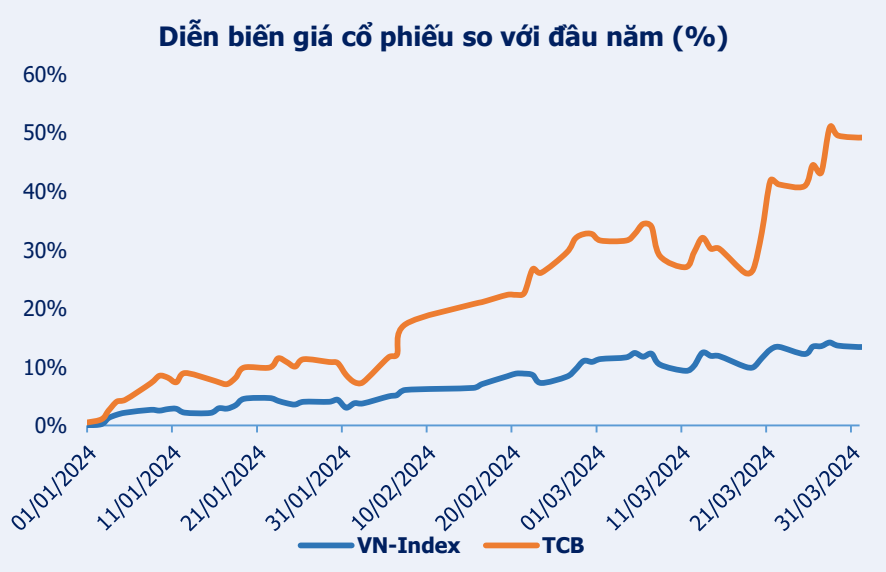

- Năm 2023, tổng tài sản đạt 849.500 tỷ đồng (+21,5% YoY), dư nợ tín dụng 518.641 tỷ đồng (+19,2% YoY) trong đó cho vay tổ chức tăng 53,4% (59,22% tổng dư nợ), cá nhân giảm 5,79%, tiền gửi khách hàng 454.700 tỷ đồng (+26,9% YoY), tỷ lệ CASA 39,9%, tỷ lệ nợ xấu 1,14%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu 102%. LNTT năm 2023 đạt 22.888 tỷ đồng (-10,5% YoY), vượt 4% kế hoạch năm, ROE 14,8%, thấp hơn mức trung bình 18,74% của ngành. Điểm tích cực là hoạt động kinh doanh của TCB trong năm 2023 có cải thiện về cuối năm.
- Q1/2024, Moody's đã nâng hạng Triển vọng của TCB lên Ổn định, duy trì điểm tín dụng cơ bản BCA ở mức Ba3, là mức cao nhất trong các NHTM cổ phần. Năm 2024, TCB đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 16,2%, lợi nhuận trước thuế 27.100 tỷ đồng (+18,4% YoY), tỷ lệ nợ xấu thấp hơn 1,5%. Ngày 20/04/2024, TCB sẽ tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. TCB dự kiến đề xuất trả cổ tức bằng tiền ít nhất 20%/tổng lợi nhuận, tương đương 4% - 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm đầu năm, ước tính khoảng 1.500 đồng/cổ phiếu cho năm 2024.
- Các khoản cho vay liên quan đến ngành BĐS (kinh doanh BĐS, xây dựng và vật liệu xây dựng) chiếm 63,5% tổng tín dụng với khách hàng doanh nghiệp, tăng 56% YoY và tập trung vào một số nhà phát triển BĐS lớn. Tỷ lệ trái phiếu doanh nghiệp trên dư nợ tín dụng giảm từ 7,5% cuối 2022 xuống 5,3%. Triển vọng kinh doanh năm 2024 của TCB dự báo khả quan hơn với lợi nhuận tăng khoảng 15%. Luật đất đai, Luật kinh doanh BĐS và Luật các TCTD được thông qua kỳ vọng giải quyết vấn đề pháp lý, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng dự án BĐS và xử lý tài sản đảm bảo là BĐS của Ngân hàng.
- Sau diễn biến khá tích cực từ tháng 2.2024, PB của TCB hiện là 1,29x, vẫn tương đối hấp dẫn so với trung bình ngành 1,44x.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Biến cơ hội thành giá trị

CTCP Cao su Phước Hòa (HOSE – PHR)

Giá hiện tại	64.000
Giá mục tiêu PTKT	66.000-68.000
Giá cao nhất tháng 3	65.900
Vốn hóa (tỷ VND)	8.726
EPS ttm	4.573,20
BV	26.908,88
PE trailing	14,08
PB trailing	2,39

(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2024
Doanh thu	326,27	110,76	452,92	461,07	1.455*
% yoy	-10,75%	-54,53%	-13,35%	-20,05%	-10%*
Lãi sau thuế	233,52	127,37	144,36	158,48	245*
% yoy	-21,92%	128,16%	2,78%	-63,51%	-47%*
Tổng tài sản	6.219,83	5.989,17	6.049,49	6.160,97	
Vốn chủ sở hữu	3.667,68	3.504,98	3.709,48	3.816,04	
ROA (%)	13,36	14,52	14,48	9,96	
ROE (%)	24,23	26,21	26,04	19,15	
Biên lãi gộp (%)	14,17	42,62	32,85	19,11	
Biên lãi ròng (%)	71,57	114,99	31,87	34,37	

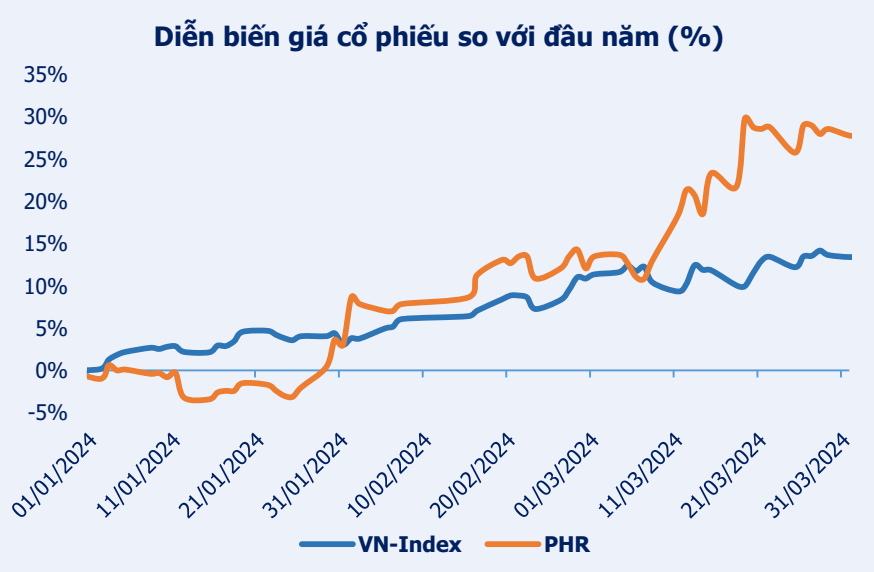

- PHR đang quản lý 15.084 ha cây cao su tại Bình Dương, Campuchia, Daklak, 4 nhà máy chế biến mủ tổng công suất 53.000 tấn/năm. PHR hiện đang đầu tư vào 3 dự án BĐS KCN là Tân Bình (240ha, đã lấp đầy 100%), VSIP 3 (20% lãi gộp của 646ha ghi nhận từ 2024) và Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn 2 (345ha, do công ty liên kết LTC chủ đầu tư, có thể bắt đầu ghi nhận doanh thu cho thuê từ năm 2024).
- Năm 2023, PHR ghi nhận 1.351,02 tỷ đồng doanh thu (-20,75% YoY = 51,87% KH), 663,74 tỷ đồng lãi sau thuế (-28,30% YoY=71,7% KH). Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền mặt 2.143 tỷ đồng, nợ phải trả chiếm 38% tổng nguồn vốn và 61% vốn chủ sở hữu trong đó 57% (1.338 tỷ đồng) là doanh thu chưa thực hiện, PHR có lịch sử duy trì tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền ổn định.
- Trong quý 1, PHR đã khai thác 1.364 tấn mủ quy khô (11% KH 2024), sản lượng tiêu thụ đạt 4.423 tấn (13.36% KH2024), giá bán bình quân đạt 37 triệu đồng/tấn (101,6% KH). Tổng doanh thu công ty mẹ đạt 164,7 tỷ đồng (11,32% KH 2024), lợi nhuận trước thuế 12,03 tỷ đồng (4,34% KH 2024).
- Triển vọng: Giá cao su thế giới tăng 41% từ đầu năm nhờ nhu cầu từ Trung Quốc tăng trở lại. XK cao su quý 1/2024 của Việt Nam tăng 6,9% về lượng và gần 12,3% về giá so với cùng kỳ năm 2023; Giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến 2030, PHR dự kiến sử dụng 4.992 ha để quy hoạch KCN, 1.018 ha quy hoạch cụm công nghiệp (8 cụm công nghiệp ở huyện Phú Giáo, 4 cụm công nghiệp ở huyện Bắc Tân Uyên và 2 cụm công nghiệp ở huyện Bàu Bàng), 1.300 ha quy hoạch khu dân cư. PHR sẽ tập trung hoàn thiện pháp lý triển khai KCN Tân Bình mở rộng (1.055ha), làm chủ đầu tư KCN-Đô thị-Dịch vụ Hội Nghĩa (715ha) Bình Mỹ (1.002ha), KCN Tân lập 1 (201,62ha) dự kiến bắt đầu cho thuê từ 2025.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Biến cơ hội thành giá trị

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (HOSE – GVR)

Giá hiện tại	33.150
Giá mục tiêu PTKT	36.000-37.000
Giá cao nhất tháng 3	35.800
Vốn hóa (tỷ VND)	115.600
EPS ttm	646
BV	12.426
PE trailing	44,77
PB trailing	2,33

(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2024
Doanh thu	4.135,17	4.158,22	6.195,32	7.591,18	24.999
% yoy	-15,50%	-25,24%	5,95%	-15,77%	+1,1%
Lãi sau thuế	755,68	704,47	493,61	1.416,19	3.437
% yoy	-42,56%	-40,18%	-50,33%	8,03%	+2,03%
Tổng tài sản	77.043,06	76.664,28	77.796,79	78.385,27	
Vốn chủ sở hữu	54.290,96	54.174,59	55.290,02	54.853,58	
ROA (%)	4,22	3,67	3,01	3,30	
ROE (%)	6,68	5,75	4,70	6,83	
Biên lãi gộp (%)	24,32	21,78	19,93	21,12	
Biên lãi ròng (%)	18,27	16,94	7,97	18,66	

Diễn biến giá cổ phiếu so với đầu năm (%)

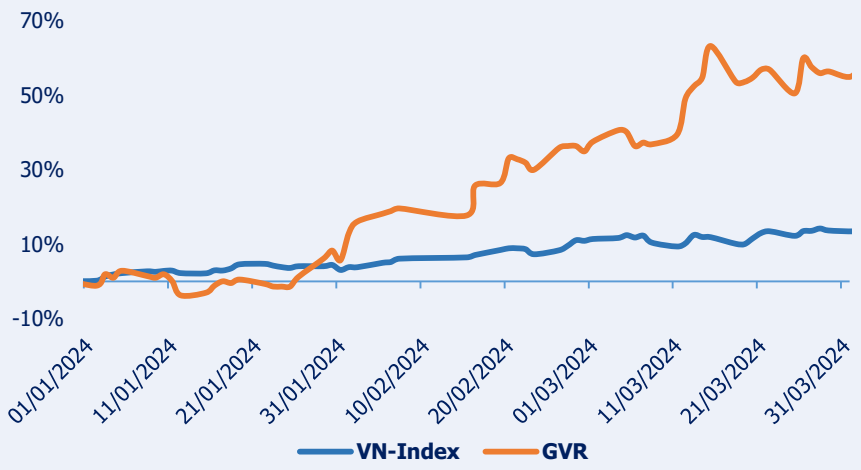

- Dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng GĐ2 (344 ha) đã được Thủ tướng phê duyệt chủ trương đầu tư và UBND tỉnh Bình Dương đã có quyết định cho thuê đất để thực hiện dự án; Các dự án đã được trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Dự án đầu tư KCN 317 ha do CTCP KCN Bắc Đồng Phú làm chủ đầu tư; Dự án KCN Rạch Bắp mở rộng 360 ha (Bình Dương); Dự án KCN Minh Hưng III mở rộng (577,53 ha).
- Năm 2023, doanh thu đạt 22.079,89 tỷ đồng (-13,16% YoY, =91% KH2023), lợi nhuận sau thuế đạt 3.369,95 tỷ đồng (-29,10% YoY, =100,2% KH2023). ĐHCĐ của GVR thông qua kế hoạch 2024 với 24.999 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận trước thuế 4.101 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế tăng 2% lên 3.437 tỷ đồng, cổ tức 2024 là 3%, cổ tức 2023 là 3%.
- Ngày 1/3/2024, GVR được Thủ tướng chấp thuận đầu tư Dự án KCN Hiệp Thạnh giai đoạn 1 tại Tây Ninh (495,17 ha) vốn đầu tư 2.350 tỷ đồng trong đó vốn góp của GVR là 352,5 tỷ đồng.
- Triển vọng: 1/Nhu cầu cao su tự nhiên từ Trung Quốc phục hồi sau giai đoạn phòng chống Covid, giá cao su tăng từ tháng 8 và duy trì ở mức cao nhất trong 1 năm; 2/Mở rộng diện tích các KCN thông qua chuyển đổi đất trồng cây cao su và phát triển mới. GVR đang khai thác 3.932ha các KCN, mục tiêu tới năm 2025 sẽ phát triển thêm 19.513ha, nâng tổng diện tích các KCN lên 23.444ha (1.734ha đang triển khai các thủ tục đầu tư); 3/Nghị định 10 bổ sung Luật Đất đai sẽ giúp đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án KCN của GVR; 4/GVR được Bộ KH&ĐT trình Chính phủ kế hoạch thoái vốn đến hết năm 2025.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Biến cơ hội thành giá trị

CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (HOSE – PNJ)

Giá hiện tại	98.900
Giá mục tiêu PTKT	110.000-115.000
Giá cao nhất tháng 3	103.800
Vốn hóa (tỷ VND)	33.121
EPS ttm	5.829,56
BV	29.896,93
PE trailing	16,98
PB trailing	3,31

(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2024
Doanh thu	9.795,69	6.663,32	6.917,55	9.760,38	37.147
% yoy	-3,42%	-17,41%	-6,06%	17,57%	+12%
Lãi sau thuế	748,59	337,59	253,34	631,97	2.089
% yoy	3,82%	-8,02%	0,42%	35,49%	+6%
Tổng tài sản	12.830,83	13.492,85	13.055,16	14.429,94	
Vốn chủ sở hữu	9.192,69	9.194,05	9.437,00	9.806,57	
ROA(%)	14,78	13,85	13,71	14,20	
ROE (%)	21,50	20,46	19,84	21,60	
Biên lãi gộp (%)	19,40	18,15	17,31	17,94	
Biên lãi ròng (%)	7,64	5,07	3,66	6,47	

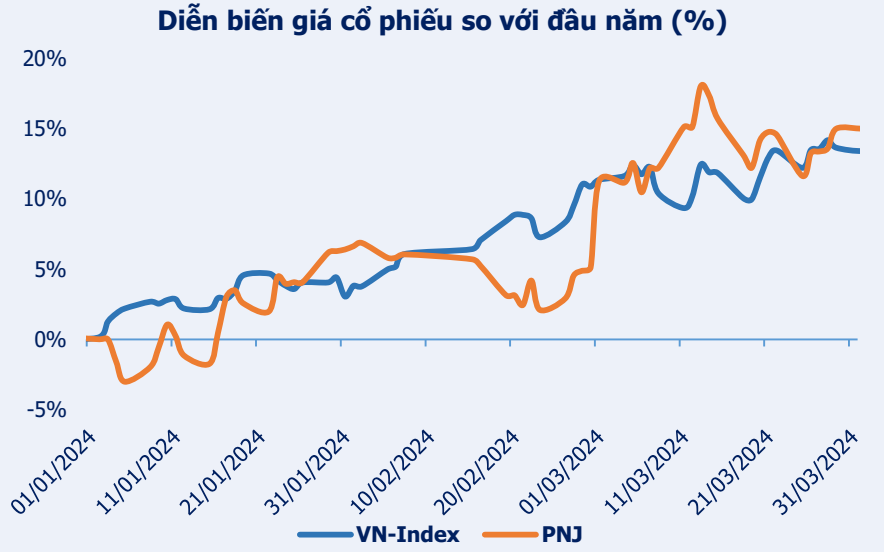

- Công ty hàng đầu về sản xuất và kinh doanh trang sức tại Việt Nam.
- Năm 2023 đạt 33.137 tỷ đồng doanh thu (-2,2% YoY), lãi sau thuế 1.971 tỷ đồng (+8,9% YoY), hoàn thành 93% kế hoạch doanh thu và 101,7% kế hoạch lợi nhuận. Biên lãi gộp trung bình cả năm 2023 đạt 18,3% so với mức 17,5% của năm 2022. Tỷ lệ chi phí hoạt động /lãi gộp giảm từ 59,1% năm 2022 xuống 58,3% năm 2023. Năm 2023, công ty mở mới 48 cửa hàng, đóng cửa 7 cửa hàng, tổng cộng có 400 cửa hàng độc lập bao gồm 391 cửa hàng PNJ, 3 cửa hàng CAO Fine Jewellery, 5 cửa hàng Style by PNJ.
- Tháng 2/2024, ước đạt 4.649 tỷ đồng doanh thu (+21,4% MoM, +63,4% YoY), 305 tỷ lãi sau thuế (+24,4% MoM, +20% YoY). Lũy kế 2 tháng đạt 8.478 tỷ đồng doanh thu (+21,6% YoY), 550 tỷ lãi sau thuế (-0,9%YoY), tương ứng lần lượt 22,8% và 26,3% kế hoạch năm 2024. Doanh thu vàng miếng 2 tháng tăng mạnh 48,5% YoY trong khi trang sức bán lẻ tăng 8,4% YoY, bán buôn tăng 7,8% YoY. Biên lãi gộp trung bình 2 tháng là 17,4%, giảm so với 19,4% cùng kỳ. Trong 2 tháng đầu năm PNJ mở thêm 2 cửa hàng PNJ qua đó nâng tổng số cửa hàng lên 402.
- Ngày 20/10/2023, GDKHQ trả cổ tức đợt 3 năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 8%. Ngày 5/1/2024, đã phát hành 6.559.992 cổ phiếu ESOP giá 20.000đ/cp, nâng vốn lên trên 3.345 tỷ đồng.
- Ngày 15/3/2024 chốt quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền tỷ lệ 6% và tham gia ĐHCĐ, dự kiến tổ chức từ 16/4 – 30/4.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Biến cơ hội thành giá trị

CTCP Xây dựng Coteccons (HOSE – CTD)

Giá hiện tại	73.000
Giá mục tiêu PTKT	78.000-81.000
Giá cao nhất tháng 3	78.100
Vốn hóa (tỷ VND)	6.715
EPS ttm	1.896
BV	84.733
PE trailing	35,45
PB trailing	0,79

(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2024
Doanh thu	3.129,65	3.614,68	4.123,96	5.659,93	17.793,00
% yoy	63,64%	10,18%	32,45%	-9,15%	+163,8%
Lãi sau thuế	22,06	30,14	66,64	69,09	274,00
% yoy	-24,63%	226,46%	1995,85%	266,16%	+426,6%
Tổng tài sản	20.041,72	21.375,03	20.550,86	21.651,89	
Vốn chủ sở hữu	8.236,02	8.271,71	8.338,35	8.407,43	
ROA(%)	0,07	0,35	0,68	0,90	
ROE (%)	0,17	0,82	1,67	2,26	
Biên lãi gộp (%)	1,78	2,79	2,43	2,99	
Biên lãi ròng (%)	0,70	0,83	1,62	1,22	

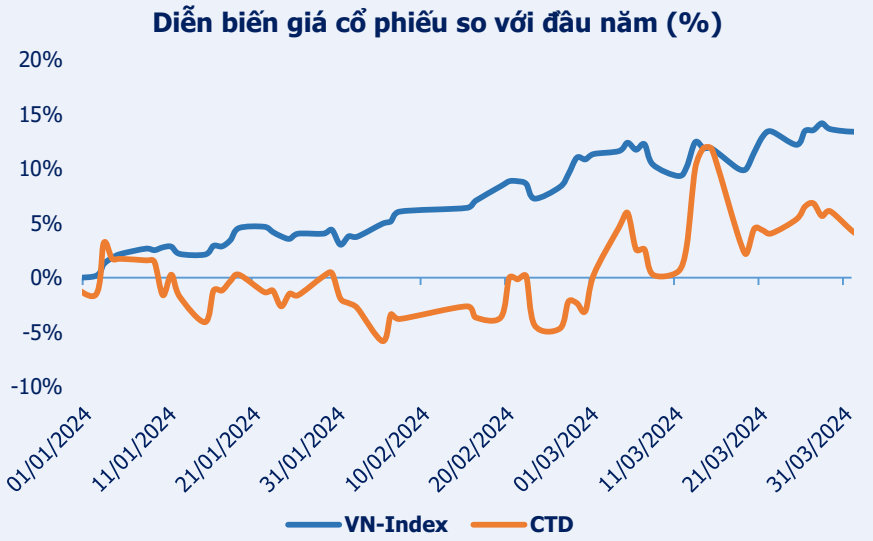

- CTD là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng nhà ở, thương mại, và gần đây là công nghiệp với việc trúng gói thầu xây dựng nhà máy sản xuất đồ chơi tỷ đô của LEGO và dự án của Foxconn.
- Trong quý 2/2024 niên độ tài chính 2023-2024 (từ 1/10/2023 – 31/12/2023). CTD ghi nhận doanh thu 5.660 tỷ đồng (-9,0% YoY); Lợi nhuận sau thuế 69,1 tỷ đồng, gấp 3,67 lần cùng kỳ, mức cao nhất trong 11 quý. Lũy kế bán niên 2024, CTD ghi nhận 9.784 tỷ đồng doanh thu (+5,0% YoY) và 136 tỷ đồng LNST, gấp 8,8 lần cùng kỳ. So với kế hoạch năm, CTD đã hoàn thành tương ứng 55% và 50% chỉ tiêu doanh thu và LNST 2024.
- Triển vọng: Dòng vốn FDI gia tăng kéo theo nhu cầu về hoạt động xây lắp công nghiệp trong và ngoài nước, CTD đã có uy tín từ hoạt động xây lắp các công trình lớn như Lego, Foxconn và đang gia tăng tỷ trọng mảng này trong backlog từ 14% lên 20% (tổng lượng backlog có giá trị 24,000 tỷ VNĐ tính đến hết năm 2023); Thị trường bất động sản dự báo phục hồi từ năm 2025 sẽ hỗ trợ cho mảng xây lắp dân dụng của CTD.
- Ngày 9/2/2024, CTD hoàn tất thủ tục mua lại 100% vốn góp 2 công ty là Công ty TNHH Sinh Nam Metal (Việt Nam) – cung cấp Facade (nhôm kính, cung cấp nguyên liệu làm bề mặt công trình) và Công ty TNHH Cơ và Điện UG Việt Nam, đồng thời đã thành lập một công ty con ở Mỹ, đặt văn phòng tại bang Florida.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Biến cơ hội thành giá trị

CTCP Đạm Cà Mau (HOSE – DCM)

Giá hiện tại	35.150
Giá mục tiêu PTKT	38.000-39.000
Giá cao nhất tháng 3	36.700
Vốn hóa (tỷ VND)	18.026
EPS ttm	1.852
BV	18.824
PE trailing	18,38
PB trailing	1,81

(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2024
Doanh thu	2.734,70	3.290,95	3.010,59	3.565,57	11.878
% yoy	-32,89%	-19,41%	-8,97%	-20,03%	-5,73%
Lãi sau thuế	229,68	312,72	74,13	491,81	795
% yoy	-84,87%	-69,34%	-89,86%	-51,01%	-28,24%
Tổng tài sản	14.571,05	15.599,07	14.714,82	15.277,98	
Vốn chủ sở hữu	10.810,63	11.102,25	9.568,08	9.993,19	
ROA(%)	21,22	15,70	10,93	7,52	
ROE (%)	29,02	21,53	15,38	10,79	
Biên lãi gộp (%)	20,80	11,25	5,89	24,28	
Biên lãi ròng (%)	8,40	9,50	2,46	13,79	

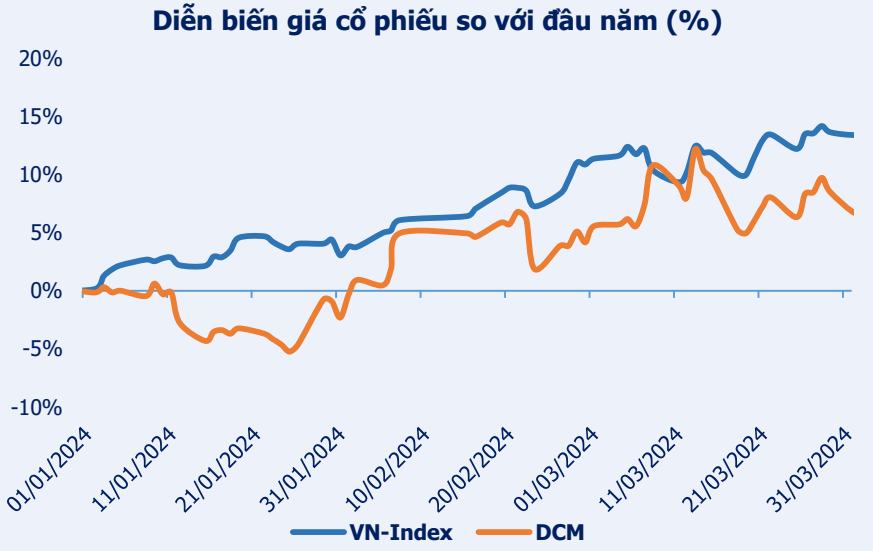

- Một trong những công ty sản xuất phân bón lớn tại Việt Nam với sản phẩm chủ lực là Ure hạt đục và NPK, hiện chiếm thị phần 60% tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và xuất khẩu sang Campuchia, Hàn Quốc, Thái Lan, Philipines, Nhật Bản, Bangladesh.
- Năm 2023 đạt 12.601 tỷ đồng doanh thu (-20% YoY) và 1.108 tỷ đồng lãi sau thuế (-74% YoY). Tình hình tài chính vững mạnh với lượng tiền và tương đương tiền tại cuối năm 2023 đạt 10.526 tỷ đồng, tương ứng 69% tổng tài sản và 2 lần nợ phải trả. Nợ vay là 847 tỷ đồng và tương đương 8,4% vốn chủ sở hữu.
- Trong 2 tháng năm 2024, DCM sản xuất 31.410 tấn NPK (17,45% KH 2024), 165.220 tấn ure quy đổi (18,5% KH 2024), ttiêu thụ 116.940 tấn ure (15,6% KH 2024) và 1.450 tấn NPK (0,8% KH 2024). Tháng 3/2024, DCM đặt mục tiêu sản xuất 79.930 tấn ure, tiêu thụ 110.000 tấn ure. Sản lượng NPK đạt 17.700 tấn, tiêu thụ 20.000 tấn.
- DCM dự kiến thực hiện Dự án nhà máy sản xuất Phân bón Cà Mau - Cơ sở Bình Định, xây dựng từ quý 1/2024 và đưa vào hoạt động trong quý 1/2025 trên diện tích hơn 29.755 m2, tại Khu công nghiệp Long Mỹ, TP Quy Nhơn, với tổng vốn đầu tư gần 120 tỷ đồng. Mục tiêu của dự án là sản xuất, phối trộn các loại phân bón NPK+TE, công suất khoảng 50.000 tấn/năm; đóng gói các loại phân bón, công suất khoảng 50.000 tấn/năm; lưu trữ, kinh doanh các loại phân bón, nguyên vật liệu sản phẩm phân bón khoảng 150.000 tấn/năm.
- Triển vọng: Giá phân bón thế giới dự báo ổn định và có thể tăng nhẹ trong năm 2024 do nguồn cung vẫn bị hạn chế; DCM sẽ hết khấu hao nhà máy từ năm 2025.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 3-2024

Biến cơ hội thành giá trị

CTCP - Tổng công ty nước - môi trường Bình Dương (HOSE – BWE)

Giá hiện tại	45.000
Giá mục tiêu PTKT	52.000-53.000
Giá cao nhất tháng 3	45.450
Vốn hóa (tỷ VND)	8.247
EPS ttm	2.902
BV	24.891
PE trailing	14,81
PB trailing	1,72

(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2024
Doanh thu	680,63	876,88	840,49	1.127,89	4.100
% yoy	-7,19%	3,52%	-2,28%	8,11%	+3,1%
Lãi sau thuế	140,73	209,96	178,09	150,66	700
% yoy	-20,21%	3,40%	-9,43%	-11,56%	+16,5%
Tổng tài sản	10.001,66	11.052,64	11.335,08	12.108,12	
Vốn chủ sở hữu	4.301,11	4.611,23	4.806,94	4.957,38	
ROA(%)	7,29	7,01	6,55	6,08	
ROE (%)	16,42	16,26	15,53	14,62	
Biên lãi gộp (%)	48,88	43,64	43,64	42,50	
Biên lãi ròng (%)	20,68	23,94	21,19	13,36	

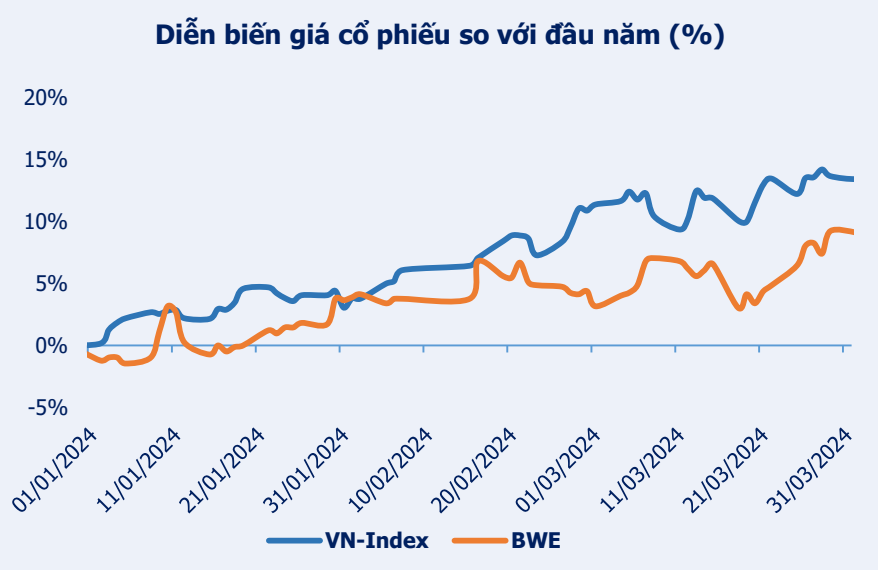

- BWE là nhà khai thác, xử lý nước thuộc top 3 tại Việt Nam, lên tới 822.000 m3/ngày, độc quyền cấp nước tại tỉnh Bình Dương Ngoài ra, công ty cũng cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, chất thải tại Bình Dương. BWE đang tích cực mở rộng địa bàn hoạt động thông qua M & A các công ty cùng ngành tại Đồng Nai, Cần Thơ, Long An và Quảng Bình. BWE cũng đang có kế hoạch mở rộng đầu tư sang các tỉnh lân cận như Binh Phước, Bến Tre…
- Năm 2023 đạt 3.526 tỷ đồng doanh thu (+1,2% YoY), lãi 682 tỷ đồng (-8,6% YoY), trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 14%. Năm 2024, BWE đặt kế hoạch doanh thu 4.100 tỷ đồng (+3,1% YoY), lãi sau thuế tối thiểu 700 tỷ đồng (+16,5% YoY), cổ tức tiền mặt tối thiểu 13%. Đối với lĩnh vực cấp nước, tiếp tục hoàn thiện và trình duyệt phương án giá nước sạch; đầu tư nâng cấp công suất nhà máy nước Nhị Thành thêm 60.000 m3/ngày, tăng công suất của Gia Tân năm 2025 đạt 40.000 đến 50.000 m3/ngày …
- Triển vọng: Hưởng lợi từ nhu cầu tiêu thụ nước tăng tại các KCN tỉnh Bình Dương nhờ vốn FDI tăng, tỷ lệ đô thị hóa cao, giá nước kì vọng sẽ tiếp tục tăng 3-5%/năm từ năm 2024. Doanh thu xử lý chất thải tăng nhờ mức giá cao hơn (BWE đang đề xuất tăng 10% cho mảng dân cư) và mở rộng công suất; BWE dự kiến hoàn thành xây dựng dây chuyền xử lý của nhà máy xử lý chất thải giai đoạn 4 (tổng công suất 840 tấn/ngày) và lò đốt rác (tổng công suất 200 tấn/ngày) trong năm 2024. Trong dài hạn, BWE đang đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng/thu mua 400ha đất mới tại huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương để xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải Tân Long, mở rộng hoạt động kinh doanh xử lý chất thải.
- Ngày 25/3/2024 họp ĐHCĐ năm 2024.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 3-2024

Biến cơ hội thành giá trị

Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (HNX – PVS)

Giá hiện tại	39.200
Giá mục tiêu PTKT	45.000-46.000
Giá cao nhất tháng 3	40.300
Vốn hóa	17.495
EPS ttm	1.812
BV	26.516
PE trailing	20,30
PB trailing	1,38

(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2024
Doanh thu	3.703,66	4.711,86	4.175,55	6.758,31	
% yoy	-1,74%	23,67%	19,22%	27,89%	
Lãi sau thuế	227,52	235,10	143,56	293,24	
% yoy	-9,10%	2177,86%	-25,62%	-45,89%	
Tổng tài sản	25.634,51	27.057,18	28.564,17	26.401,14	
Vốn chủ sở hữu	13.140,21	13.132,66	13.399,46	13.383,63	
ROA(%)	2,82	3,60	3,30	3,32	
ROE (%)	5,90	7,60	7,11	7,23	
Biên lãi gộp (%)	5,50	3,98	4,33	5,57	
Biên lãi ròng (%)	6,14	4,99	3,44	4,34	

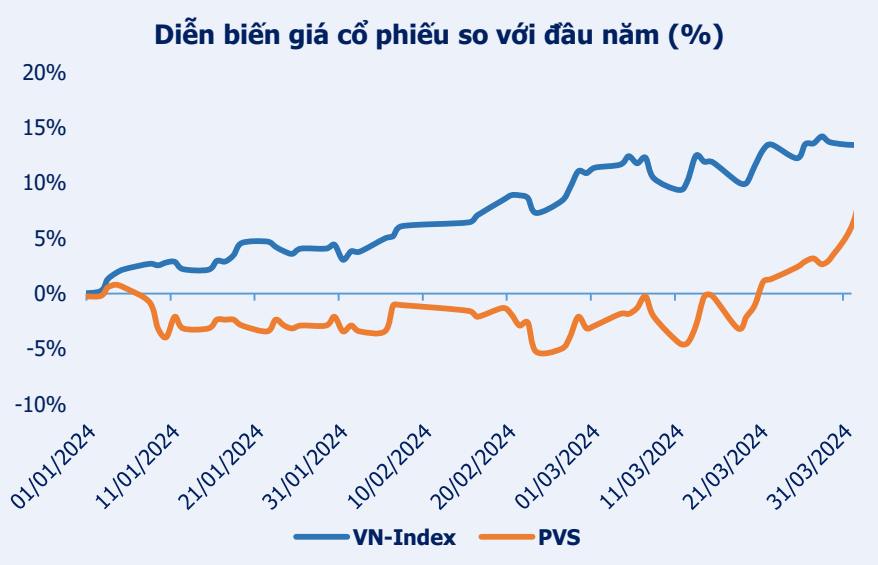

- Năm 2023 đạt doanh thu 19.349 tỷ đồng (+18,2% YoY=146,5% KH), lãi sau thuế 899,4 tỷ đồng (-14,4% YoY=160,6% KH) do biên lãi gộp giảm (4,9% so với 6,2% năm 2022) và chi phí quản lý, tài chính tăng. Tiền mặt và tiền gửi NH đạt 10.116 tỷ đồng, tương ứng 38,3% tổng tài sản và 78% nợ phải trả.
- Ngày 19/5/2023, PVS ký hợp đồng (ước 300tr USD) với Orsted (Đan Mạch) chế tạo 33 kết cấu móng chân đế cho trang trại điện gió ngoài khơi Đài Loan bàn giao vào cuối năm 2025. Tập đoàn PGE (Ba Lan) và Orsted (Đan Mạch) đã ký kết thỏa thuận với liên danh của Semco Maritime (Đan Mạch) và PTSC Mechanical & Construction (công ty con của PVS) cho dự án thiết kế, chế tạo và chạy thử 4 trạm biến áp ngoài khơi từ năm 2023 đến năm 2026 cho trang trại điện gió ngoài khơi Baltica 2 ở Ba Lan. PVS đang tham gia đấu thầu một số hợp đồng xây lắp và kỳ vọng có thể giành được 1 - 2 hợp đồng trong thời gian tới. Giá trị ước tính của mỗi hợp đồng là 300 - 500 triệu USD.
- Dự án Lô B Ô Môn: Liên doanh PVS-McDermott đã được trao gói thầu EPCI#1, ước giá trị hợp đồng 1,1 tỷ USD ngày 30/10/2023. PVS đã nhận được Thư thỏa thuận giới hạn (LLOA) của ba hợp đồng đầu tiên EPCI#1, 2, 3 tổng giá trị 1,2 tỷ USD và đang tham gia đấu thầu hợp đồng thứ 4 giá trị khoảng 400 triệu USD và hợp đồng cho thuê tàu FSO. Ban lãnh đạo PVS kỳ vọng dự án Lô B sẽ nhận được Quyết định đầu tư cuối cùng (FID) vào đầu quý 2/2024.
- Dự án xuất khẩu 1,3Gw điện gió ngoài khơi sang Singapore: 29/8/2023, PVS đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường trao giấy phép khảo sát tại khu vực biển Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 27/10/2023, Chính phủ Singapore đã trao Giấy phép nhập khẩu điện có điều kiện (CA) cho Liên doanh Sembcorp Utilities – PVS. Dự kiến sẽ bắt đầu bán điện sớm nhất vào năm 2033.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 4-2024

Biến cơ hội thành giá trị

Công ty cổ phần CNG Việt Nam (HOSE – CNG)

Giá hiện tại	35.300
Giá mục tiêu PTKT	41.000-42.000
Giá cao nhất tháng 2	37.000
Vốn hóa (tỷ VND)	8.247
EPS ttm	2.902
BV	24.891
PE trailing	14,81
PB trailing	1,72

(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2024
Doanh thu	739,43	841,51	785,17	745,90	
% yoy	-26,00%	-29,82%	-26,04%	-19,43%	
Lãi sau thuế	22,94	13,88	29,67	36,31	
% yoy	-36,45%	-62,63%	65,29%	1,88%	
Tổng tài sản	1.144,72	1.189,01	1.199,98	1.158,27	
Vốn chủ sở hữu	587,32	535,94	562,60	602,27	
ROA(%)	8,78	7,30	8,48	9,07	
ROE (%)	20,36	16,14	18,05	18,85	
Biên lãi gộp (%)	6,20	6,36	9,09	11,52	
Biên lãi ròng (%)	3,10	1,65	3,78	4,87	

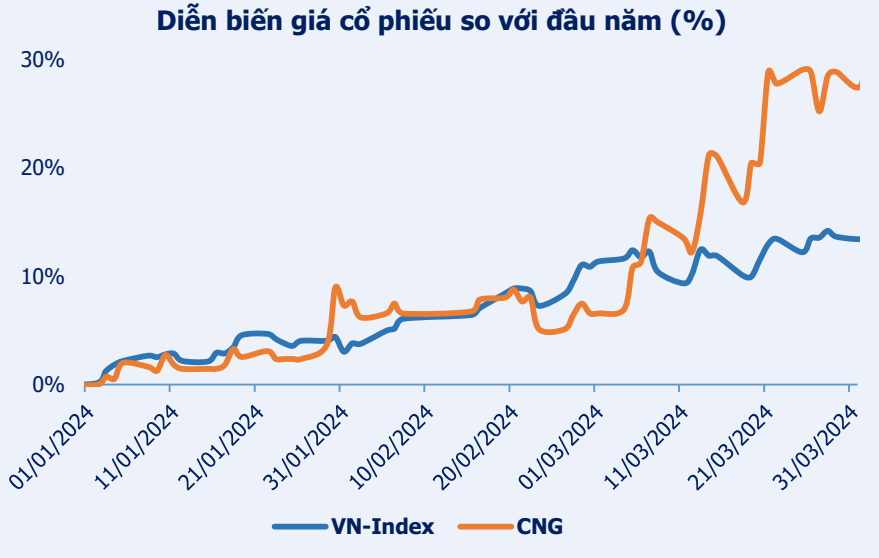

- Công ty cổ phần CNG Việt Nam là công ty phân phối sản phẩm khí CNG hiện đang chiếm 70% thị phần phân phối khí CNG và sở hữu hệ thống phân phối CNG đa dạng sẵn có, bao gồm xe bồn và đường ống vận chuyển khí.
- CNG Việt Nam hiện đang phối hợp với Tổng Công ty Khí Việt Nam - PVGas trong việc vận hành thương mại dự án Kho cảng LNG Thị Vải với công suất 1 triệu tấn/năm tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. PV GAS đã chính thức cung cấp LNG phục vụ sản xuất công nghiệp từ ngày 15/3/2024, được xuất từ trạm nạp Thị Vải (Bà Rịa - Vũng Tàu) đến trạm tái hóa khí LNG Thuận Đạo (Long An). LNG được xác định là sản phẩm kinh doanh chiến lược của CNG Việt Nam trong giai đoạn từ 2024 trở đi và từ 2029 sẽ thay thế sản phẩm CNG. CNG đặt mục tiêu chiếm lĩnh 60% thị phần phân phối LNG thông qua xe bồn trên toàn quốc, qua đó tăng sản lượng khí cung cấp bình quân giai đoạn 2026 - 2030 hơn 75% so với mức trung bình giai đoạn 2022 - 2025. Với lợi thế đang nắm 70% thị phần khí CNG và sở hữu hệ thống phân phối CNG sẵn có (xe bồn và đường ống đến các khu công nghiệp). CNG Việt Nam được đánh giá có tiềm năng trở thành một trong công ty chính trong công việc phân phối LNG tại Việt Nam.
- CNG có cơ cấu tài chính lành mạnh, có mức trả cổ tức bằng tiền mặt cao trong lichh sử với tỷ lệ trung bình 20%/năm.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 4-2024

Biến cơ hội thành giá trị

CTCP Container Việt Nam(HOSE – VSC)

Giá hiện tại	23.150
Giá mục tiêu PTKT	26.500-27.500
Giá cao nhất tháng 3	23.800
Vốn hóa	17.495
EPS ttm	1.812
BV	26.516
PE trailing	20,30
PB trailing	1,38

(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2024
Doanh thu	463,27	534,60	557,21	625,86	2.450
% yoy	-1,28%	4,50%	9,83%	20,39%	+11,5%
Lãi sau thuế	42,83	34,28	50,15	74,27	320
% yoy	-60,89%	-69,74%	-50,11%	1,44%	+20,8%
Tổng tài sản	4.420,57	5.140,76	5.171,27	5.186,55	
Vốn chủ sở hữu	3.041,38	3.173,98	3.222,73	3.296,82	
ROA(%)	6,45	4,18	2,82	2,64	
ROE (%)	9,25	6,58	4,86	7,10	
Biên lãi gộp (%)	29,49	27,83	32,08	30,40	
Biên lãi ròng (%)	9,25	6,41	9,00	11,87	

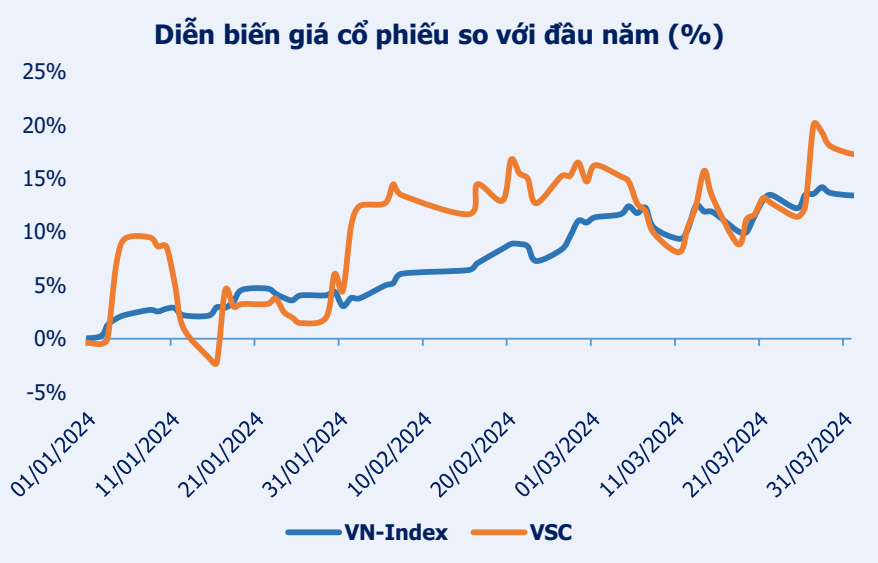

- VSC năm 2023 doanh thu đạt 2,181 tỷ đồng (+8,7% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 201,5 tỷ đồng (-48,7% YoY). Biên lợi nhuận gộp giảm từ 32,8% xuống 30%. Tổng tài sản 5186,55 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu 3296.82 tỷ đồng. Vay nợ tài chính dài hạn tăng lên 1.446 tỷ đồng đến từ VSC mua lại 35% vốn vốn điều lệ tại Cảng Nam Hải Đình Vũ.
- Ngày 29/03/2024 VSC đã hoàn tất kế hoạch phát hành tăng vốn tỷ lệ 1:1, giá phát hành 10.000 đồng. Mục tiêu Viconship dùng 1.320 tỷ để nhận chuyển nhượng thêm tối đa 44% vốn điều lệ tại Cảng Nam Hải Đình Vũ, với giá 75.000 đồng/cổ phiếu. Nếu thành công, Viconship sẽ nâng sở hữu từ 35%, lên tối đa 79% vốn điều lệ, qua đó chuyển từ hạch toán đầu tư vào công ty liên kết sang công ty con. Việc sở hữu cảng Nam Hải Đình Vũ giúp VSC trở thành doanh nghiệp cảng lớn nhất tại Hải Phòng hiện nay, với tổng công suất khoảng 2,6 triệu TEU và chiếm 30% thị phần.
- Cảng Hải Phòng đứng thứ 28 trong danh sách 50 cảng container có sản lượng thông qua lớn nhất thế giới. quý 1/2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 178,04 tỷ USD, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17%; nhập khẩu tăng 13,9%. Riêng khu vực Hải Phòng ước tính tăng trưởng 40% - 60% so với cùng kỳ.
- Ngày 03/04/2024, CTCP Cảng Xanh Vip_VGR (VSC sở hữu 74,35%) sẽ chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức đợt 2 năm 2023 với tỷ lệ 60% bằng tiền (01 cổ phiếu nhận 6.000 đồng).
- Năm 2024, VSC đặt mục tiêu doanh thu đạt 2.450 tỷ và lợi nhuận trước thuế 320 tỷ đồng, lần lượt tăng trưởng 11,5% và 20,8% so với năm 2023. Cổ tức năm 2023 dự kiến tối thiểu 15%.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng phụ trách: Ngô Thế Hiển
Hien.nth@shs.com.vn

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
Cuong.hnv2@shs.com.vn

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
Nhat.pt@shs.com.vn

Trưởng nhóm: Đoàn Thị Ánh Nguyệt
Nguyet.dta@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
Thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Trần Hồng Mây
May.th@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
Kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. SHS không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg, FiinGroup và Fialda.

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:
Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Q. Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 3, Cao Ốc Sài Gòn Metropolitan
Số 235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q1,
Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn